ViewSonic®

M1 mini Plus

Máy chiếu LED di động
Sổ hướng dẫn sử dụng

Số mẫu mã VS18107
Mã phụ kiện: M1 mini Plus

Cảm ơn bạn đã lựa chọn ViewSonic®

Là nhà cung cấp hàng đầu thế giới về các giải pháp trực quan, ViewSonic® đã nỗ lực đáp ứng vượt quá những kỳ vọng của thế giới đối với sự phát triển, đổi mới và đơn giản về công nghệ. Tại ViewSonic®, chúng tôi tin rằng các sản phẩm của chúng tôi có tiềm năng tạo ra tác động tích cực trên thế giới và chúng tôi tin tưởng rằng sản phẩm ViewSonic® mà bạn đã lựa chọn sẽ phục vụ tốt cho nhu cầu bạn.

Một lần nữa xin cảm ơn bạn đã lựa chọn ViewSonic®!

Biện pháp phòng ngừa an toàn

Hãy đọc **Biện pháp phòng ngừa an toàn** sau đây trước khi bạn bắt đầu sử dụng máy chiếu.

- Lưu giữ sổ hướng dẫn sử dụng này ở nơi an toàn để tham khảo sau.
- Hãy đọc mọi cảnh báo và thực hiện theo mọi hướng dẫn.
- Cho phép khoảng trống tối thiểu 20 inch (50 cm) xung quanh máy chiếu để đảm bảo thông gió thích hợp.
- Đặt máy chiếu ở khu vực thông gió tốt. Không đặt bất cứ vật gì lên máy chiếu vốn sẽ cản trở sự tản nhiệt.
- Không đặt máy chiếu trên bề mặt gồ ghề hoặc thiếu ổn định. Máy chiếu có thể bị rơi đổ, gây thương tích cá nhân hoặc bị hỏng.
- Không sử dụng nếu máy chiếu bị nghiêng sang trái hoặc phải với một góc hơn 10 độ hay về phía trước hoặc phía sau với góc hơn 15 độ.
- Không nhìn thẳng vào ống kính máy chiếu khi đang hoạt động. Các tia sáng mạnh có thể làm hỏng mắt của bạn.
- Luôn mở cửa trập ống kính hoặc tháo nắp ống kính khi bật đèn chiếu.
- Không chặn ống kính chiếu với bất kỳ vật thể nào khi máy chiếu đang hoạt động vì điều này có thể khiến các vật thể bị nóng và biến dạng hoặc thậm chí gây ra hỏa hoạn.
- Đèn trở nên cực nóng trong quá trình máy chiếu hoạt động. Để máy chiếu nguội khoảng 45 phút trước khi tháo cụm đèn để thay mới.
- Không sử dụng đèn quá thời hạn sử dụng định mức. Việc sử dụng các bóng đèn quá mức vượt khỏi thời hạn sử dụng định mức có thể khiến chúng bị hỏng trong những dịp hiếm hoi.
- Đừng bao giờ thay thế cụm đèn hoặc bất kỳ linh kiện điện tử nào trừ khi rút phích cắm máy chiếu.
- Không được cố tháo rời máy chiếu. Có điện áp cao nguy hiểm bên trong máy chiếu có thể gây tử vong nếu bạn tiếp xúc với các bộ phận dẫn điện.
- Khi di chuyển máy chiếu, cẩn thận không làm rơi hoặc va đập nó vào bất cứ vật gì.
- Không đặt bất kỳ vật thể nặng nào lên máy chiếu hoặc cáp kết nối.
- Không được dựng đứng máy chiếu. Nếu không, máy chiếu có thể bị rơi đổ, gây thương tích cá nhân hoặc làm hỏng máy chiếu.
- Tránh để máy chiếu tiếp xúc với ánh sáng mặt trời trực tiếp hoặc các nguồn nhiệt được duy trì liên tục khác. Không lắp đặt gần bất kỳ nguồn nhiệt nào như thiết bị tản nhiệt, cửa điều nhiệt, bếp lò hoặc thiết bị khác (kể cả bộ khuếch đại) vốn có thể tăng nhiệt độ máy chiếu lên mức nguy hiểm.

- Không đặt chất lỏng gần hoặc trên máy chiếu. Chất lỏng tràn vào máy chiếu có thể khiến nó bị hỏng. Nếu máy chiếu bị ướt, hãy ngắt kết nối khỏi nguồn điện và gọi đến trung tâm bảo hành tại địa phương để bảo hành máy chiếu.
- Khi máy chiếu đang hoạt động, bạn có thể cảm nhận được một ít không khí nóng và mùi thoát ra từ lưới tản nhiệt. Đó là hoạt động bình thường và không bị hỏng.
- Đừng cố bỏ qua các điều khoản an toàn của phích cắm loại phân cực hoặc tiếp đất. Phích cắm phân cực có hai chấu, trong đó có một chấu lớn hơn chấu còn lại. Phích cắm kiểu tiếp đất có hai chấu và một chấu tiếp đất thứ ba. Chấu lớn và chấu thứ ba được cung cấp nhằm đảm bảo an toàn cho bạn. Nếu phích cắm không vừa với ổ cắm điện của bạn, hãy dùng bộ chuyển đổi điện và không được cố ép phích cắm vào ổ cắm.
- Khi cắm vào ổ cắm điện, KHÔNG được tháo chấu tiếp đất. Đảm bảo KHÔNG BAO GIỜ THÁO chấu tiếp đất.
- Bảo vệ dây nguồn khỏi bị giẫm hoặc đè lên, đặc biệt ở phích cắm và điểm dẫn điên ra từ máy chiếu.
- Ở một số quốc gia, điện áp KHÔNG ổn định. Máy chiếu này được thiết kế để hoạt động an toàn trong phạm vi điện áp từ 100 đến 240 vốn AC, nhưng có thể bị hỏng nếu xảy ra sự cố cắt điện hoặc tăng điện áp ± 10 vôn. Ở những khu vực điện áp có thể tăng giảm hoặc bị cắt, bạn nên kết nối máy chiếu qua bộ ổn định nguồn, bộ bảo vệ tăng áp hoặc bộ cấp nguồn liên tục (UPS).
- Nếu phát hiện có khói, tiếng ồn bất thường hoặc mùi lạ, hãy tắt ngay máy chiếu và gọi cho đại lý bán hàng hoặc ViewSonic®. Việc tiếp tục sử dụng máy chiếu là rất nguy hiểm.
- Chỉ sử dụng các thiết bị phụ/phụ kiện theo quy định của nhà sản xuất.
- Ngắt kết nối dây nguồn khỏi ổ cắm điện AC nếu máy chiếu không được sử dụng trong một thời gian dài.
- Luôn sử dụng mọi dịch vụ từ nhân viên dịch vụ đủ trình độ.

> Mục lục

Biện pháp phòng ngừa an toàn..... 3

Giới thiệu 8

Các tính năng 8

Nội dung gói sản phẩm 9

Tổng quan về sản phẩm..... 10

Máy chiếu 10

Điều khiển từ xa 11

Phạm vi hoạt động của điều khiển từ xa 12

Điều khiển từ xa - Thay pin..... 12

Thiết lập ban đầu 13

Chọn vị trí - Hướng máy chiếu 13

Kích thước chiếu..... 14

Tháo/lắp tấm mặt trên 15

Thực hiện các kết nối..... 16

Kết nối nguồn điện 16

Sử dụng pin..... 17

Thông tin về thời gian sử dụng pin..... 17

Kết nối thiết bị ngoại vi..... 18

Kết nối HDMI 18

Kết nối USB..... 18

Phản chiếu màn hình không dây 19

Kết nối Bluetooth..... 20

Bluetooth Speaker (Loa Bluetooth)..... 20

Bluetooth Out (Bluetooth đầu ra)..... 22

Kết nối với mạng..... 23

Kết nối Wi-Fi..... 23

SSID tùy chỉnh..... 25

Sử dụng máy chiếu 27
Khởi động máy chiếu 27
Điều chỉnh hình chiếu 28
Điều chỉnh chiều cao máy chiếu và góc chiếu 28
Điều chỉnh lấy nét 29
Kích hoạt lần đầu 30
Ngôn ngữ ưu tiên 30
Hướng máy chiếu 31
Network Settings (Cài đặt mạng) 31
Tắt máy chiếu 32
Đã chọn nguồn tín hiệu vào - Sơ đồ menu hiển thị trên màn hình (OSD) 33
Vận hành máy chiếu 43
Home Screen (Màn hình chính) 43
Home Screen (Màn hình chính) - Sơ đồ menu hiển thị trên màn hình (OSD) 44
Thao tác menu 48
File Management (Quản lý tập tin) 48
Cách sử dụng các nút trên thanh điều khiển đa phương tiện 50
Định dạng file được hỗ trợ 51
Apps Center (Trung tâm ứng dụng) 52
Aptoide 53
Bluetooth 55
Setting (Cài đặt) 56
Screen Mirroring (Phản chiếu màn hình) 69
Chức năng bộ sạc dự phòng 72

Phụ lục 73
Thông số kỹ thuật 73
Kích thước máy chiếu 74
Biểu đồ định giờ 74
Định giờ video HDMI 74
Định giờ PC hỗ trợ HDMI 75
Định giờ hỗ trợ 3D 76
Đèn báo LED 77
Bảng chú giải 78
Khắc phục sự cố 80
Bảo dưỡng 81
Biện pháp phòng ngừa chung 81
Vệ sinh ống kính 81
Lau vỏ máy chiếu 81
Cất giữ máy chiếu 81
Thông tin quy định và dịch vụ 82
Thông tin tuân thủ 82
Tuyên bố tuân thủ FCC 82
Tuyên bố phơi nhiễm bức xạ FCC 83
Tuân thủ nhãn CE đối các quốc gia châu Âu 83
Tuyên bố tuân thủ RoHS2 84
Hạn chế các chất nguy hại của Ấn Độ 85
Điều khiển từ xa: 85
Pin: 85
Thải bỏ sản phẩm khi kết thúc vòng đời sử dụng 86
Thông tin bản quyền 87
Dịch vụ khách hàng 88
Bảo hành hạn chế 89

> Giới thiệu

Rạp Chiếu phim Bỏ túi Không Đèn này cung cấp cho người dùng khả năng chiếu bằng đèn LED hiệu suất cao và thiết kế thân thiện với người dùng nhằm mang lại độ tin cậy cao và khả năng tiện dụng.

LƯU Ý: Một số tính năng có thể không có sẵn trên máy chiếu của bạn. Hiệu suất thực tế có thể khác nhau tùy vào thông số kỹ thuật của từng mẫu máy chiếu.

Các tính năng

- Thiết kế ống kính gần cho phép chiếu trên màn hình kích thước 39 inch chỉ từ 1 mét.
- Tự chỉnh vuông hình dọc giúp hiệu chỉnh tự động hình chiếu bị méo.
- Hiệu suất âm thanh vượt trội của JBL.
- Bật/tắt tức thì và màu sắc tuyệt vời.
- Bạn có thể thay các tấm mặt trên với màu sắc khác nhau và điều chỉnh góc linh hoạt.
- Các menu hiển thị trên màn hình (OSD) đa ngôn ngữ.
- Pin nhúng trong máy dùng để chiếu ngoài trời dễ dàng.
- Thiết kế giao diện người dùng (UI) thân thiện cho phép điều hướng dễ dàng.
- Nguồn sáng đèn LED có tuổi thọ vượt trội (30.000 giờ).
- Chế độ màu cho mọi trải nghiệm.
- Bộ nhớ trong 8 GB (Có sẵn tối đa 4 GB để người dùng lưu trữ).
- Loa Bluetooth, Bluetooth đầu ra và tính năng Phản chiếu màn hình.

LƯU Ý: Độ sáng rõ của hình chiếu sẽ khác nhau tùy vào các điều kiện ánh sáng xung quanh, cài đặt độ tương phản/độ sáng tín hiệu đầu vào đã chọn và khoảng cách chiếu.

Nội dung gói sản phẩm

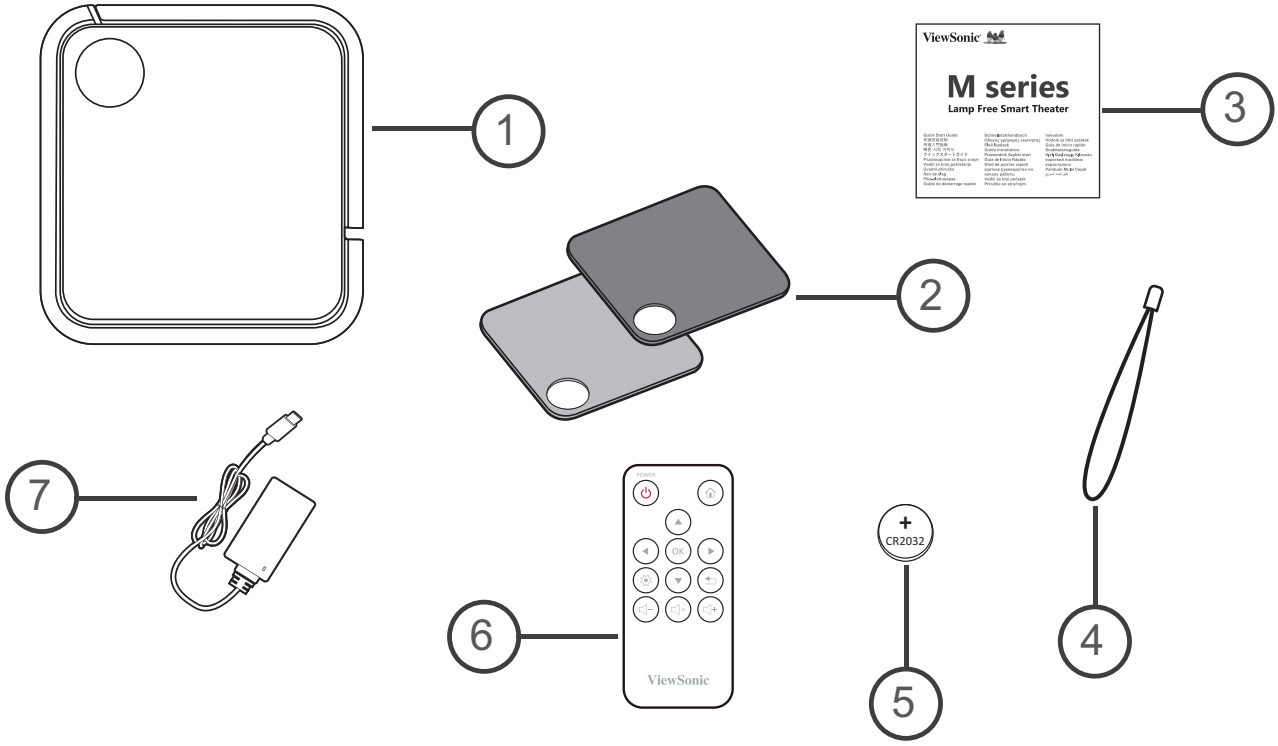

Mục	Mô tả
[1]	Máy chiếu M1 mini Plus
[2]	Tấm mặt trên có thể thay đổi
[3]	Hướng dẫn khởi động nhanh
[4]	Dây buộc
[5]	Pin CR2032
[6]	Điều khiển từ xa
[7]	Adapter nguồn

LƯU Ý: Pin CR2032 nằm bên trong điều khiển từ xa.

Tổng quan về sản phẩm

Máy chiếu

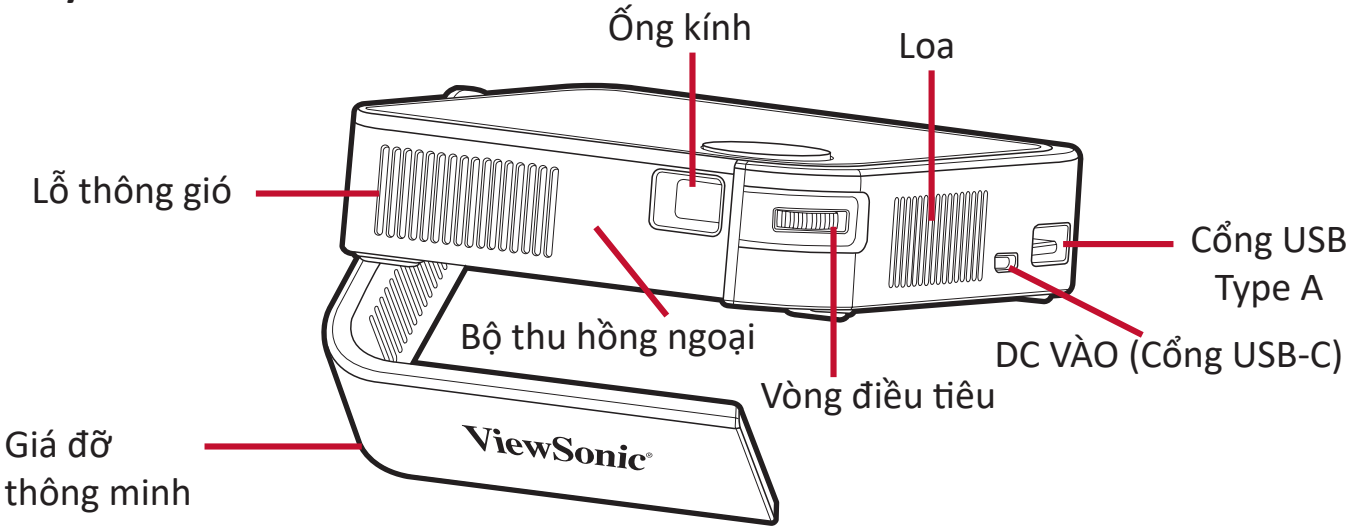

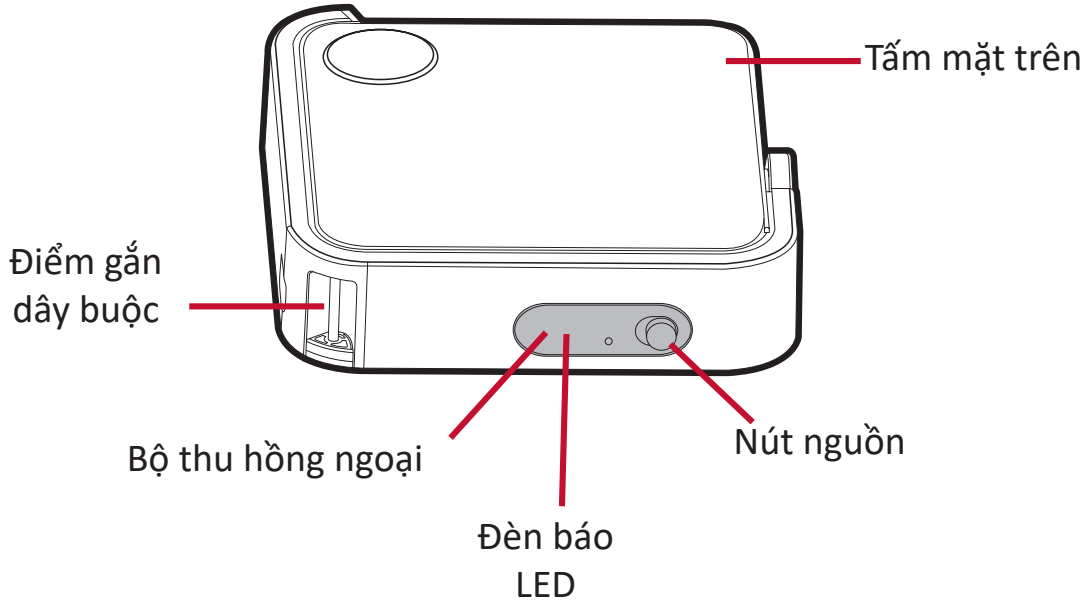

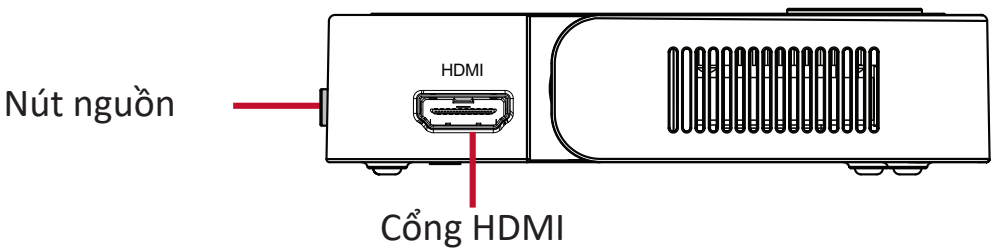

Điều khiển từ xa

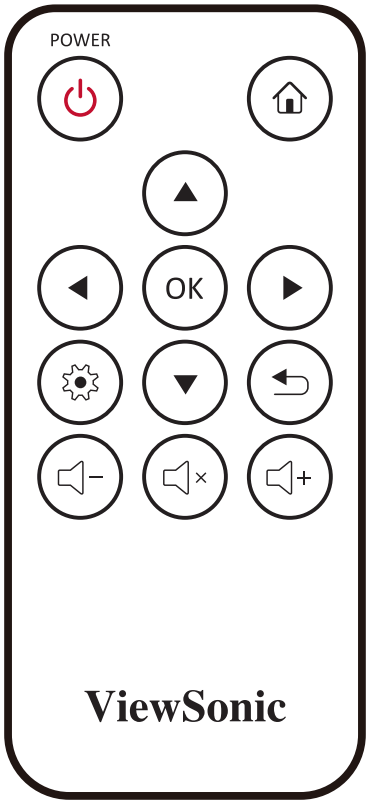

Nút	Biểu tượng	Mô tả
Nguồn điện		Bật hoặc Tắt máy chiếu
Trang chủ		Truy cập màn hình **Home (Trang chủ)**
Lên/Xuống/Trái/Phải		Điều hướng và chọn các mục menu mong muốn và thực hiện các điều chỉnh
OK		Xác nhận lựa chọn
Cài đặt		Hiển thị menu **Settings (Cài đặt)**
Trở về		Trở về màn hình trước
Tăng âm lượng		Tăng mức âm lượng
Tắt âm		Tắt âm lượng
Giảm âm lượng		Giảm mức âm lượng

Phạm vi hoạt động của điều khiển từ xa

Để đảm bảo chức năng điều khiển từ xa hoạt động thích hợp, hãy thực hiện theo các bước sau:

1. Điều khiển từ xa phải được giữ ở một góc 30 độ vuông góc với (các) cảm biến điều khiển từ xa IR (hồng ngoại) trên máy chiếu.
2. Khoảng cách giữa điều khiển từ xa và (các) cảm biến không được vượt quá 8 mét (26 foot)

LƯU Ý: Tham khảo hình minh họa về vị trí của (các) cảm biến điều khiển từ xa hồng ngoại.

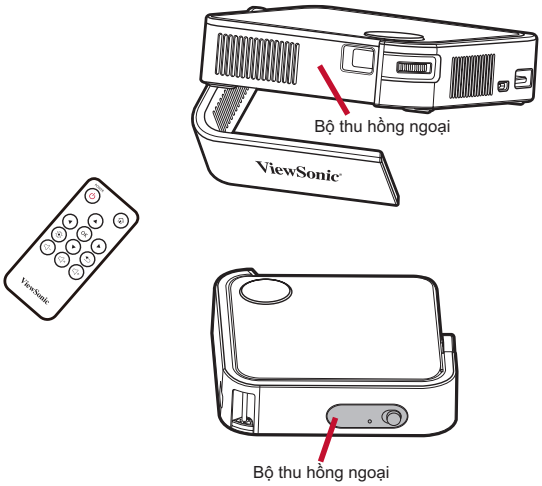

Điều khiển từ xa - Thay pin

1. Đặt điều khiển từ xa úp xuống và tháo nắp pin ra khỏi đáy điều khiển từ xa bằng cách ấn vào then bên cạnh và kéo nó ra.
2. Tháo mọi pin hiện có (nếu cần) và lắp một viên pin CR2032.

   LƯU Ý: Quan sát các cực pin như chỉ định.
3. Đậy nắp pin lại bằng cách căn nó thẳng với đế và đẩy trở về đúng vị trí.

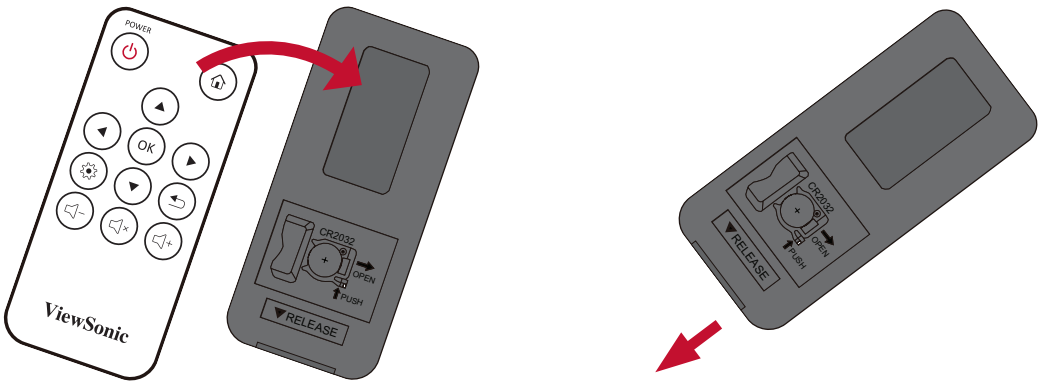

LƯU Ý:

- Tránh để điều khiển từ xa và pin trong môi trường quá nóng hoặc ẩm ướt.
- Chỉ thay thế bằng loại pin giống nhau hoặc tương đương được nhà sản xuất pin khuyên dùng.
- Nếu pin bị cạn kiệt hoặc nếu bạn không sử dụng điều khiển từ xa trong một thời gian dài, hãy tháo pin ra để tránh làm hỏng điều khiển từ xa.
- Thải bỏ pin đã qua sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất và quy định về môi trường tại địa phương cho khu vực của bạn.

> Thiết lập ban đầu

Phần này cung cấp hướng dẫn chi tiết về cách thiết lập ban đầu cho máy chiếu của bạn.

Chọn vị trí - Hướng máy chiếu

Sở thích cá nhân và cách bố trí phòng sẽ quyết định vị trí lắp đặt. Hãy xem xét những điều sau:

- Kích thước và vị trí màn hình của bạn.
- Vị trí ổ cắm điện phù hợp.
- Vị trí và khoảng cách giữa máy chiếu và các thiết bị khác.

Máy chiếu được thiết kế để được cài đặt tại một trong các vị trí sau:

Vị trí	
Bàn phía trước Máy chiếu được đặt gần sàn nhà phía trước màn hình.	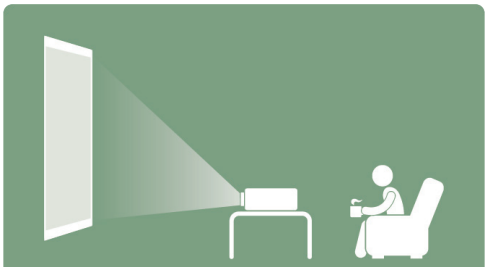
Trần phía trước Máy chiếu được treo ngược từ trần nhà xuống phía trước màn hình.	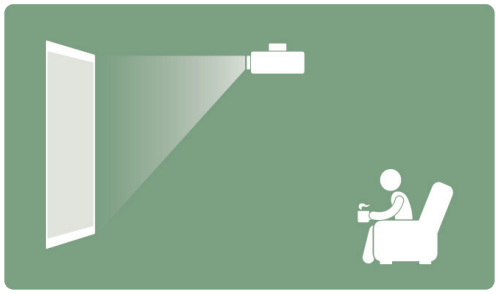
Bàn phía sau[1] Máy chiếu được đặt gần sàn nhà phía sau màn hình.	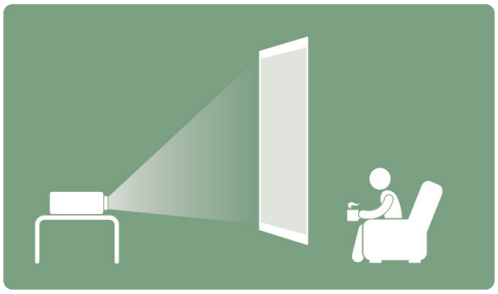
Trần phía sau[1] Máy chiếu được treo ngược từ trần nhà phía sau màn hình.	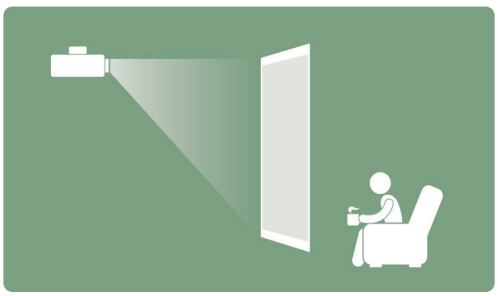

1. Bắt buộc phải trang bị màn hình chiếu phía sau.

Kích thước chiếu

- Hình 16:9 trên màn hình 16:9

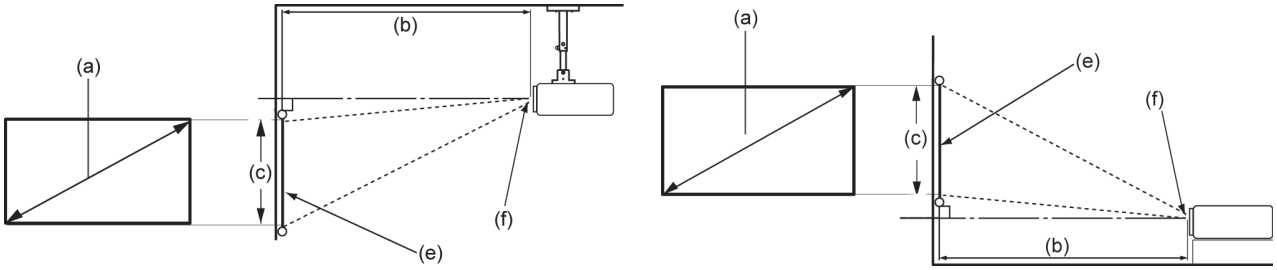

LƯU Ý: (e) = Màn hình/(f) = Tâm ống kính

Hình 16:9 trên màn hình 16:9

(a) Kích thước màn hình		(b) Khoảng cách chiếu		(c) Chiều cao hình		Chiều rộng hình	
inch	cm	inch	m	inch	cm	inch	mm
30	76,2	32,16	0,82	14,7	37,36	26,15	664
40	101,6	42,88	1,09	19,6	49,81	34,86	886
50	127	53,6	1,36	24,5	62,26	43,58	1107
60	152,4	64,32	1,63	29,4	74,72	52,29	1328
70	177,8	75,04	1,91	34,3	87,17	61,01	1550
80	203,2	85,76	2,18	39,2	99,62	69,73	1771
90	228,6	96,48	2,45	44,1	112,07	78,44	1992
100	254	107,2	2,72	49	124,53	87,16	2214

LƯU Ý: Có dung sai 3% trong những con số này do các biến thể thành phần quang học. Nên kiểm tra kích thước và khoảng cách chiếu thực tế trước khi lắp đặt máy chiếu cố định và lâu dài.

Tháo/lắp tấm mặt trên

M1 mini Plus đi kèm với nhiều tấm mặt trên đa dạng màu sắc.

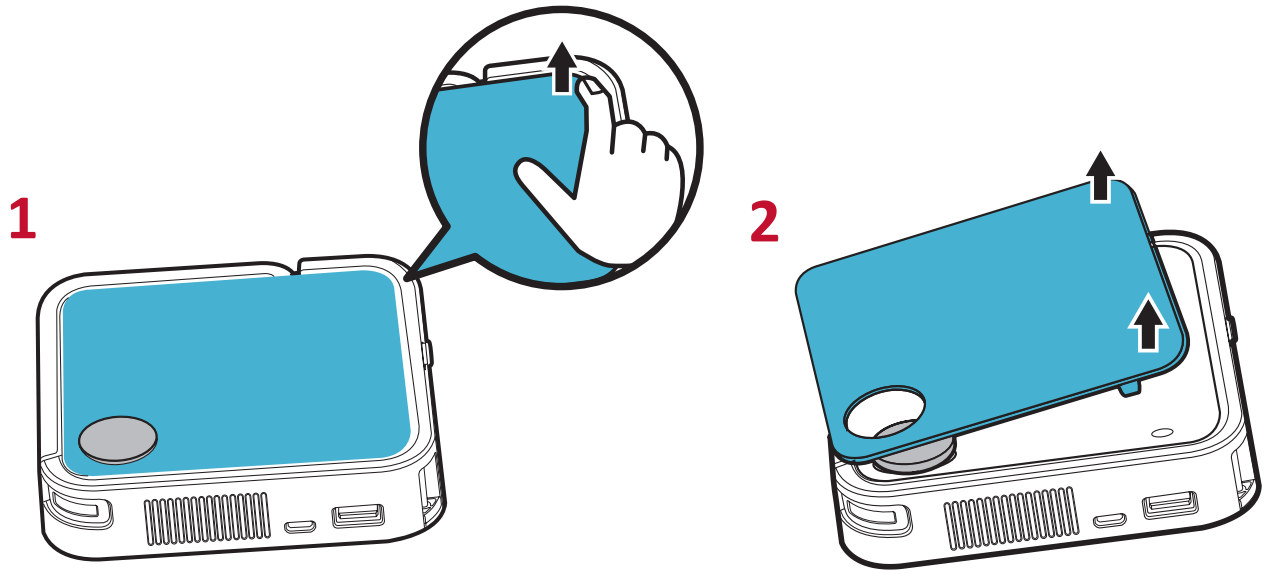

Để thay đổi tấm mặt trên:

1. Tháo tấm mặt trên bằng cách cẩn thận nâng một góc và nhấc tấm mặt trên ra (như hình minh họa ở trên).
2. Để lắp đặt tấm mặt trên, hãy căn thẳng các lỗ tròn và ngạnh nằm dưới tấm mặt trên với khoảng cách và các lỗ trên máy chiếu. Ấn nhẹ tấm mặt trên vào đúng vị trí.

> Thực hiện các kết nối

Phần này hướng dẫn bạn cách kết nối máy chiếu với các thiết bị khác.

Kết nối nguồn điện

Kết nối adapter nguồn với Cổng USB-C bên phía cạnh máy chiếu.

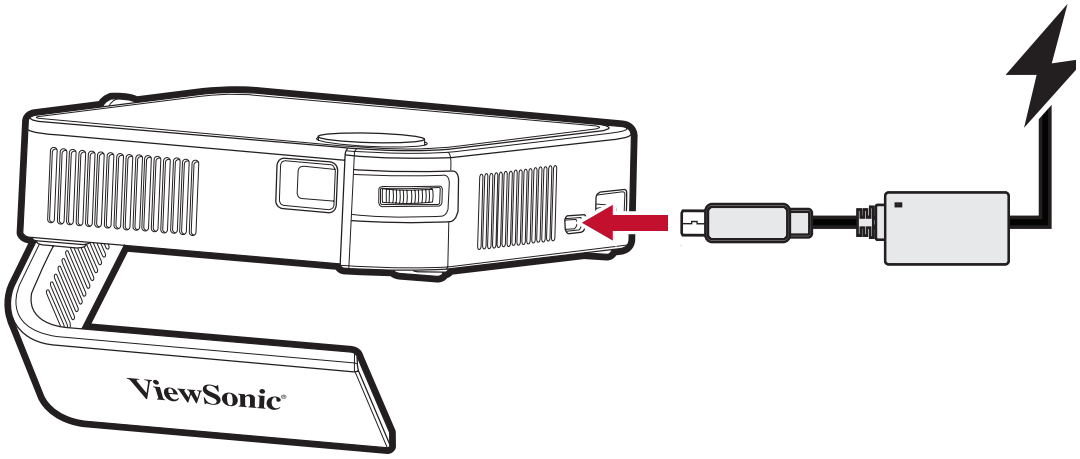

LƯU Ý:

- Hãy sạc pin máy chiếu trong 2,5 tiếng qua adapter nguồn đi kèm trước khi sử dụng máy chiếu lần đầu.
- Bạn nên sử dụng adapter nguồn đi kèm khi vận hành máy chiếu, đặc biệt là khi máy chiếu sắp hết pin.
- Máy chiếu hỗ trợ cả nguồn điện sạc 5V hoặc 9V. Nếu không sử dụng adapter nguồn đi kèm để sạc pin, bạn sẽ mất hơn 2,5 tiếng để sạc đầy pin.
- Để bật nguồn máy chiếu, bộ sạc dự phòng phải có công suất tối thiểu là 18W (9V/2A) và hỗ trợ đầu ra giao thức Sạc nhanh (QC).

Sử dụng pin

Biểu tượng mức pin sẽ hiển thị ở bên phải phía trên **Home Screen (Màn hình chính)**. Khi mức pin sắp hết, màn hình sẽ hiển "low batterry message (thông báo pin yếu)".

Thông tin về thời gian sử dụng pin

Sạc pin	Khoảng 2,5 tiếng
Số giờ sử dụng	1,4 giờ (Thường)/1,5 giờ (Tiết kiệm)
Đèn báo mức pin (Đang sạc)	Trong khi sạc: Đèn LED màu đỏ Bật Sạc đầy: Đèn LD xanh lá đang Bật

LƯU Ý: Nếu bạn không sử dụng adapter nguồn đi kèm để sạc, thời gian sạc sẽ kéo dài hơn 2,5 tiếng.

Kết nối thiết bị ngoại vi

Kết nối HDMI

Cắm một đầu cáp HDMI vào cổng HDMI trên thiết bị video. Sau đó, cắm đầu cáp còn lại vào cổng **HDMI** (hỗ trợ HDCP 1.4/HDMI 1.4) trên máy chiếu.

Kết nối USB

Để tận hưởng ảnh, âm nhạc và phim, chỉ cần cắm ổ USB flash vào cổng **USB Type A**. Về định dạng file hỗ trợ, hãy xem trang 51.

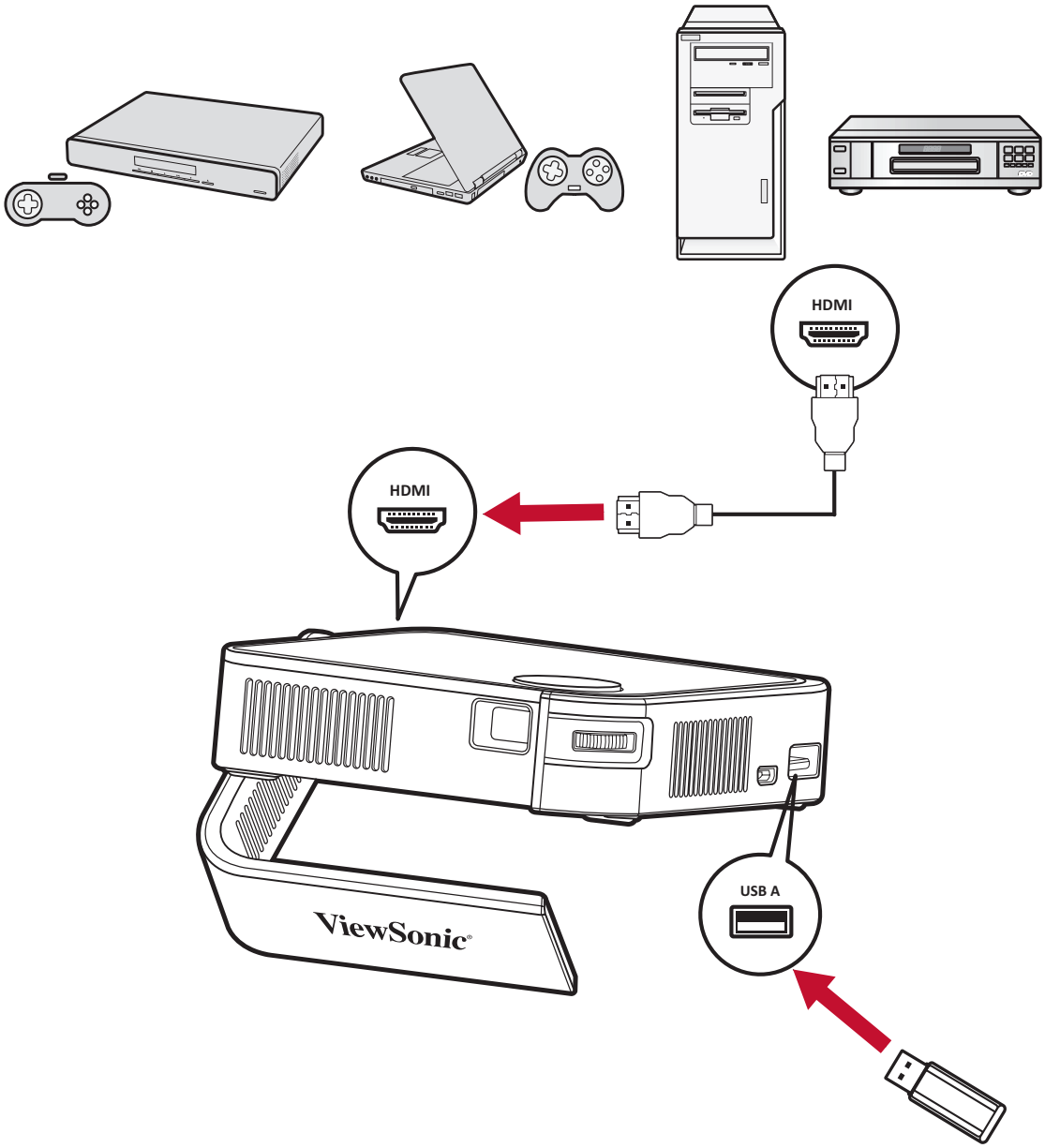

Phản chiếu màn hình không dây

Phản chiếu màn hình cung cấp kết nối Wi-Fi 5GHz để người dùng phản chiếu màn hình trên thiết bị cá nhân của họ.

LƯU Ý: Đảm thiết bị của bạn được kết nối cùng mạng với máy chiếu

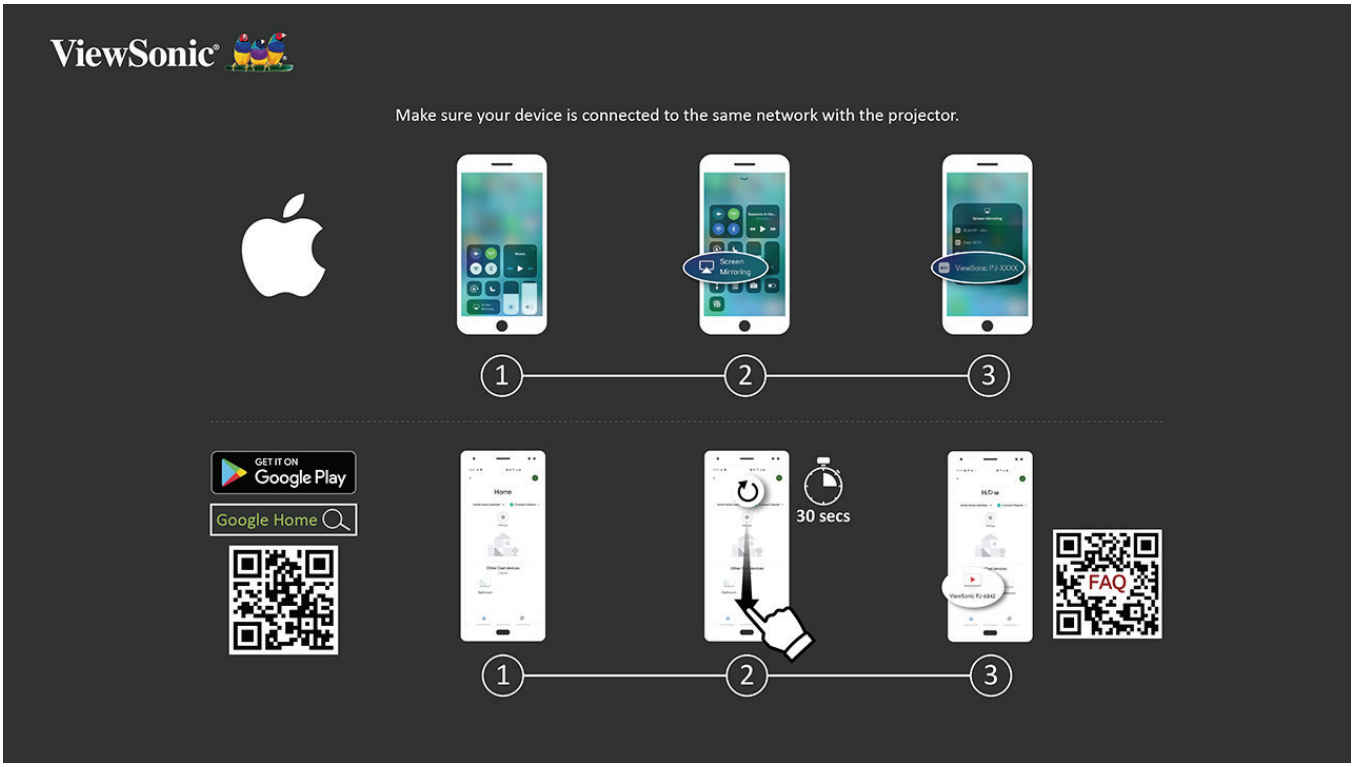

Đối với iOS:

1. Truy cập menu điều khiển sổ xuống.

2. Chọn biểu tượng “Screen Mirroring (Phản chiếu màn hình)”.

3. Chọn “ViewSonic PJ-XXXX”.

Đối với Android:

1. Tải xuống và cài đặt ứng dụng “Google Home” và mở nó.

2. Kéo để làm mới ứng dụng và chờ 30 giây.

3. “ViewSonic PJ-XXXX” lúc này sẽ hiển thị. Bạn hãy chọn vào đó.

LƯU Ý: Một số thiết bị Android hỗ trợ “Casting (Truyền)” trực tiếp. Nếu thiết bị của bạn hoạt động, hãy vào tính năng Casting (Truyền) và chọn “ViewSonic PJ-XXX” từ danh sách các thiết bị khả dụng. Bạn cũng có thể quét mã QR Câu hỏi thường gặp và làm theo hướng dẫn để truyền trực tiếp thiết bị Android của mình.

Kết nối Bluetooth

Bluetooth Speaker (Loa Bluetooth)

Máy chiếu này được trang bị Bluetooth. Nhờ vậy, người dùng có thể kết nối không dây thiết bị của mình để phát lại âm thanh.

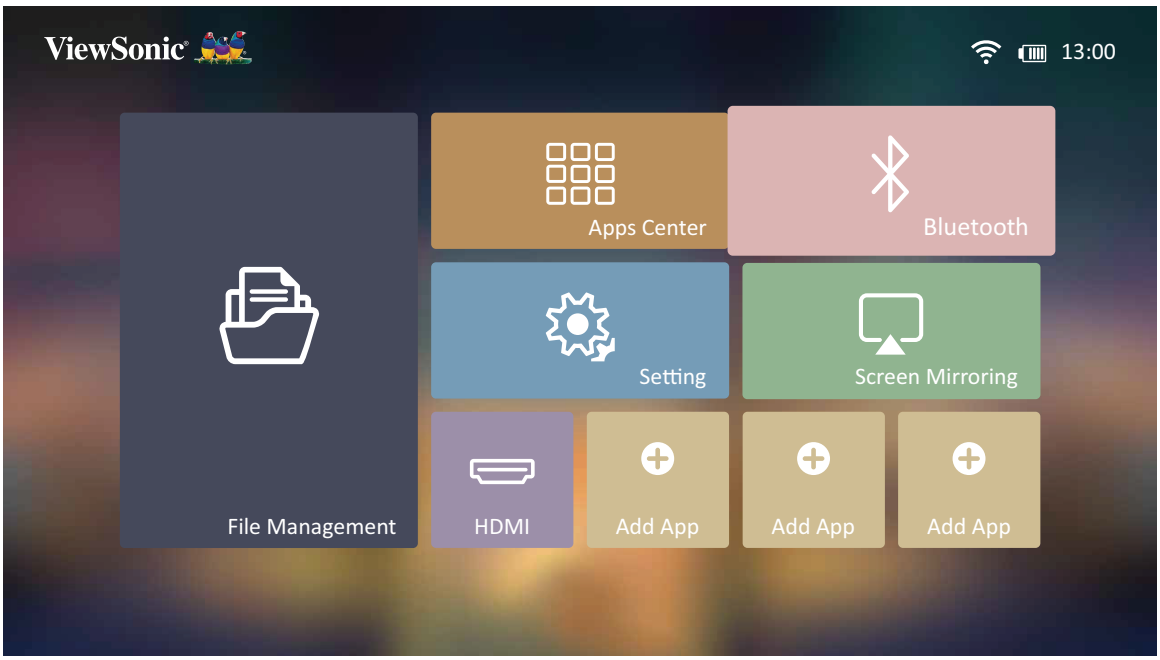

Để kết nối và ghép nối thiết bị của bạn:

1. Vào: **Home (Trang chủ)** > **Bluetooth**.
2. Dùng nút chỉ hướng **Trái** và **Phải** trên điều khiển từ xa để chọn lựa chọn **Bluetooth Speaker (Loa Bluetooth)** hoặc **Bluetooth Pairing (Ghép nối Bluetooth)**. Sau đó nhấn nút **OK** trên điều khiển từ xa.

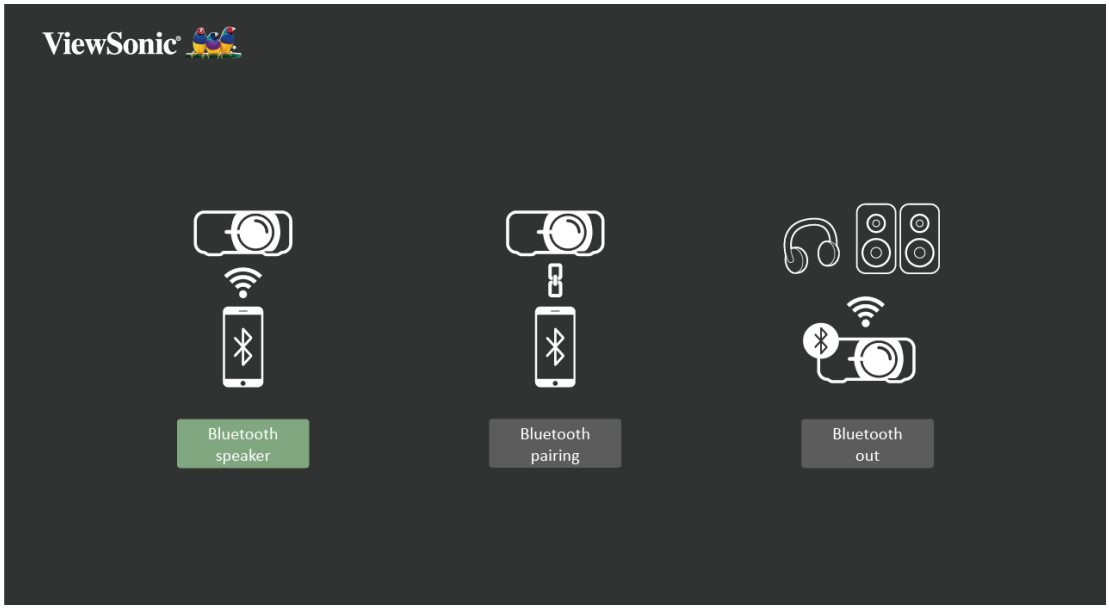

3. Khi hộp thoại bên dưới xuất hiện, chọn **Yes (Có)** rồi ấn **OK** trên điều khiển từ xa để vào chế độ Bluetooth.

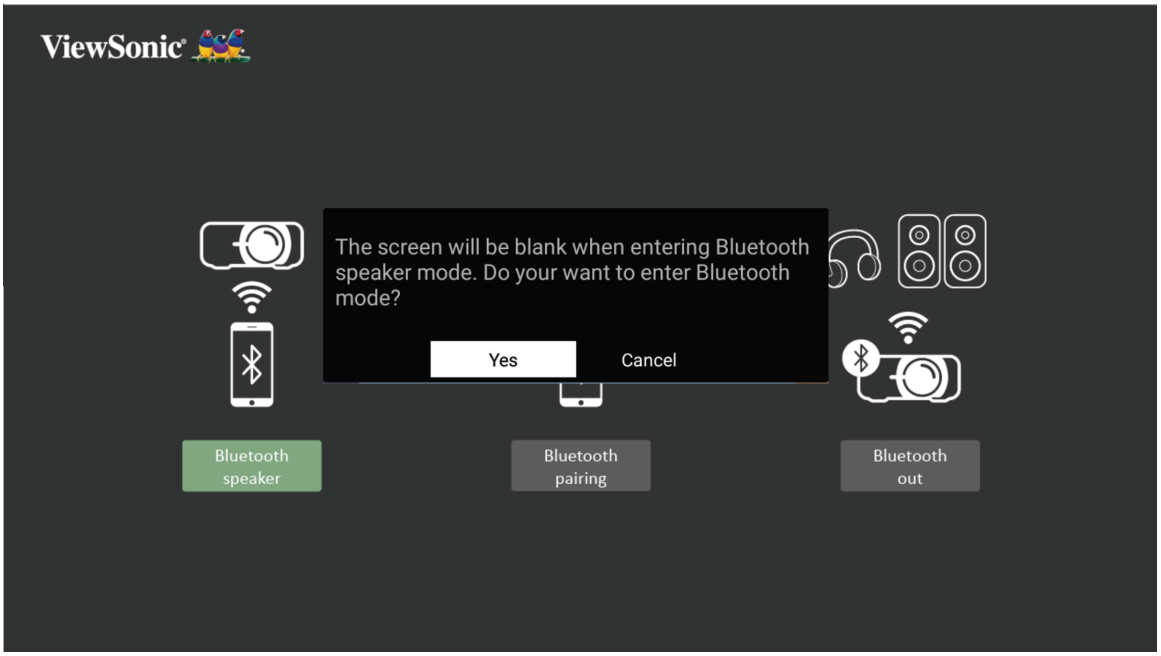

4. Bạn sẽ nghe thấy hiệu ứng âm thanh khi vào chế độ ghép nối.

5. Sau khi kết nối thành công, bạn sẽ nghe thấy một hiệu ứng âm thanh khác nữa.

LƯU Ý:

- Sau khi đã ghép nối, nếu cả máy chiếu và thiết bị đều Bật, chúng sẽ tự động kết nối qua Bluetooth.
- Tên máy chiếu sẽ đề nhãn là “M1 mini Plus”.

Bluetooth Out (Bluetooth đầu ra)

Kết nối máy chiếu với tai nghe hoặc loa bên ngoài có hỗ trợ Bluetooth.

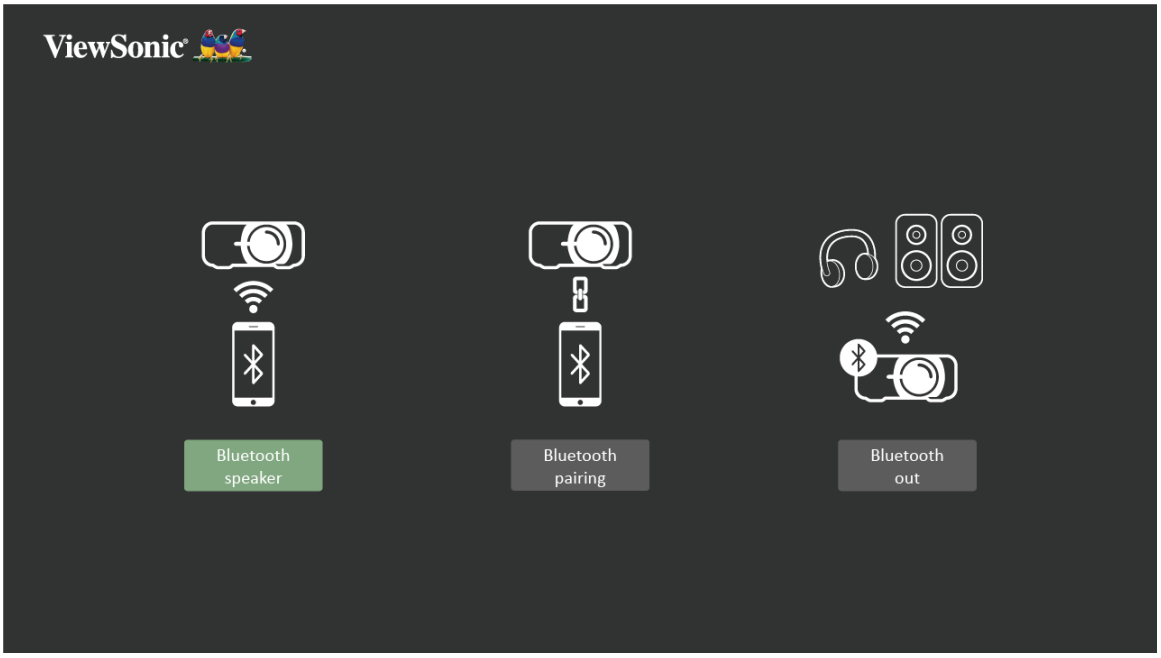

Để kết nối và ghép nối thiết bị của bạn:

1. Vào: **Home (Trang chủ)** > **Bluetooth**.
2. Dùng nút chỉ hướng **Trái** và **Phải** trên điều khiển từ xa để chọn lựa chọn **Bluetooth Out (Bluetooth đầu ra)**.

3. Máy chiếu sẽ tìm kiếm thiết bị Bluetooth ở gần. Chọn thiết bị của bạn từ danh sách và nhấn **OK** trên điều khiển từ xa.

Kết nối với mạng

Kết nối Wi-Fi

Để kết nối mạng Wi-Fi:

1. Vào: **Home (Trang chủ)** > **Setting (Cài đặt)** > **Network Settings (Cài đặt mạng)** > **Wi-Fi**
2. Nhấn nút **Trái** hoặc **Phải** trên điều khiển từ xa để chọn **On (Bật)**.

3. Lúc này các mạng Wi-Fi khả dụng sẽ hiển thị. Chọn một trong các mạng Wi-Fi khả dụng.

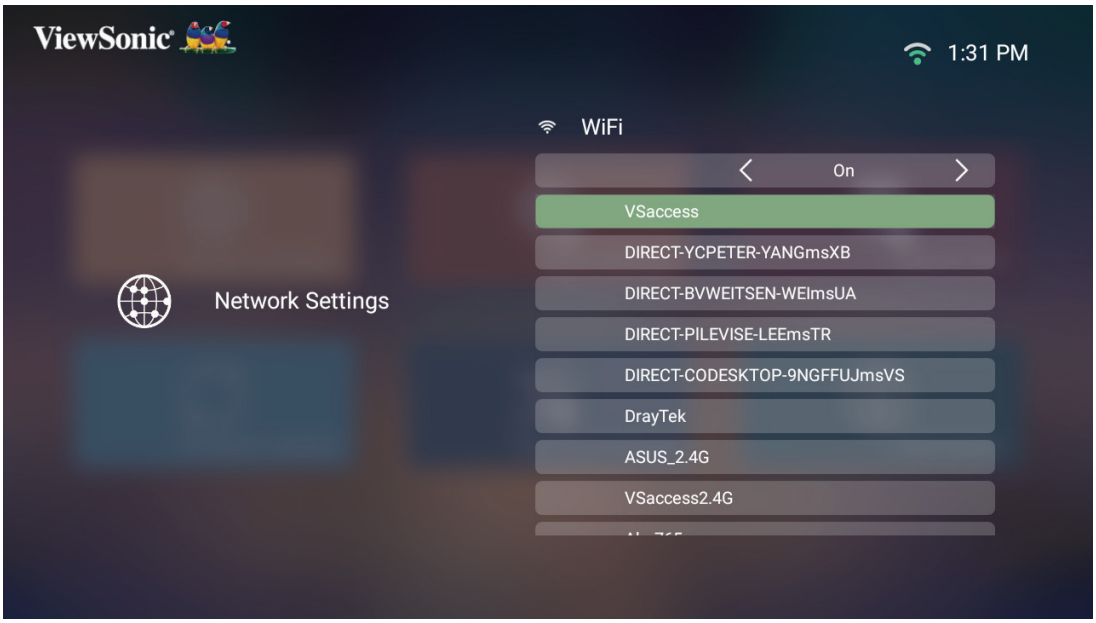

4. Nếu kết nối với mạng Wi-Fi an toàn, bạn phải nhập mật khẩu khi được nhắc.

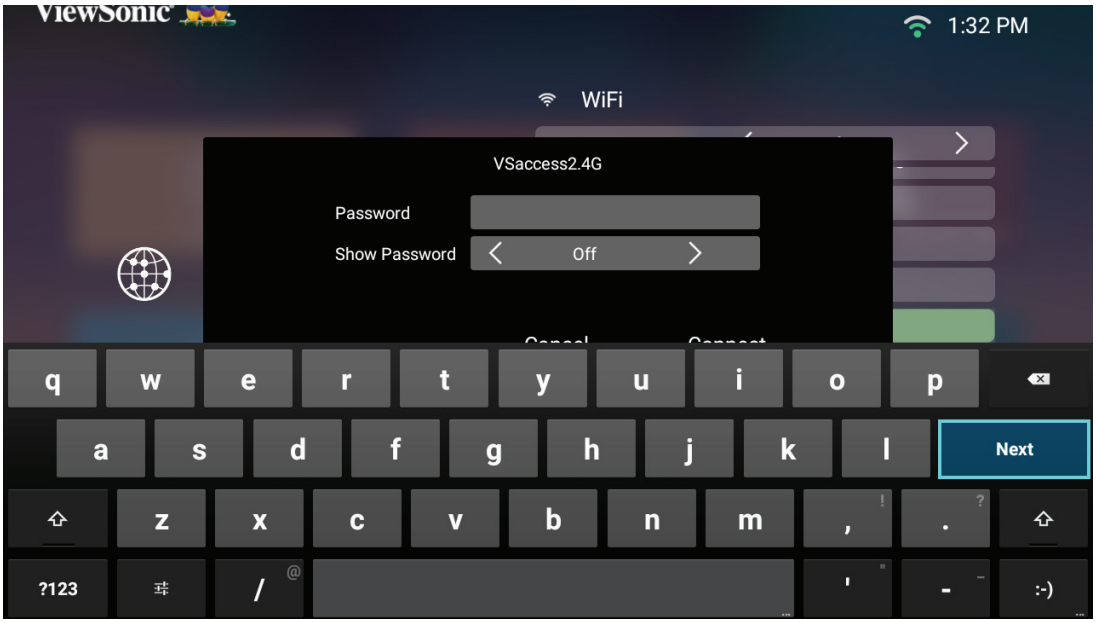

SSID tùy chỉnh

1. Vào: **Home (Trang chủ)** > **Setting (Cài đặt)** > **Network Settings (Cài đặt mạng)** > **Wi-Fi**
2. Nhấn nút **Trái** hoặc **Phải** trên điều khiển từ xa để chọn **On (Bật)**.
3. Từ danh sách mạng Wi-Fi khả dụng, hãy chọn **Others (Khác)** và nhấn **OK** trên điều khiển từ xa.

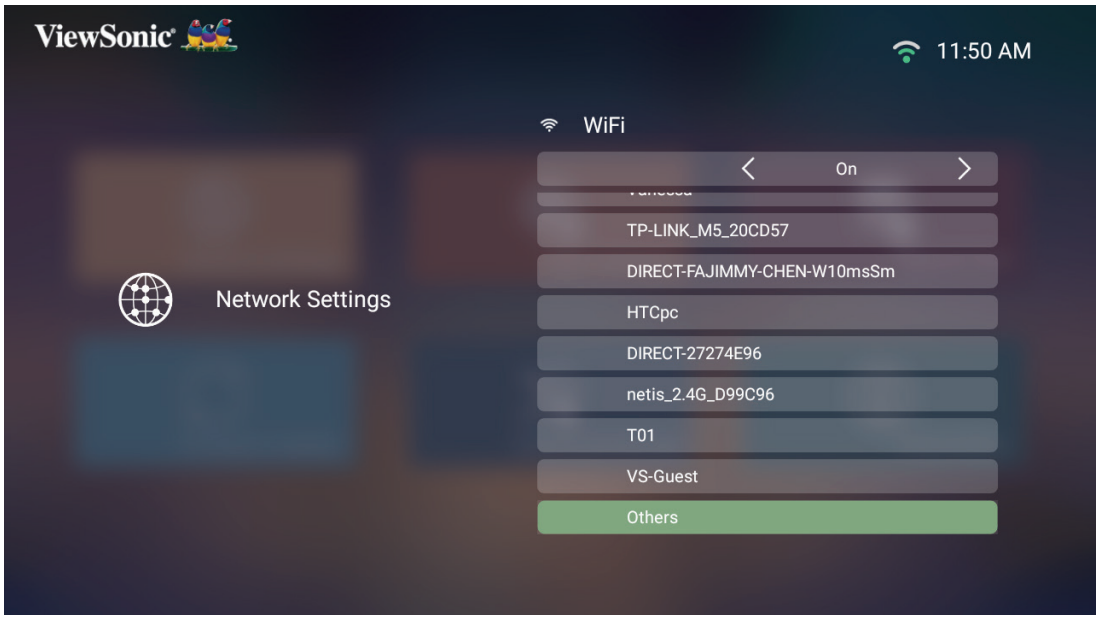

4. Nhập SSID và chọn cấp độ bảo mật.

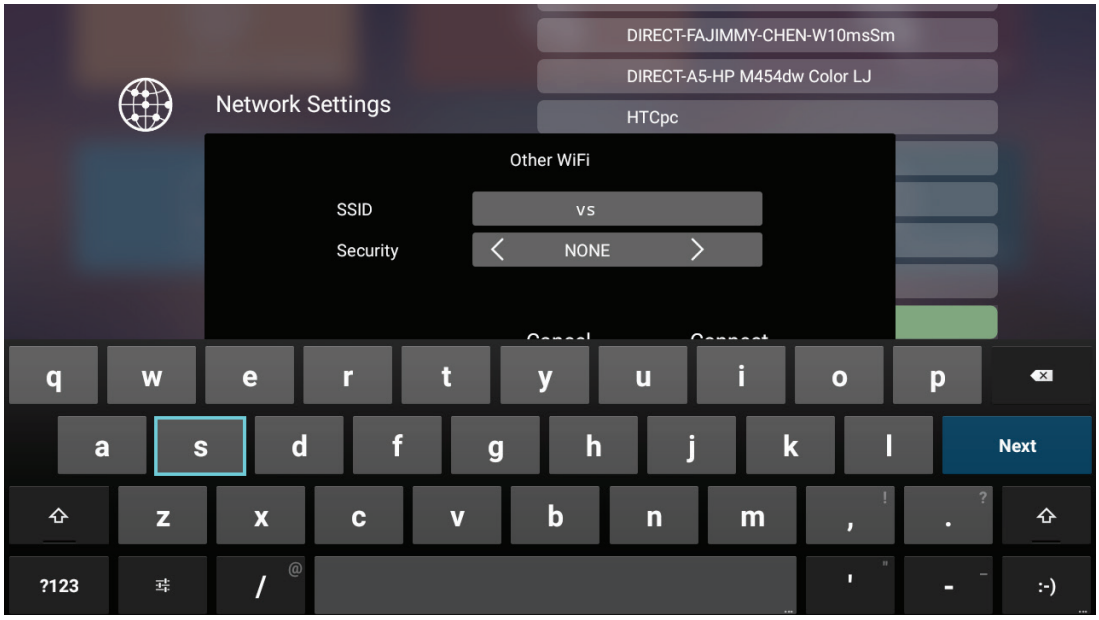

5. Nhập mật khẩu khi được nhắc.

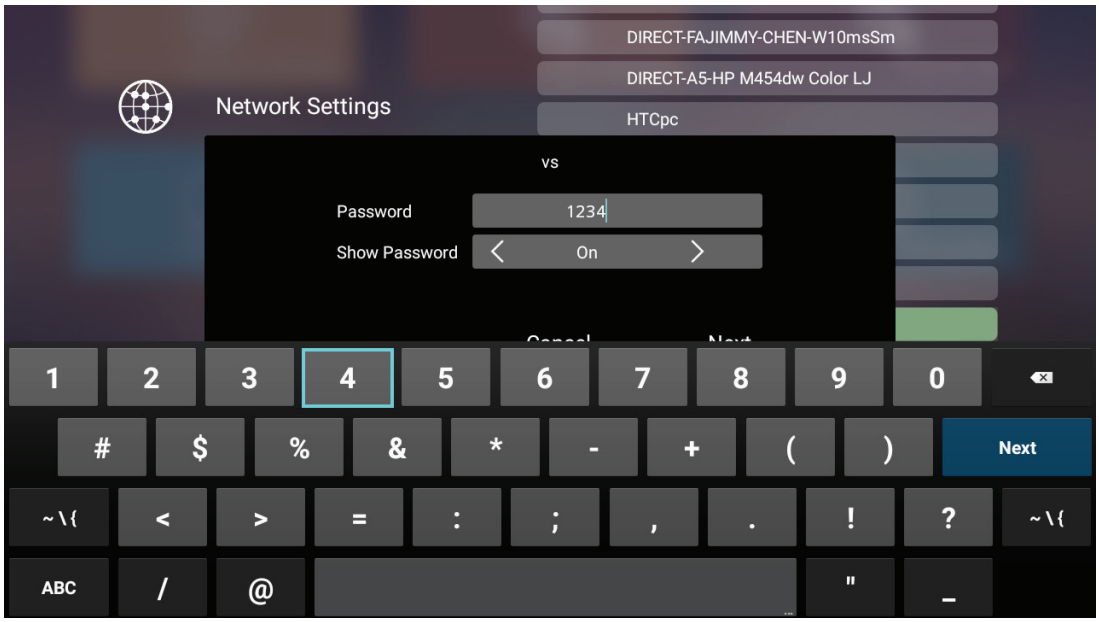

LƯU Ý: Bạn nên để hệ thống tự động đặt cấu hình thiết lập mạng.

> Sử dụng máy chiếu

Khởi động máy chiếu

1. Đảm bảo máy chiếu được kết nối với nguồn điện hoặc đã được sạc đầy pin.

2. Nhấn **Nút nguồn** để bật máy chiếu, và ấn nút **Nguồn** trên điều khiển từ xa.

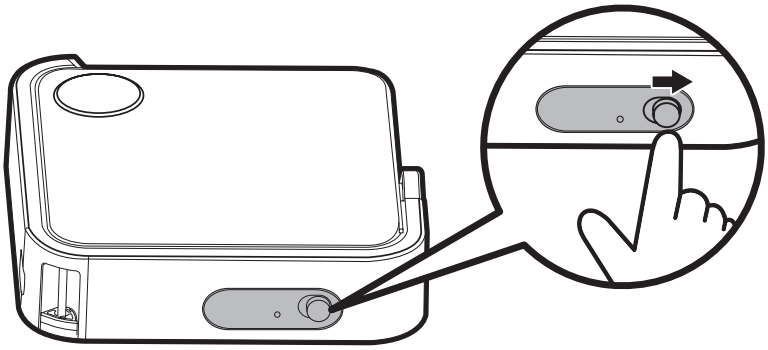

hoặc

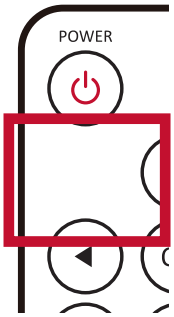

3. Di chuyển Giá đỡ thông minh theo góc nhìn mong muốn.

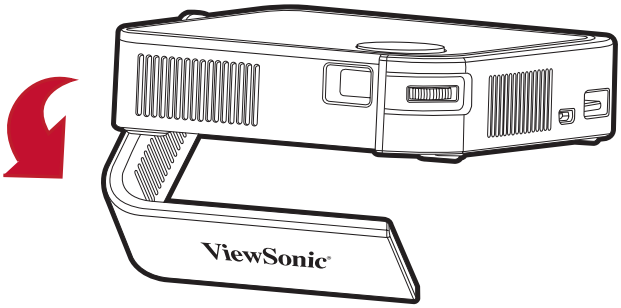

LƯU Ý: Khi không sử dụng, hãy gạc **Nút nguồn** sang Off (Tắt). Nếu chỉ sử dụng nút nguồn trên điều khiển từ xa để tắt nguồn, máy chiếu sẽ chuyển vào chế độ chờ và nguồn pin nhúng trong máy vẫn sẽ bị tiêu thụ một lượng nhỏ.

Điều chỉnh hình chiếu

Điều chỉnh chiều cao máy chiếu và góc chiếu

Máy chiếu được trang bị một (1) Giá đỡ thông minh Điều chỉnh giá đỡ sẽ thay đổi chiều cao máy chiếu và góc chiếu thẳng. Cẩn thận điều chỉnh giá đỡ để tinh chỉnh vị trí hình chiếu.

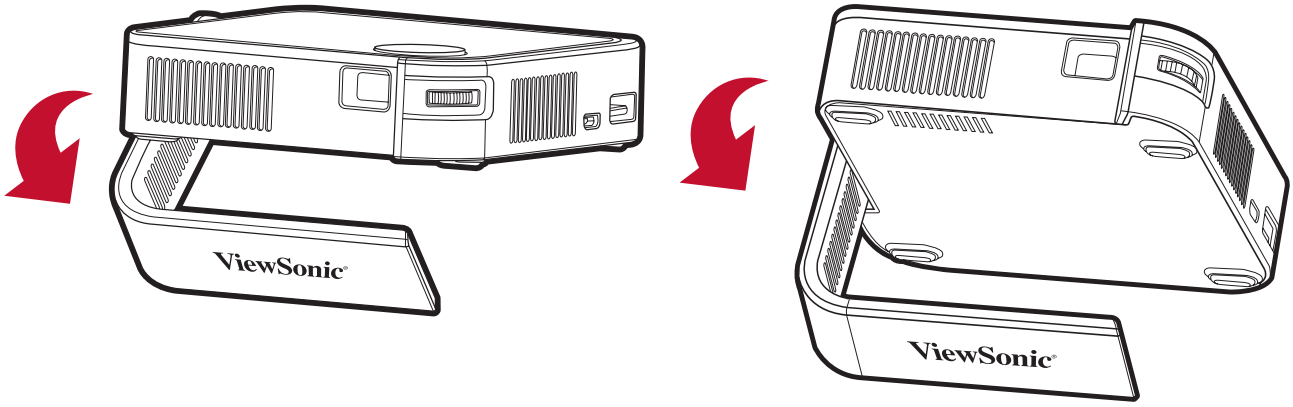

LƯU Ý:

- Nếu máy chiếu không được đặt trên bề mặt bằng phẳng, hoặc màn hình và máy chiếu không vuông góc với nhau, hình chiếu có thể trở thành hình thang. Tuy nhiên, chức năng “Auto Vertical Keystone (Tự chỉnh vuông hình dọc)” sẽ tự động khắc phục sự cố này.
- Không nên sử dụng Giá đỡ thông minh ở một góc 90 độ.

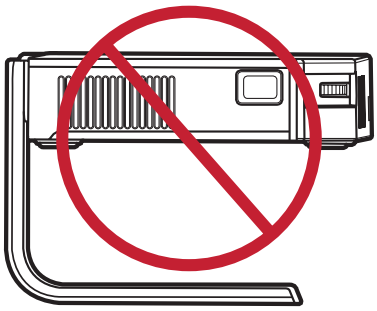

Điều chỉnh lấy nét

Để điều chỉnh lấy nét ảnh của ảnh trên màn hình, hãy di chuyển chầm chậm vòng thu phóng tiến lên hoặc lùi xuống.

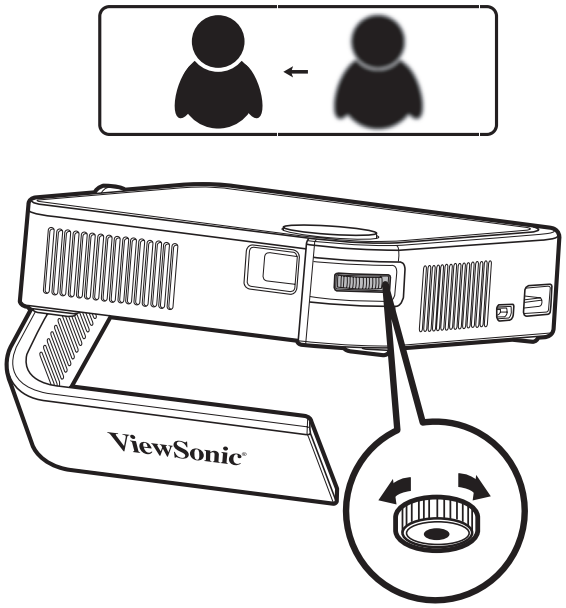

Kích hoạt lần đầu

Nếu đây là lần đầu tiên kích hoạt máy chiếu, bạn sẽ cần phải chọn Ngôn ngữ ưu tiên, Hướng máy chiếu và Cài đặt mạng. Thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình bằng các nút **OK** và **Lên/Xuống/Trái/Phải** trên điều khiển từ xa. Khi "màn hình Hoàn thành" xuất hiện, điều này có nghĩa là máy chiếu đã sẵn sàng cho bạn sử dụng.

Ngôn ngữ ưu tiên

Chọn ngôn ngữ ưu tiên và nhấn **OK** để xác nhận lựa chọn.

Hướng máy chiếu

Chọn hướng chiếu ưa thích và nhấn **OK** để xác nhận lựa chọn. Để biết thêm thông tin, xem trang 13.

Network Settings (Cài đặt mạng)

Chọn một trong các lựa chọn Wi-Fi khả dụng. Để biết thêm thông tin, xem trang 23.

Tắt máy chiếu

1. Nhấn **Nút nguồn** trên máy chiếu, hoặc ấn nút **Nguồn** trên điều khiển từ xa.

2. Ấn nút **Nguồn** trên điều khiển từ xa, thông điệp sau sẽ xuất hiện:

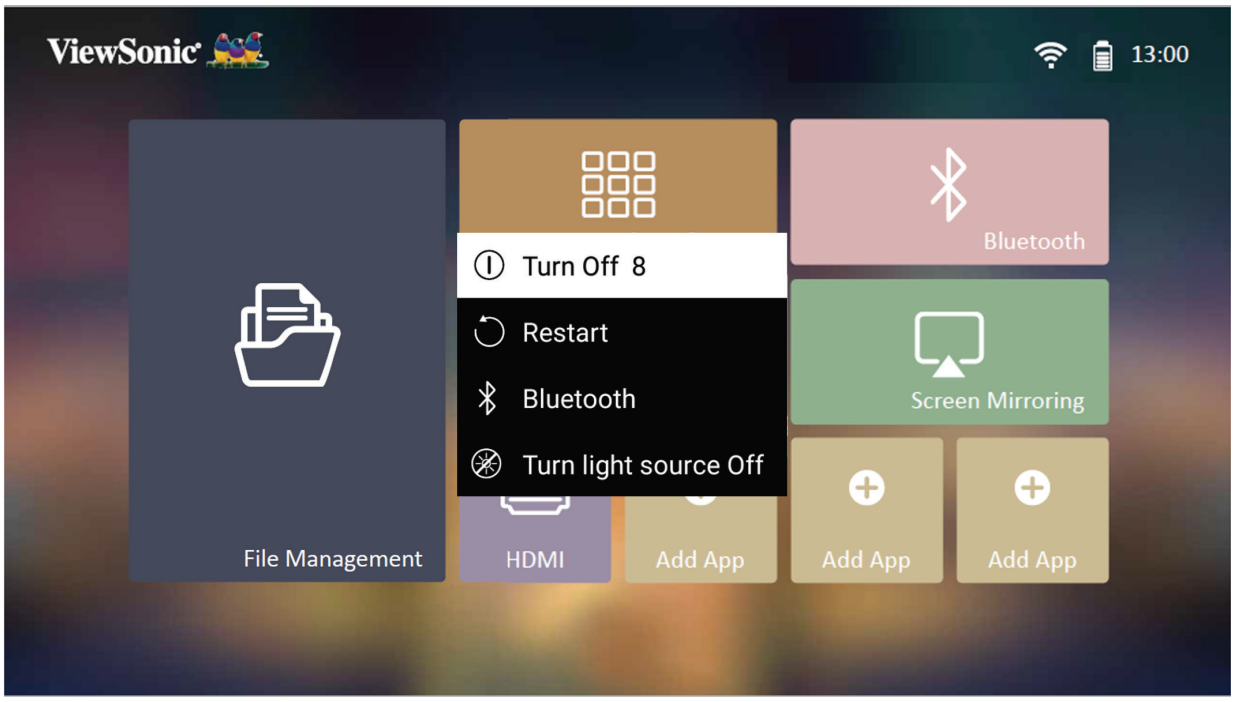

3. Nhấn các nút **Lên/Xuống** trên điều khiển từ xa để chọn **Turn Off (Tắt đồng)** và nhấn **OK** trên điều khiển từ xa.

LƯU Ý: Khi không sử dụng, hãy gạc **Nút nguồn** sang Off (Tắt). Nếu chỉ sử dụng nút nguồn trên điều khiển từ xa để tắt nguồn, máy chiếu sẽ chuyển vào chế độ chờ và nguồn pin nhúng trong máy vẫn sẽ bị tiêu thụ một lượng nhỏ.

Đã chọn nguồn tín hiệu vào - Sơ đồ menu hiển thị trên màn hình (OSD)

Sau khi chọn nguồn tín hiệu vào, bạn có thể điều chỉnh các menu **Image Setting (Cài đặt hình)** và **Advanced (Nâng cao)**.

Menu chính	Menu phụ	Tùy chọn menu		
Image Setting (Cài đặt hình)	Color Mode (Chế độ màu)	Brightest (Sáng nhất)		
		TV (Tivi)		
		Movie (Phim)		
		Gaming (Chơi game)		
		User 1 (Người dùng 1)		
		User 2 (Người dùng 2)		
	Brightness (Độ sáng)	(-/+, 0~100)		
	Contrast (Độ tương phản)	(-/+, 0~100)		
	Color Temp (Nhiệt độ màu)	6.500K		
		7.500K		
		9.300K		
		User (Người dùng)	Red Gain (Tăng sắc đỏ)	(-/+, 0~199)
			Green Gain (Tăng sắc lục)	(-/+, 0~199)
			Blue Gain (Tăng sắc lam)	(-/+, 0~199)
			Red Offset (Bù đỏ)	(-/+, 0~100)
			Green Offset (Bù lục)	(-/+, 0~100)
			Blue Offset (Bù lam)	(-/+, 0~100)
	Tint (Sắc độ)	(-/+, 0~100)		
	Saturation (Độ bão hòa)	(-/+, 0~100)		
	Sharpness (Độ sắc nét)	(-/+, 0~100)		
	Gamma	1.8		
		2.0		
		2.2		
		2.35		
		2.5		
		sRGB		
		Cubic (Hình khối)		

Menu chính	Menu phụ	Tùy chọn menu	
Image Setting (Cài đặt hình)	Reset Current Color Settings (Cài lại các cài đặt màu hiện hành)	Yes (Có)	
		Cancel (Hủy)	
Advanced (Nâng cao)	Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình)	Auto (Tự động)	
		4:3	
		16:9	
	HDMI Settings (Cài đặt HDMI)	Range (Phạm vi)	Auto (Tự động)
			Full (Đầy đủ)
			Limited (Giới hạn)
Advanced (Nâng cao)	3D Settings (Cài đặt 3D)	3D Sync (Đồng bộ 3D)	Auto (Tự động)
			Off (Tắt)
			Frame Sequential (Khung tuần tự)
			Frame Packing (Gói khung)
			Top-Bottom (Trên dưới)
			Side-by-Side (Liền kề)
		3D Sync Invert (Đảo ngược đồng bộ 3D)	Disable (Tắt)
			Invert (Đảo ngược)
	JBL	Audio Volume (Âm lượng)	(-/+, 0~20)
		Mute (Tắt âm)	Off (Tắt)
			On (Bật)
	Light Source Level (Mức đèn)	Full (Đầy đủ)	
		Eco (T.kiệm)	
	Information (Thông tin)	Source (Nguồn tín hiệu)	bên ngoài HDMI
		Resolution (Độ phân giải)	bên ngoài 1920 x 1080 @60Hz
		3D Format (Định dạng 3D)	bên ngoài Frame Packing (Gói khung)

Menu Image Setting (Cài đặt hình)

Sau khi chọn nguồn tín hiệu vào, bạn có thể điều chỉnh menu **Image Setting (Cài đặt hình)**.

Để truy cập menu **Image Setting (Cài đặt hình)**:

1. Nhấn **Setting (Cài đặt)** trên điều khiển từ xa.

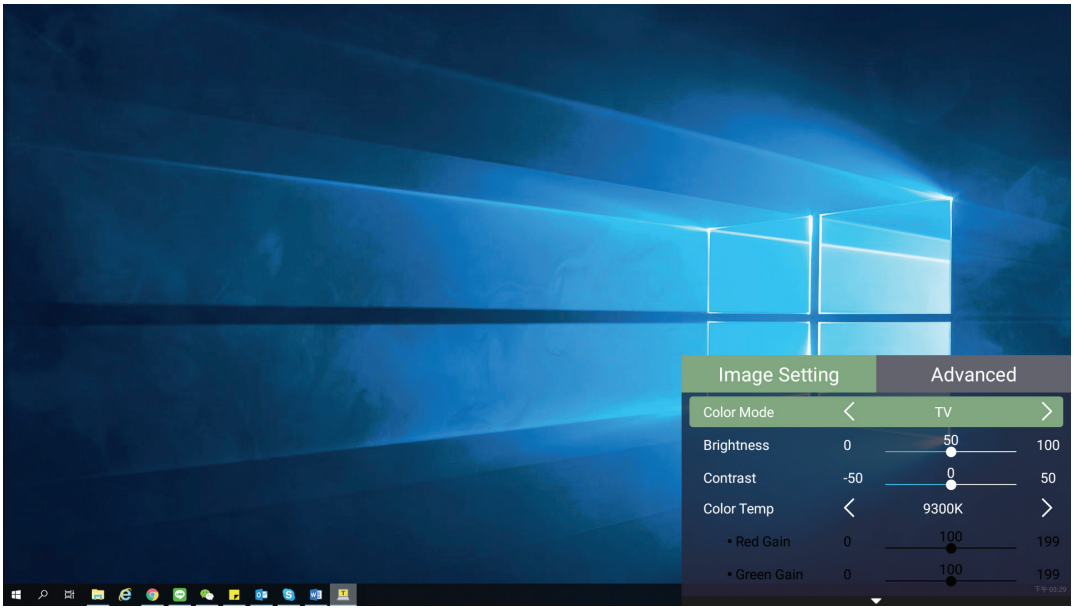

2. Sử dụng các nút **Lên/Xuống** để chọn menu.

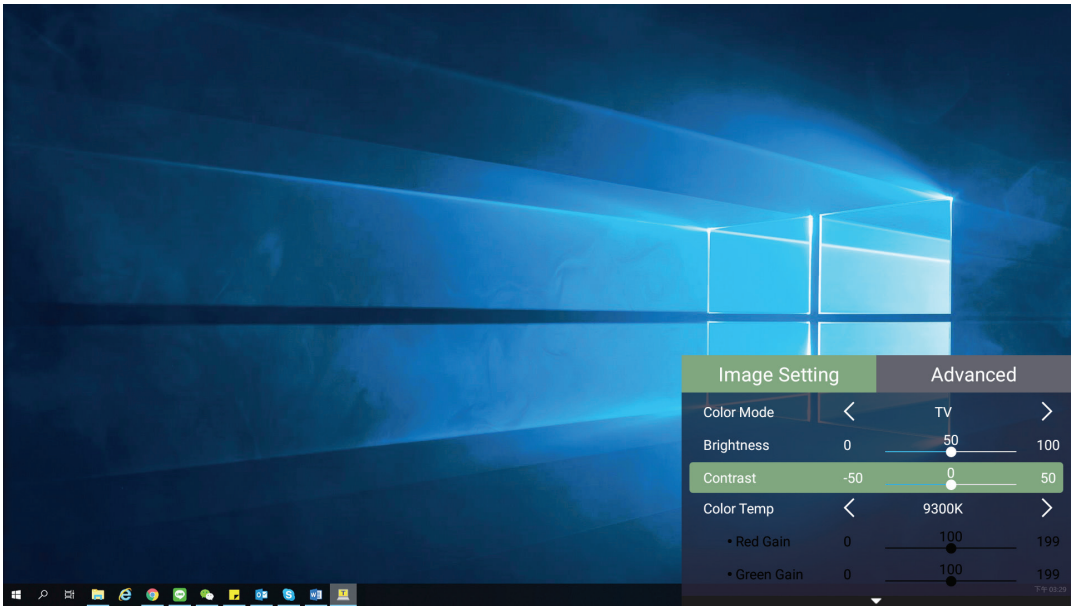

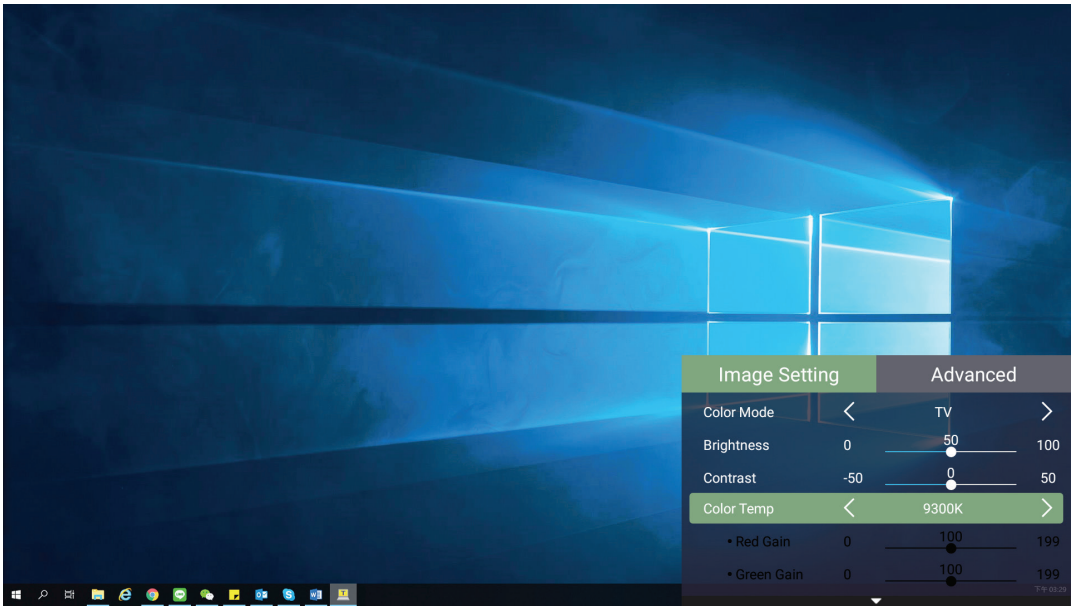

3. Sau đó sử dụng các nút **Trái/Phải** để vào (các) menu phụ và/hoặc điều chỉnh các cài đặt.

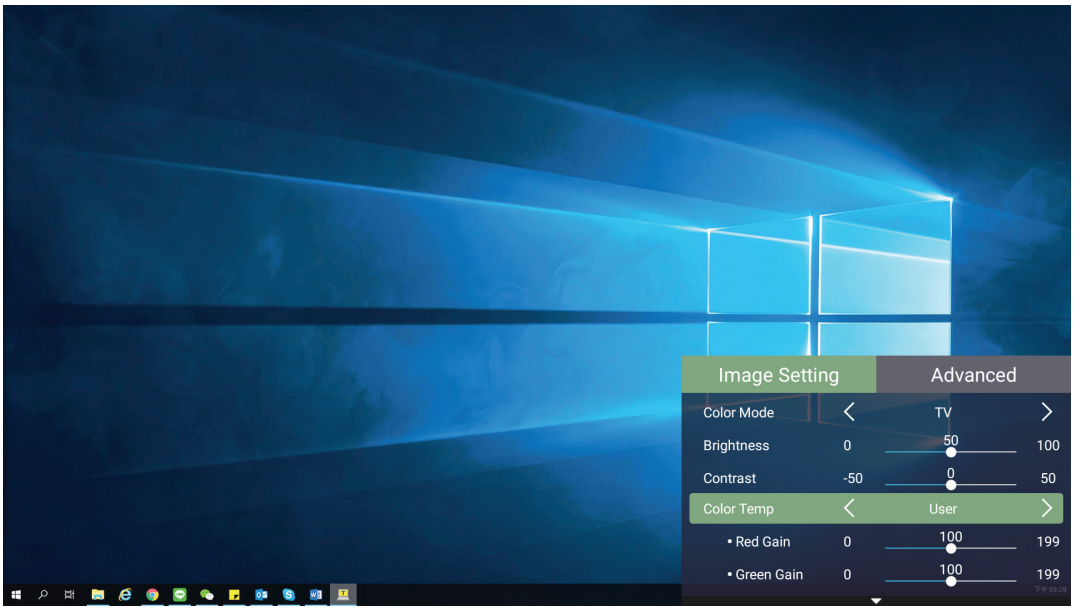

4. Nhấn nút **Trở về** để trở về menu trước hoặc thoát.

Tùy chọn menu	Mô tả
Color Mode (Chế độ màu)	Máy chiếu được cài sẵn một số chế độ hình ảnh xác định trước để bạn có thể chọn một chế độ phù hợp với môi trường hoạt động và tín hiệu đầu vào. **Brightest (Sáng nhất)** Tối đa hóa độ sáng của hình chiếu. Chế độ này phù hợp với các môi trường cần độ sáng siêu cao, ví dụ: phòng đủ ánh sáng. **TV (Tivi)** Tối ưu hóa để xem thể thao trong các môi trường đủ ánh sáng. **Gaming (Chơi game)** Thiết kế để chơi các game video. **Movie (Phim)** Thích hợp cho các bộ phim, đoạn video đầy màu sắc từ máy ảnh kỹ thuật số hoặc video kỹ thuật số qua đầu vào máy tính. Tối ưu cho môi trường thiếu ánh sáng. **User 1/User 2 (Người dùng 1/Người dùng 2)** Ghi nhớ các cài đặt người dùng tùy chỉnh. **LƯU Ý:** Chỉ hỗ trợ đầu vào tín hiệu HDMI/USB-C.
Brightness (Độ sáng)	Giá trị càng cao, hình ảnh càng sáng. Giá trị càng thấp thì hình ảnh càng tối. 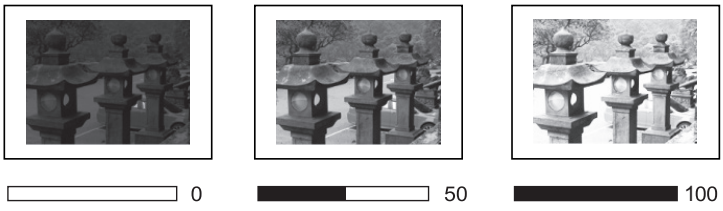
Contrast (Độ tương phản)	Sử dụng tính năng này để cài mức trắng tối đa sau khi bạn đã điều chỉnh cài đặt **Brightness (Độ sáng)** để phù hợp với đầu vào và môi trường xem đã chọn. 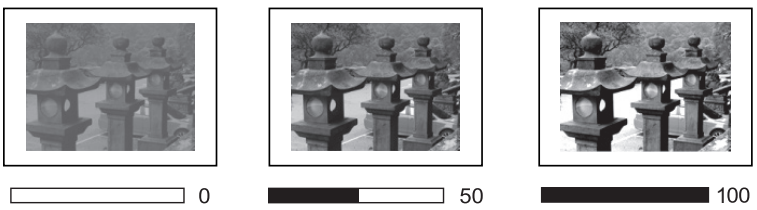

Tùy chọn menu	Mô tả
Color Temp (Nhiệt độ màu)	Chọn cài đặt nhiệt độ màu. • 6.500K: Duy trì màu trắng bình thường. • 7.500K: Nhiệt độ màu cao và dịu hơn 6.500K. • 9.300K: Nhiệt độ màu cao nhất - khiến hình ảnh xuất hiện màu trắng xanh nhất. • User Color (Màu người dùng): Điều chỉnh các giá trị đỏ, lục và lam tùy thích.
Tint (Sắc độ)	Giá trị càng cao thì hình ảnh càng xanh. Giá trị càng thấp thì hình ảnh càng đỏ.
Saturation (Độ bão hòa)	Tham khảo số lượng màu đó trong hình ảnh video. Cài đặt ở mức càng thấp thì màu sắc bão hòa càng ít; thực tế, cài đặt ở mức số “0” sẽ xóa toàn bộ màu đó khỏi hình ảnh. Nếu độ bão hòa quá cao, màu đó sẽ quá dư thừa và không thực tế.
Sharpness (Độ sắc nét)	Giá trị cao sẽ tạo ra hình ảnh sắc nét hơn và giá trị thấp sẽ làm dịu hình ảnh.
Gamma	Phản ánh sự liên hệ giữa nguồn tín hiệu vào và độ sáng hình ảnh.
Reset Current Color Settings (Cài lại các cài đặt màu hiện hành)	Chuyển các cài đặt màu hiện hành về giá trị mặc định.

Menu Advanced Settings (Cài đặt nâng cao)

Sau khi chọn nguồn tín hiệu vào, bạn có thể điều chỉnh menu **Advanced (Nâng cao)**.

Để truy cập menu **Advanced (Nâng cao)**:

1. Nhấn **Setting (Cài đặt)** trên điều khiển từ xa.

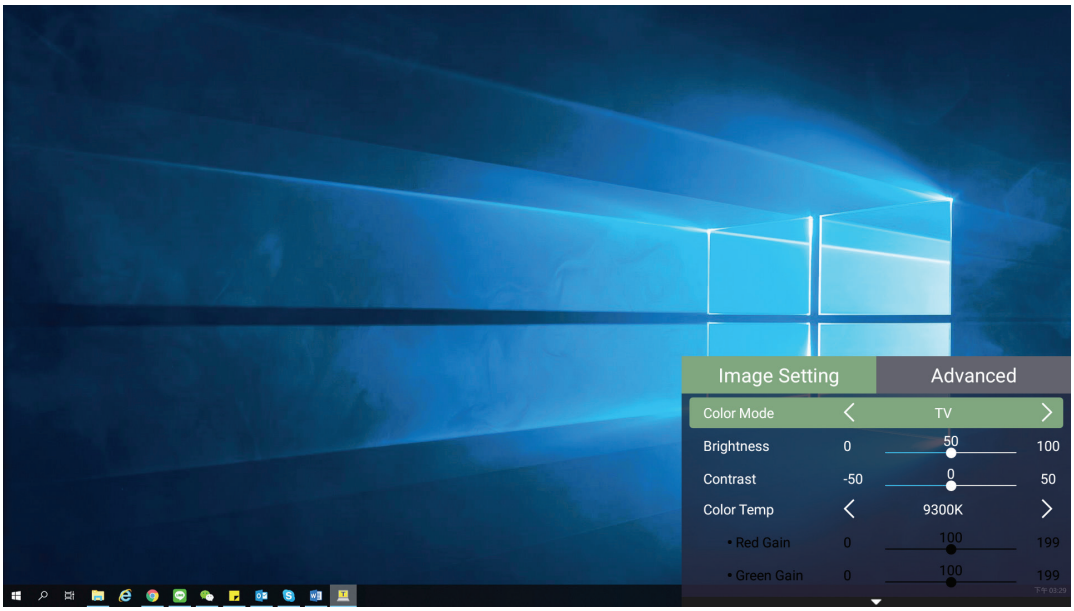

2. Nhấn nút **Phải** để truy cập menu **Advanced (Nâng cao)**.

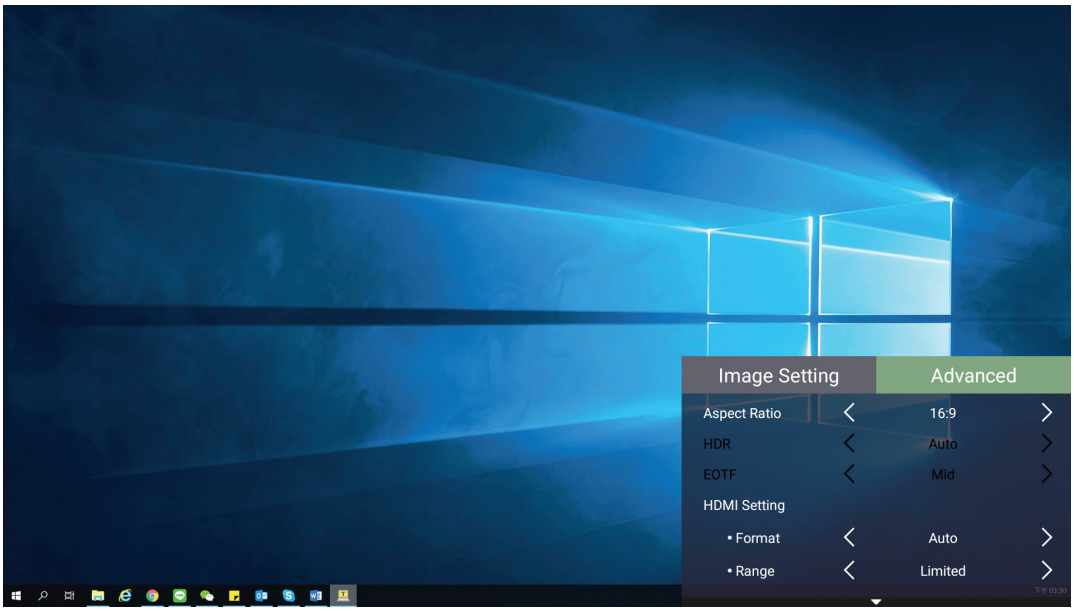

3. Sử dụng các nút **Lên/Xuống** để chọn menu.

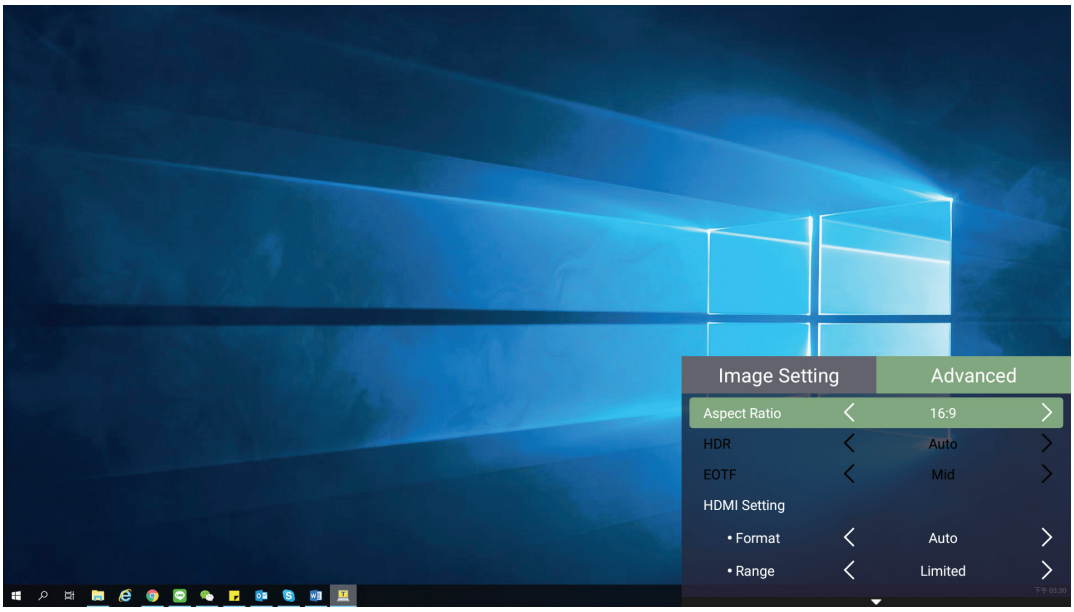

4. Sau đó sử dụng các nút **Trái/Phải** để vào (các) menu phụ và/hoặc điều chỉnh các cài đặt.

5. Nhấn nút **Trở về** để trở về menu trước hoặc thoát.

Tùy chọn menu	Mô tả
Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình)	Tỷ lệ khung hình là tỷ lệ từ chiều rộng đến chiều cao hình. Với sự ra đời của công nghệ xử lý tín hiệu số, các thiết bị hiển thị kỹ thuật số như máy chiếu này có thể mở rộng hoạt động và chỉnh tỷ lệ đầu ra hình ảnh theo khung hình khác so với tín hiệu đầu vào hình ảnh. **LƯU Ý:** Chỉ hỗ trợ đầu vào tín hiệu HDMI. **Auto (Tự động)** Chỉnh tỷ lệ hình ảnh cân xứng để khớp với độ phân giải gốc của máy chiếu theo chiều rộng ngang. Điều này phù hợp với hình ảnh gửi vào không thuộc tỷ lệ khung hình 4:3 hoặc 16:9 và bạn muốn tận dụng tối đa màn hình mà không cần thay đổi tỷ lệ khung hình chiếu. **4:3** Chỉnh tỷ lệ hình ảnh để được hiển thị ở giữa màn hình với tỷ lệ khung hình 4:3. Điều này phù hợp nhất đối với hình ảnh 4:3 như màn hình máy tính, tivi độ nét chuẩn và phim DVD tỷ lệ khung hình 4:3 vì chúng hiển thị mà không cần thay đổi tỷ lệ khung hình. **16:9** Chỉnh tỷ lệ hình ảnh để được hiển thị ở giữa màn hình với tỷ lệ khung hình 16:9. Điều này phù hợp nhất cho các hình ảnh đã ở tỷ lệ 16:9, như TV độ nét cao.
HDMI Settings (Cài đặt HDMI)	**Range (Phạm vi)** Chọn dải màu phù hợp theo cài đặt dải màu trên thiết bị đầu ra đã kết nối. • Full (Đầy đủ): Cài dải màu từ 0 ~ 255. • Limited (Giới hạn): Cài dải màu từ 15 ~ 235. • Auto (Tự động): Thiết lập máy chiếu để tự động phát hiện dải tín hiệu vào.

Tùy chọn menu	Mô tả
3D Settings (3D Settings)	Cho phép bạn thưởng thức các bộ phim 3D, video và sự kiện thể thao theo cách thực tế hơn bằng cách trình chiếu độ sâu hình ảnh trong khi đeo kính 3D. **3D Sync (Đồng bộ 3D)** Điều chỉnh và chọn từ: Tự động, Tắt, Khung tuần tự, Gói khung, Trên dưới, Liền kề. **3D Sync Invert (Đảo ngược đồng bộ 3D)** Cho phép hiệu chỉnh nếu độ sâu hình 3D bị đảo ngược.
JBL	Điều chỉnh cài đặt âm thanh.
Light Source Level (Mức đèn)	Chọn mức tiêu thụ điện phù hợp của LED. **Full (Đầy đủ)** 100% **ECO (T.kiệm)** 70%
Information (Thông tin)	Hiển thị nguồn tín hiệu vào và độ phân giải.

Vận hành máy chiếu

Phần này sẽ giới thiệu về **Home Screen (Màn hình chính)** và các menu liên quan.

Home Screen (Màn hình chính)

Home Screen (Màn hình chính) sẽ hiển thị mỗi khi bạn khởi động máy chiếu. Để điều hướng **Home Screen (Màn hình chính)**, chỉ cần sử dụng các nút điều hướng trên điều khiển từ xa. Bạn có thể trở về **Home Screen (Màn hình chính)** bất kỳ lúc nào bằng cách nhấn nút **Trang chủ** trên điều khiển từ xa, bất kể bạn đang truy cập ở trang nào.

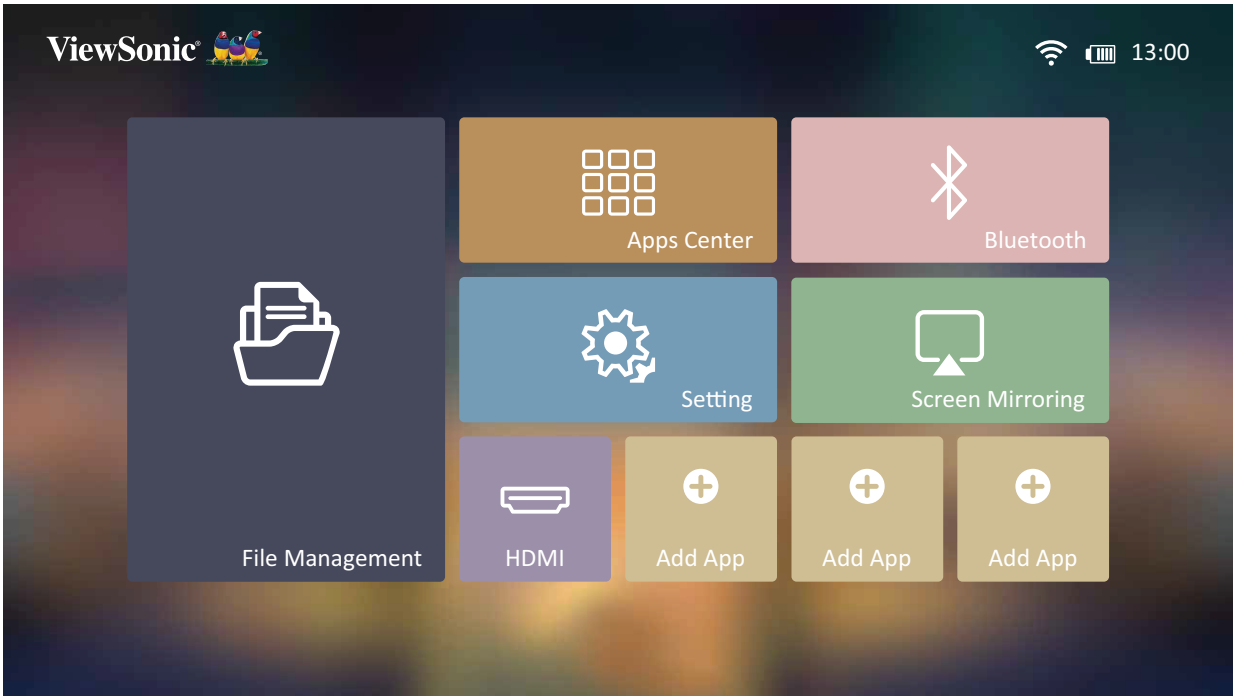

Menu	Mô tả
File Management (Quản lý tập tin)	Cung cấp giao diện người dùng để quản lý các tập tin và thư mục.
Apps Center (Trung tâm ứng dụng)	Truy cập và xem tất cả các ứng dụng đã cài đặt.
Bluetooth	Chọn chế độ Bluetooth phù hợp.
Setting (Cài đặt)	Quản lý nhiều danh mục như: Network settings (Cài đặt mạng), Basic and Advanced settings (Cài đặt cơ bản & nâng cao), Date & Time (Ngày giờ), Firmware update (Cập nhật firmware) và System Information (Thông tin hệ thống).
Screen Mirroring (Phản chiếu màn hình)	Phản chiếu màn hình thiết bị cá nhân của bạn lên máy chiếu.
HDMI	Thay đổi nguồn đầu vào HDMI.
Add App (Thêm ứng dụng)	Chọn ứng dụng ưa thích và thêm chúng vào **Home Screen (Màn hình chính)**.

Home Screen (Màn hình chính) - Sơ đồ menu hiển thị trên màn hình (OSD)

Menu chính	Menu phụ	Tùy chọn menu		
File Management (Quản lý tập tin)				
Apps Center (Trung tâm ứng dụng)	Aptoide			
Bluetooth	Bluetooth Speaker (Loa Bluetooth)			
	Bluetooth Pairing (Ghép nối Bluetooth)			
	Bluetooth Out (Bluetooth đầu ra)			
Setting (Cài đặt)	Network Settings (Cài đặt mạng)	Wi-Fi	Off (Tắt)	
			On (Bật)	SSID:
				Configure IP (Định cấu hình IP)
				IP Address (Địa chỉ IP)
				Subnet Mask (Mặt nạ mạng phụ)
				Default Gateway (Cổng vào mặc định)
				DNS Server (Máy chủ DNS)
				Others (Khác)
	Date & Time (Ngày giờ)	Automatic Date & Time (Ngày giờ tự động)	Off (Tắt)	
			On (Bật)	
		Date (Ngày)		
		Time (Thời gian)		
		Time Zone (Múi giờ)		
		Time Format (Định dạng giờ)	12 hours (12 giờ)	
			24 hours (24 giờ)	

Menu chính	Menu phụ	Tùy chọn menu		
Setting (Cài đặt)	Basic Settings (Cài đặt cơ bản)	Language (Ngôn ngữ)	English	
			French	
			German	
			Italian	
			Spanish	
			Russian	
			繁體中文	
			簡體中文	
			日本語	
			韓語	
			Swedish	
			Dutch	
			Turkish	
			Czech	
			Portuguese	
			Thai	
			Polish	
			Finnish	
			Arabic	
			Indonesian	
			Hindi	
			Vietnamese	
			Greek	
		Projector Projection (Chiếu từ máy chiếu)	Front Table (Bàn phía trước)	
			Front Ceiling (Trần phía trước)	
			Rear Table (Bàn phía sau)	
			Rear Ceiling (Trần phía sau)	
		Keystone (Chỉnh vuông hình)	Manual (Thủ công)	(-/+, -40~40)
			Auto V Keystone (Tự chỉnh vuông hình dọc)	Disable (Tắt)
				Enable (Bật)

Menu chính	Menu phụ	Tùy chọn menu		
Setting (Cài đặt)	Advanced Settings (Cài đặt nâng cao)	Power On Source (Bật nguồn tín hiệu)	Home (Trang chủ)	
			HDMI	
		Power On/Off Ring Tone (Chuông bật/ tắt nguồn	Off (Tắt)	
			On (Bật)	
		Smart Energy (Năng lượng th.minh)	Auto Power Off (Tắt nguồn tự động)	Disable (Tắt)
				10 minutes (10 phút)
				20 minutes (20 phút)
				30 minutes (30 phút)
			Sleep Timer (Hẹn giờ tắt máy)	Disable (Tắt)
				30 minutes (30 phút)
				1 hour (1 giờ)
				2 hours (2 giờ)
				3 hours (3 giờ)
				4 hours (4 giờ)
				8 hours (8 giờ)
				12 hours (12 giờ)
			Power Saving (Tiết kiệm điện)	Enable (Bật)
				Disable (Tắt)
		JBL	Audio Volume (Âm lượng)	(-/+, 0~20)
			Mute (Tắt âm)	Off (Tắt)
				On (Bật)
		Light Source Level (Mức đèn)	Full (Đầy đủ)	
			Eco (T.kiệm)	

Menu chính	Menu phụ	Tùy chọn menu		
Setting (Cài đặt)	Advanced Settings (Cài đặt nâng cao)	High Altitude Mode (Chế độ cao trình)	Off (Tắt)	
			On (Bật)	
		Reset Settings (Cài lại các cài đặt)	Yes (Có)	
			Cancel (Hủy)	
		Reset to Factory Default (Cài về mặc định gốc)	Yes (Có)	
			Cancel (Hủy)	
	Firmware Upgrade (Nâng cấp firmware)	Software Update Online (Cập nhật p.mềm trực tuyến)		
		Software Update by USB (Cập nhật p.mềm bằng USB)		
		OTA Reminder (Báo nhắc OTA)	On (Bật)	
			Disable (Tắt)	
		Software Version (Phiên bản phần mềm)		
	Information (Thông tin)	Light Source Hours (Số giờ đèn)		
		System Version (P.bản hệ thống)		
		Memory Information (Thông tin bộ nhớ)	XX GB of XX GB Used (Đã dùng XX GB/ XX GB)	
		Wi-Fi Mac Address (Địa chỉ MAC Wi-Fi)		
		Serial Number (Số Seri)		
Screen Mirroring (Phản chiếu màn hình)				
HDMI				
Add App (Thêm ứng dụng)				
Add App (Thêm ứng dụng)				
Add App (Thêm ứng dụng)				

Thao tác menu

File Management (Quản lý tập tin)

Dễ dàng quản lý các tập tin và thư mục.

1. Chọn: **Home (Trang chủ)** > **File Management (Quản lý tập tin)**.

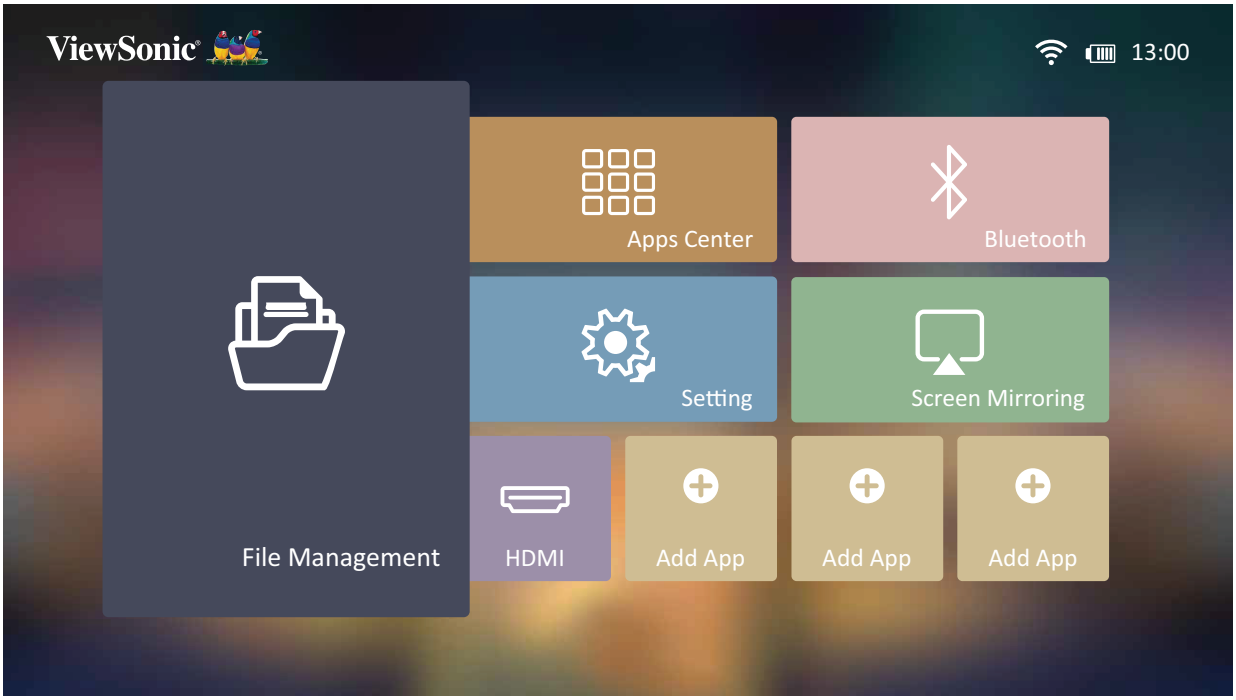

2. Chọn một thiết bị trên danh sách nguồn. Dùng các nút chỉ hướng để chọn file muốn dùng. Sau đó nhấn nút **OK** trên điều khiển từ xa để mở tập tin đã chọn.

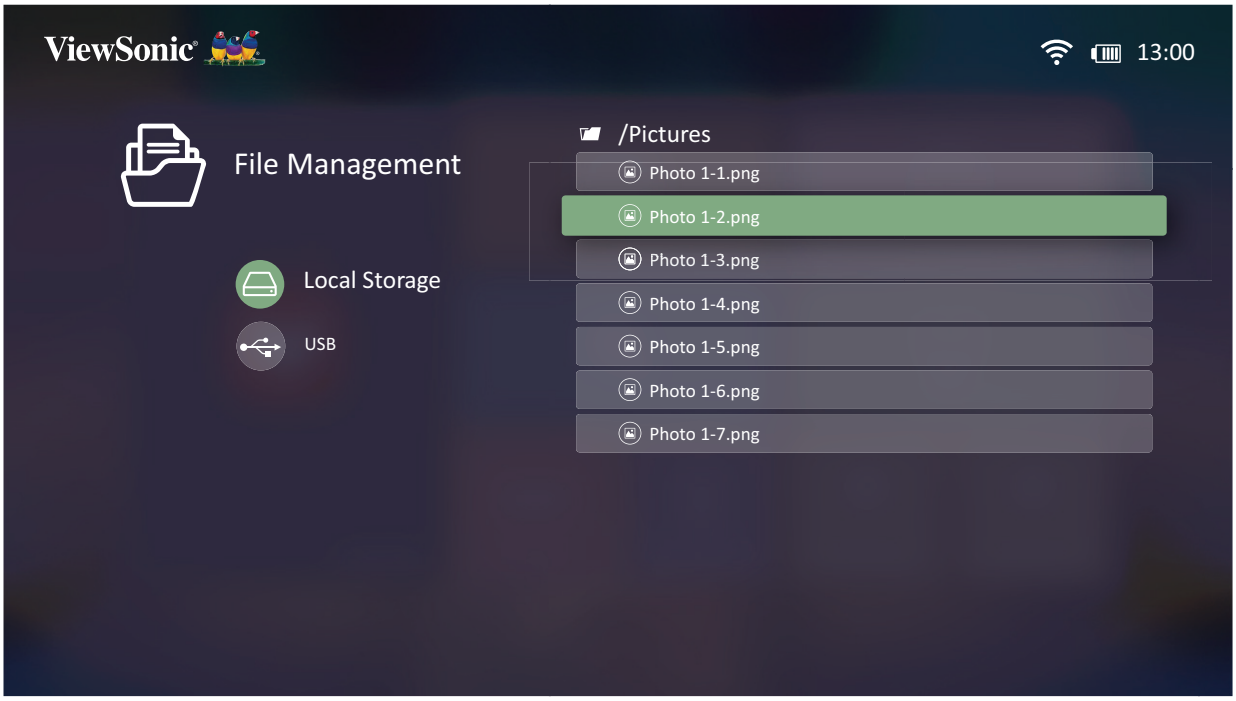

3. Nhấn nút **Return (Trở về)** để trở về mức trước.

LƯU Ý: Nhấn nút **Trang chủ** trên điều khiển từ xa để trở về **Home Screen (Màn hình chính)** bất cứ lúc nào.

Cách sửa một file

1. Khi đang ở cửa sổ **File Management (Quản lý tập tin)**, nhấn và giữ nút **OK** trong ba (3) giây.
2. Một ô kiểm sẽ xuất hiện phía trước mỗi tập tin. Sử dụng các nút chỉ hướng và nhấn **OK** để chọn một hoặc nhiều tập tin.

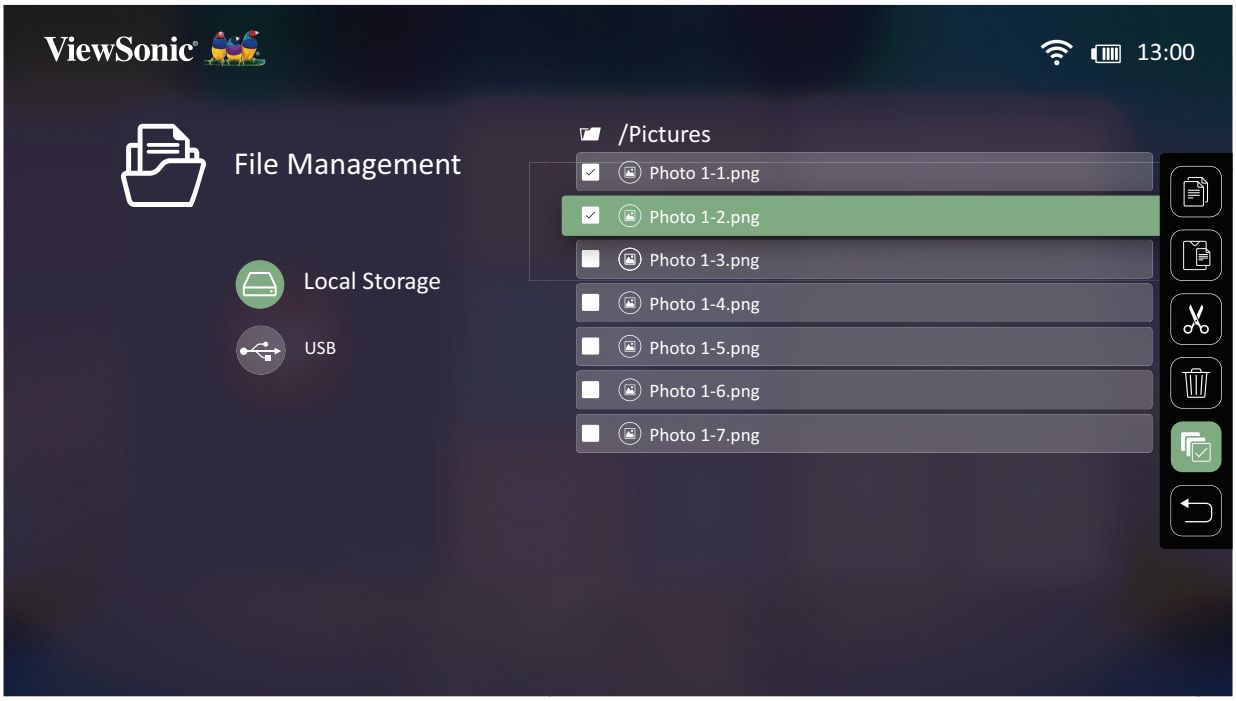

3. Khi ấn vào nút **Phải**, các ô Sao chép, Dán, Cắt, Xóa, Chọn tất cả và Trở về sẽ đều có thể dùng được.

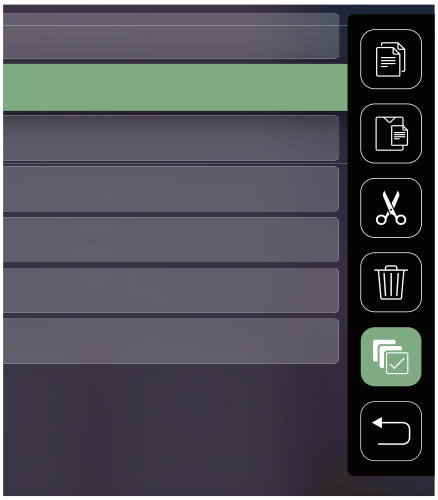

4. Chọn thao tác mong muốn và nhấn **OK** để thực hiện.
5. Nếu bạn đang sao chép hoặc cắt, hãy chọn thư đích để hoàn tất quy trình.

Cách sử dụng các nút trên thanh điều khiển đa phương tiện

Các nút trên thanh điều khiển đa phương tiện sẽ hiển thị trên màn hình nếu chọn mở file video, nhạc hoặc ảnh chụp.

Hình ảnh		Video		Nhạc	
	Trở về		Trở về		Trở về
	Phát		Tua lại		Phát
	Kế tiếp		Phát		Tạm dừng
	Phóng to		Tạm dừng		Kế tiếp
	Thu nhỏ		Chuyển nhanh		Phát ngẫu nhiên
	Xoay (trái)		Kế tiếp		Lặp lại tất cả
	Xoay (phải)		Điều chỉnh âm lượng		Lặp lại một
					D.sách phát
					Thông tin

LƯU Ý:

Mẹo sử dụng USB

Khi sử dụng USB để đọc và/hoặc lưu trữ, hãy lưu ý những điều sau:

1. Một số thiết bị lưu trữ USB có thể không tương thích.
2. Nếu bạn dùng cáp nối USB, thiết bị USB có thể không nhận diện ra USB.
3. Chỉ sử dụng các thiết bị lưu trữ USB được định dạng bằng hệ thống file FAT32 hoặc NTFS trên Windows.
4. Các file lớn hơn sẽ cần thêm thời gian để tải.
5. Dữ liệu trên các thiết bị lưu trữ USB có thể bị hỏng hoặc mất. Hãy sao lưu các file quan trọng.

Định dạng file được hỗ trợ

Định dạng đa phương tiện

Đuôi mở rộng	Loại	Bộ mã hóa - giải mã
.xvid	Video	Xvid, H.264
.avi	Âm thanh	MP3
.mp4 .m4v .mov	Video	H.264/H.265/MPEG-4
	Âm thanh	AAC
.mkv	Video	H.264
.ts .trp .tp .mts .m2ts	Video	H.264, MPEG-2
	Âm thanh	MP3/AAC
.vob	Video	MPEG-1, MPEG-2
	Âm thanh	DVD-LPCM
.mpg	Video	MPEG-1

Định dạng Office

			Mục	Chỉ báo
I.	Chức năng xem tài liệu	1	doc/docx	Có thể mở và đọc tài liệu ở định dạng doc/docx
		2	xls/xlsx	Có thể mở và đọc tài liệu ở định dạng xls/xlsx
		3	ppt/pptx	Có thể mở và đọc tài liệu ở định dạng ppt/pptx
		4	Pdf	Có thể mở và đọc tài liệu ở định dạng pdf
II.	Hỗ trợ ngôn ngữ giao diện	1	Hỗ trợ giao diện44 ngôn ngữ	Tiếng Anh, Tiếng Trung Giản Thể, Tiếng Trung (Đài Loan), Tiếng Trung (HK), Tiếng Tây Ban Nha (LA), tiếng Pháp (EU), Tiếng Bồ Đào Nha (EU), Tiếng Bồ Đào Nha (BR), Tiếng Đức, Tiếng Nga, Tiếng Ý, Tiếng Thụy Điển, Tiếng Tây Ban Nha (EU), Tiếng Hàn, Tiếng Ả Rập, Tiếng Ba Tư, Tiếng Serbia, Tiếng Bosinia, Tiếng Macedonia, Tiếng Bulgaria, Tiếng Ukraina, Tiếng Hi Lạp, Tiếng Na Uy, Tiếng Đan Mạch, Tiếng Séc, Tiếng Hungary, Tiếng Slovakia, Tiếng Ba Lan, Tiếng Romania, Tiếng Phần Lan, Tiếng Estonia, Tiếng Latvia, Tiếng Litva, Tiếng Anh, Tiếng Slovenia, Tiếng Croatia, Tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, Tiếng Việt, Tiếng Indonesia Bahasa, Tiếng Hà Lan, Tiếng Mã Lai, Tiếng Thái, Tiếng Hindi, Tiếng Do Thái, Tiếng Miến Điện, Tiếng Catalan.

Apps Center (Trung tâm ứng dụng)

Xem, khởi chạy và gỡ cài đặt ứng dụng.

1. Để xem các ứng dụng, hãy chọn: **Home (Trang chủ)** > **Apps Center (Trung tâm ứng dụng)**.

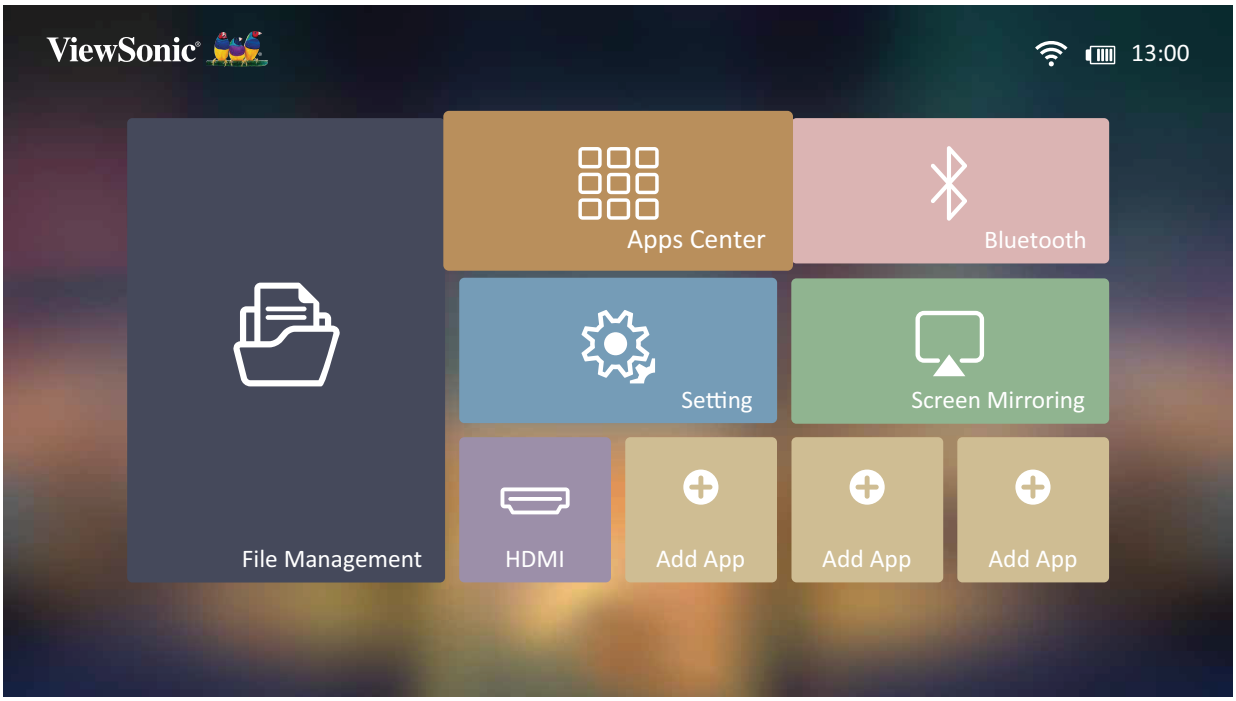

2. Sử dụng các nút chỉ hướng để chọn ứng dụng mong muốn. Sau đó nhấn nút **OK** trên điều khiển từ xa để khởi chạy ứng dụng.

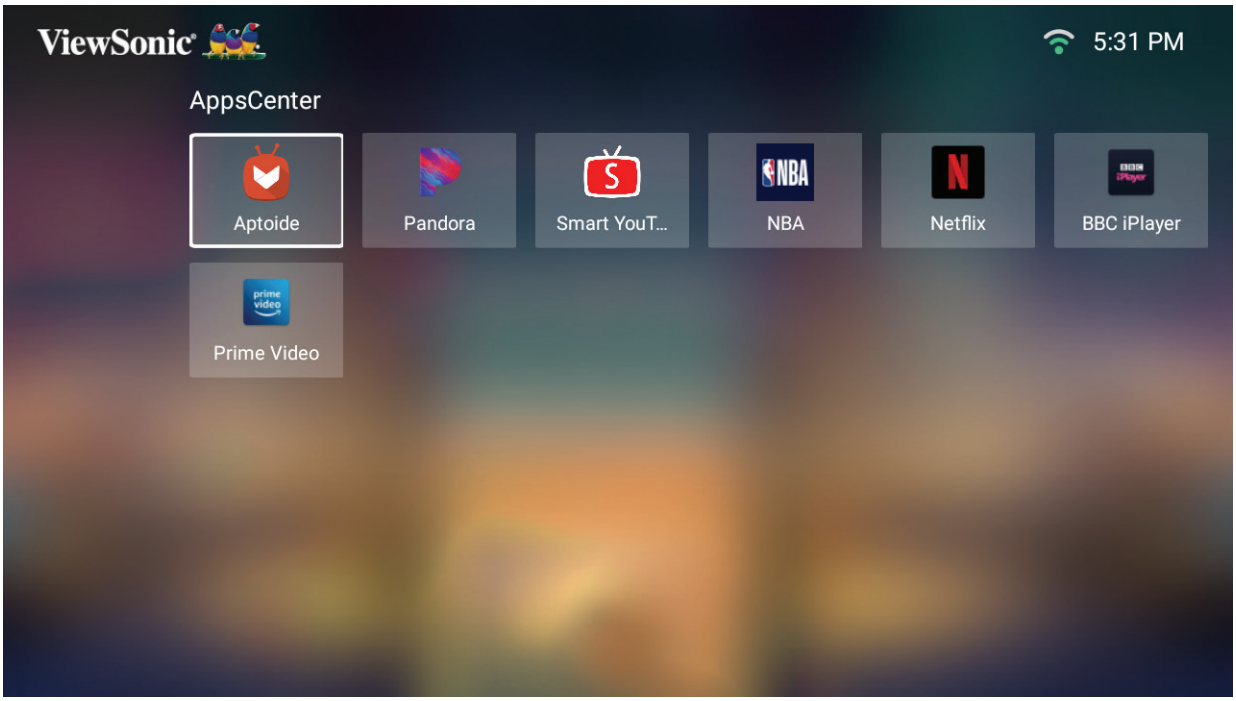

LƯU Ý: Nhấn nút **Home (Trang chủ)** trên điều khiển từ xa để trở về **Home Screen (Màn hình chính)** bất cứ lúc nào.

Aptoide

Máy chiếu được tải sẵn với kho ứng dụng Aptoide, cho phép người dùng tải xuống và cài đặt các ứng dụng khác nhau.

1. Chọn: **Home (Trang chủ)** > **Apps Center (Trung tâm ứng dụng)** > **Aptoide**.

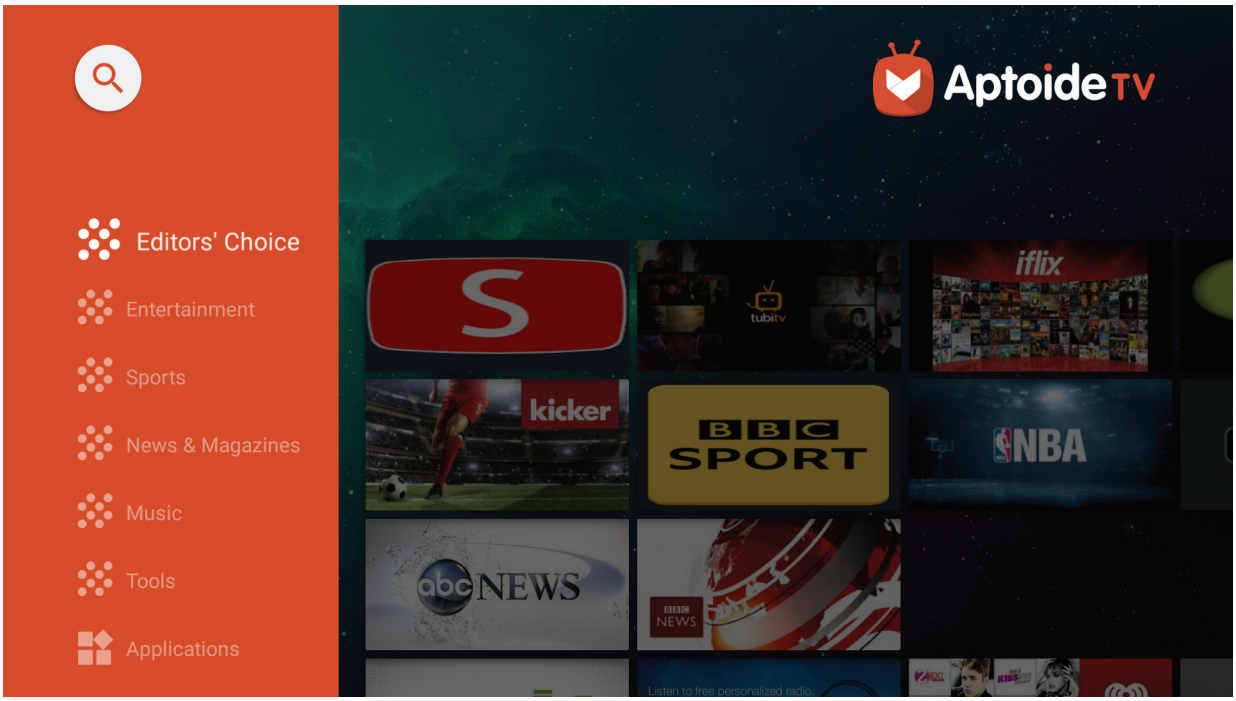

2. Sử dụng các nút chỉ hướng để điều hướng tùy chọn menu. Khi bạn tìm thấy ứng dụng ưa thích, hãy nhấn nút **OK** để cài đặt nó.

LƯU Ý:

- Người dùng có thể cài đặt các ứng dụng bên thứ ba bằng tập tin .apk trong **File Management (Quản lý tập tin)**. Tuy nhiên, một số ứng dụng bên thứ ba có thể gặp các sự cố tương thích.
- Các ứng dụng không do ViewSonic tải sẵn có thể không tương thích hoặc không hoạt động chuẩn xác.
- Một số ứng dụng có thể yêu cầu bàn phím hoặc chuột.
- Một số ứng dụng có thể Cụ thể theo vùng.

Để gỡ cài đặt ứng dụng

1. Mở **Trung tâm ứng dụng** bằng cách chọn: **Home (Trang chủ)** > **Apps Center (Trung tâm ứng dụng)**.
2. Sử dụng các nút chỉ hướng để chọn ứng dụng mong muốn.
3. Nhấn và giữ nút **OK** trên điều khiển từ xa trong ba (3) giây. Hộp thoại dưới đây sẽ hiển thị:

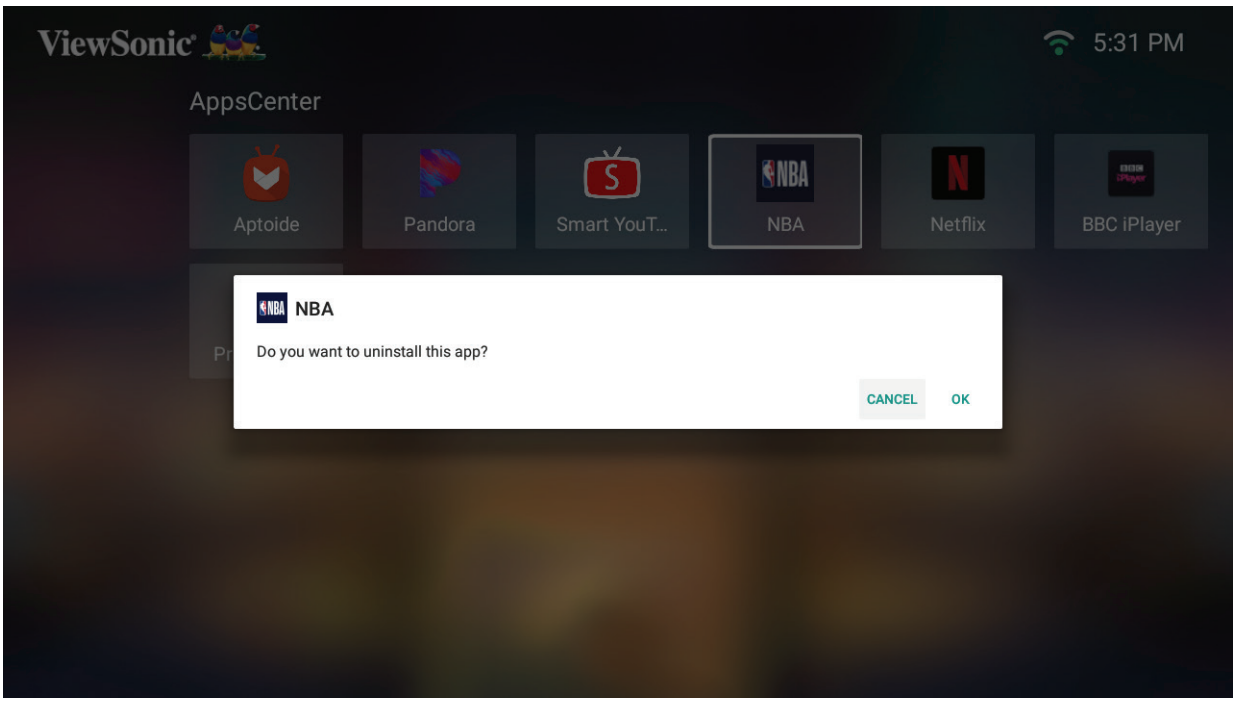

4. Chọn **OK** để gỡ cài đặt ứng dụng.

LƯU Ý: Nhấn nút **Trang chủ** trên điều khiển từ xa để trở về **Home Screen (Màn hình chính)** bất cứ lúc nào.

Bluetooth

Máy chiếu này được trang bị Bluetooth. Nhờ vậy, người dùng có thể kết nối không dây thiết bị của mình để phát lại âm thanh. Để biết thêm thông tin, xem “Kết nối Bluetooth” ở trang 20.

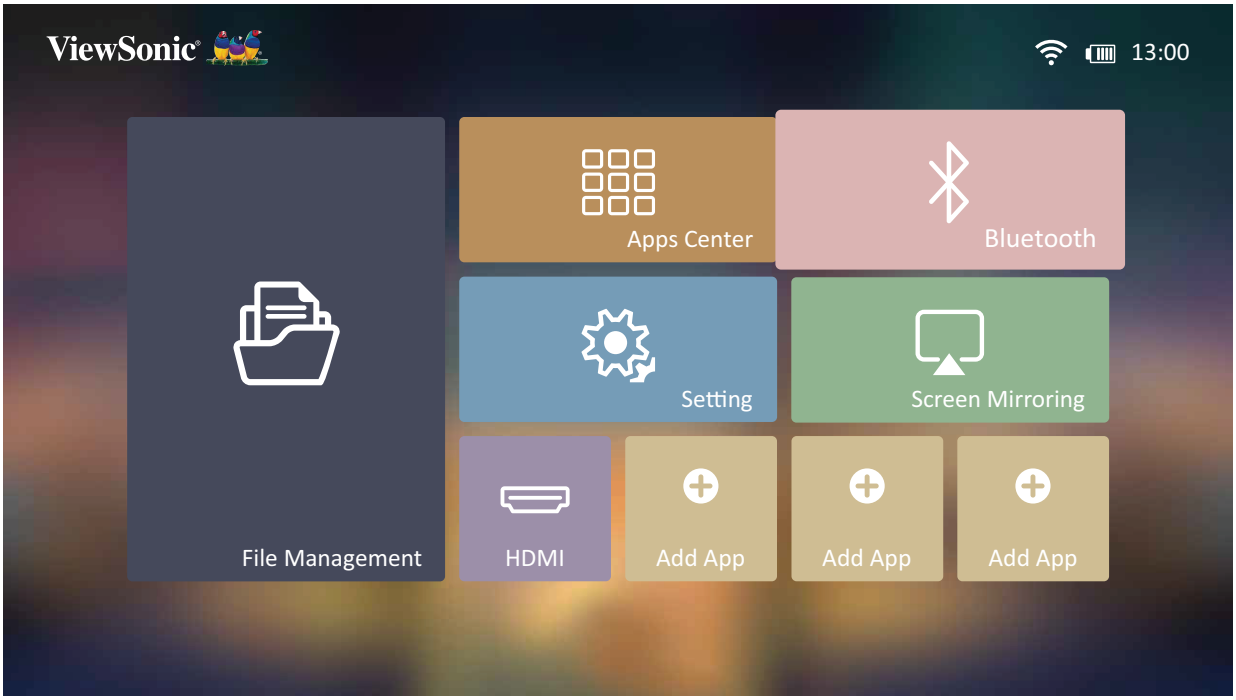

Setting (Cài đặt)

Trong **Setting (Cài đặt)**, bạn có thể điều chỉnh cài đặt mạng, cài đặt cơ bản & nâng cao, ngày giờ, cập nhật firmware và xem thông tin.

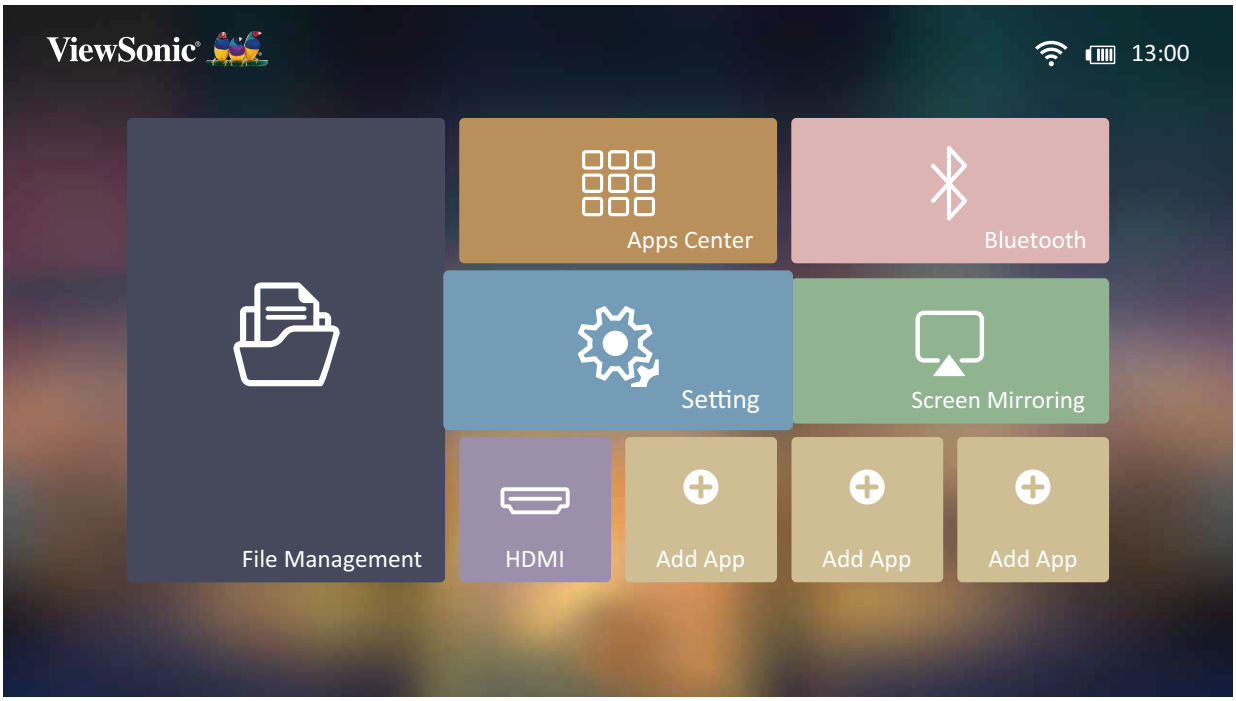

Network Settings (Cài đặt mạng)

1. Chọn: **Home (Trang chủ)** > **Setting (Cài đặt)** > **Network Settings (Cài đặt mạng)**.

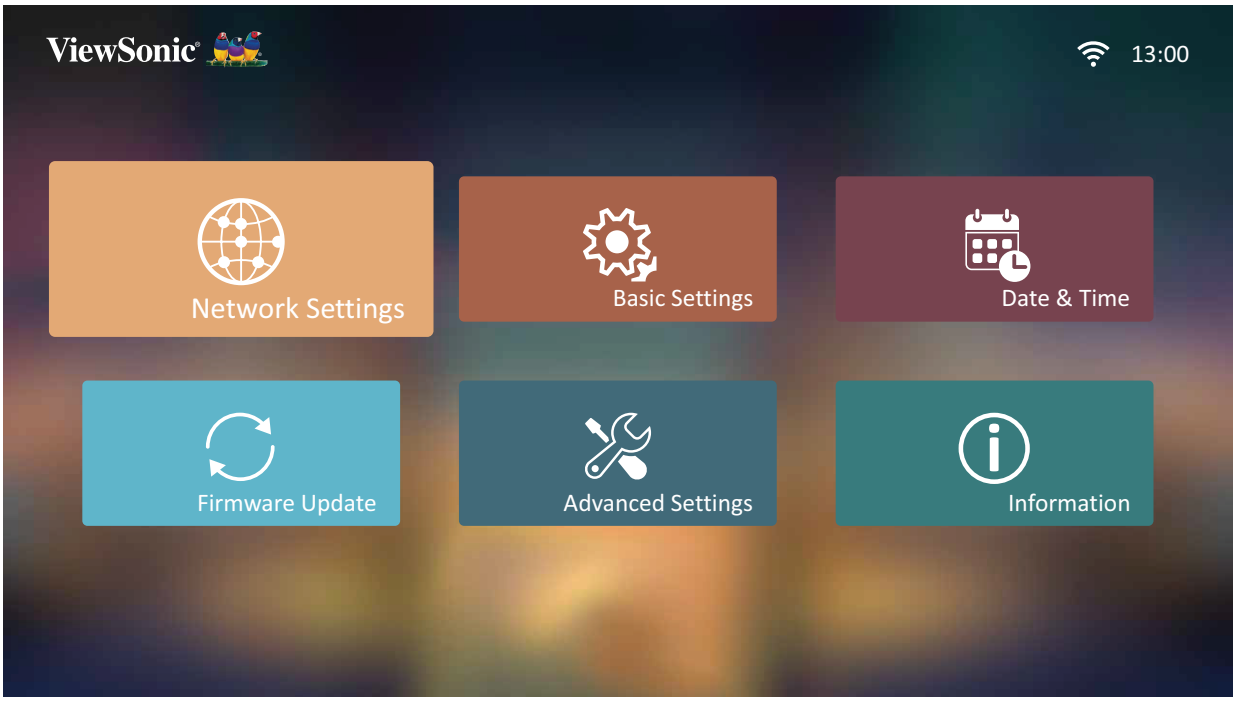

2. Xem và điều chỉnh cài đặt Wi-Fi và mạng của bạn.

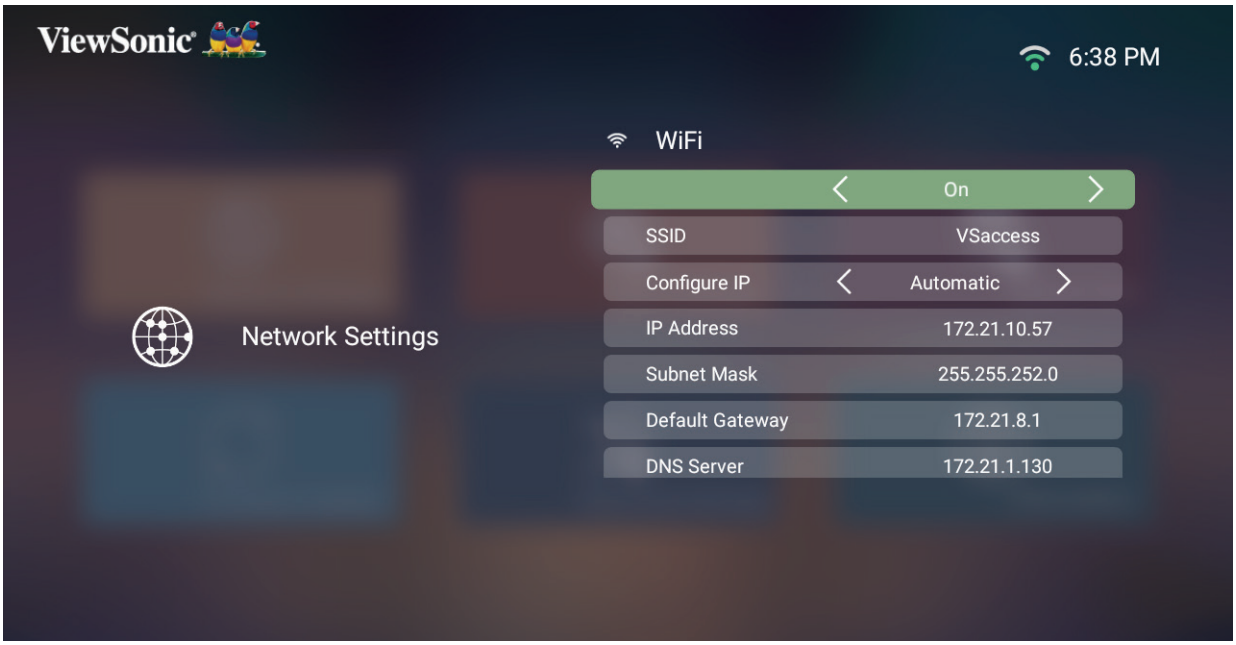

3. Để thiết lập kết nối không dây, hãy xem “Kết nối với mạng” ở trang 23.

Basic Settings (Cài đặt cơ bản)

1. Chọn: **Home (Trang chủ)** > **Setting (Cài đặt)** > **Basic Settings (Cài đặt cơ bản)**.

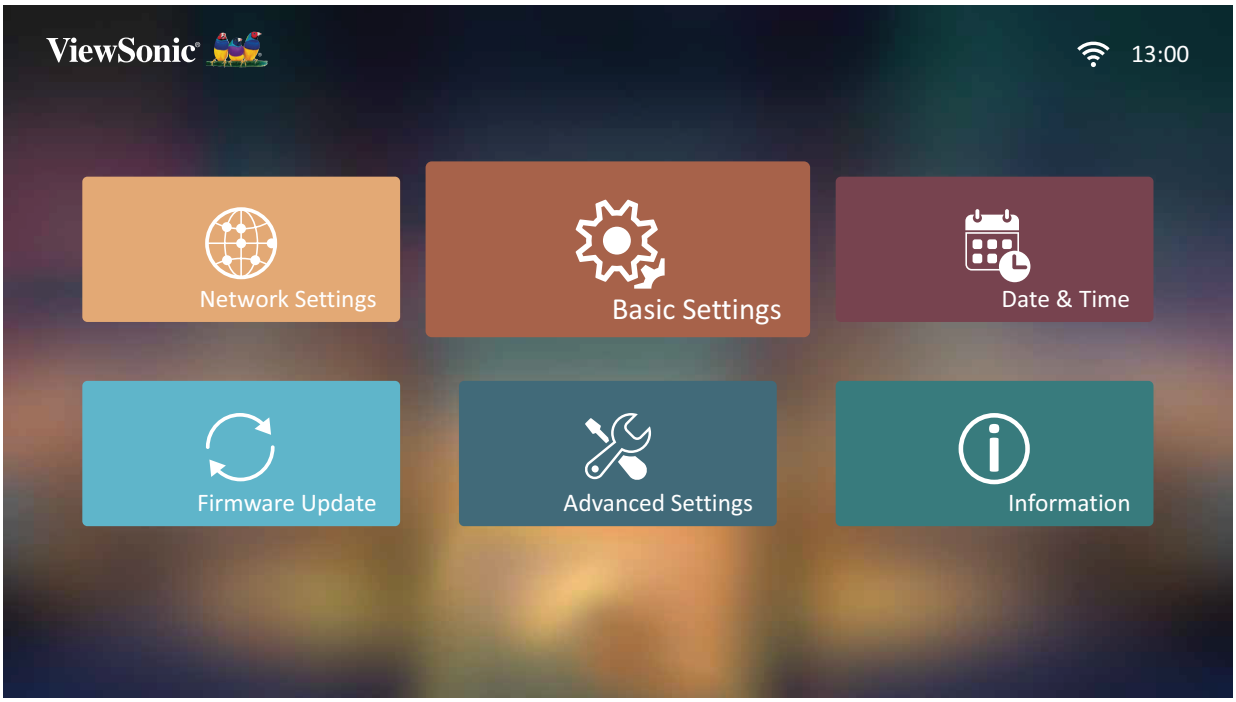

2. Sử dụng các nút **Lên** và **Xuống** để chọn tùy chọn mong muốn và nhấn **OK**. Sau đó sử dụng các nút **Trái** và **Phải** để thực hiện các điều chỉnh hoặc lựa chọn.

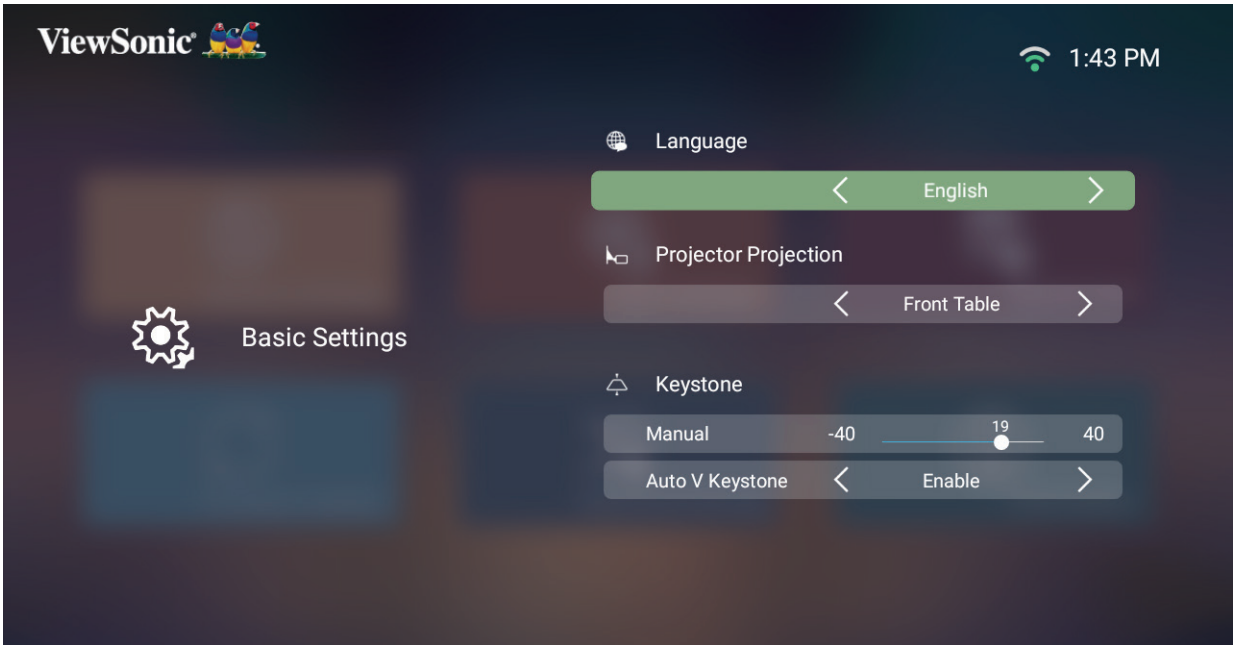

3. Để trở về menu trước, hãy nhấn nút **Return (Trở về)**.

Menu	Mô tả
Language (Ngôn ngữ)	Chọn ngôn ngữ mong muốn.
Projector Position (Vị trí máy chiếu)	Chọn vị trí chiếu ưa thích.

Menu	Mô tả
Keystone (Chỉnh vuông hình)	Hiệu chỉnh độ méo hình thang. **Manual (Thủ công)** Có thể tự tay chỉnh vuông hình từ -40 đến 40. **Auto V Keystone (Tự chỉnh vuông hình dọc)** Cung cấp hình chữ nhật trên màn hình bằng cách điều chỉnh mức vuông hình tự động khi hiển thị hình thang trên màn hình do nghiêng máy chiếu. • **On (Bật)**: Điều chỉnh mức vuông hình tự động. • **Disable (Tắt)**: Điều chỉnh mức vuông hình bằng thủ công. **LƯU Ý:** Nếu chọn **Manual (Thủ công)**, **Auto V Keystone (Tự chỉnh vuông hình dọc)** sẽ tự động đổi thành **Disable (Tắt)**.

Date & Time (Ngày giờ)

Điều chỉnh ngày, giờ, múi giờ và định dạng giờ.

LƯU Ý: Giờ sẽ hiển thị ở góc trên bên phải sau khi kết nối internet.

1. Chọn: **Home (Trang chủ)** > **Setting (Cài đặt)** > **Date & Time (Ngày giờ)**.

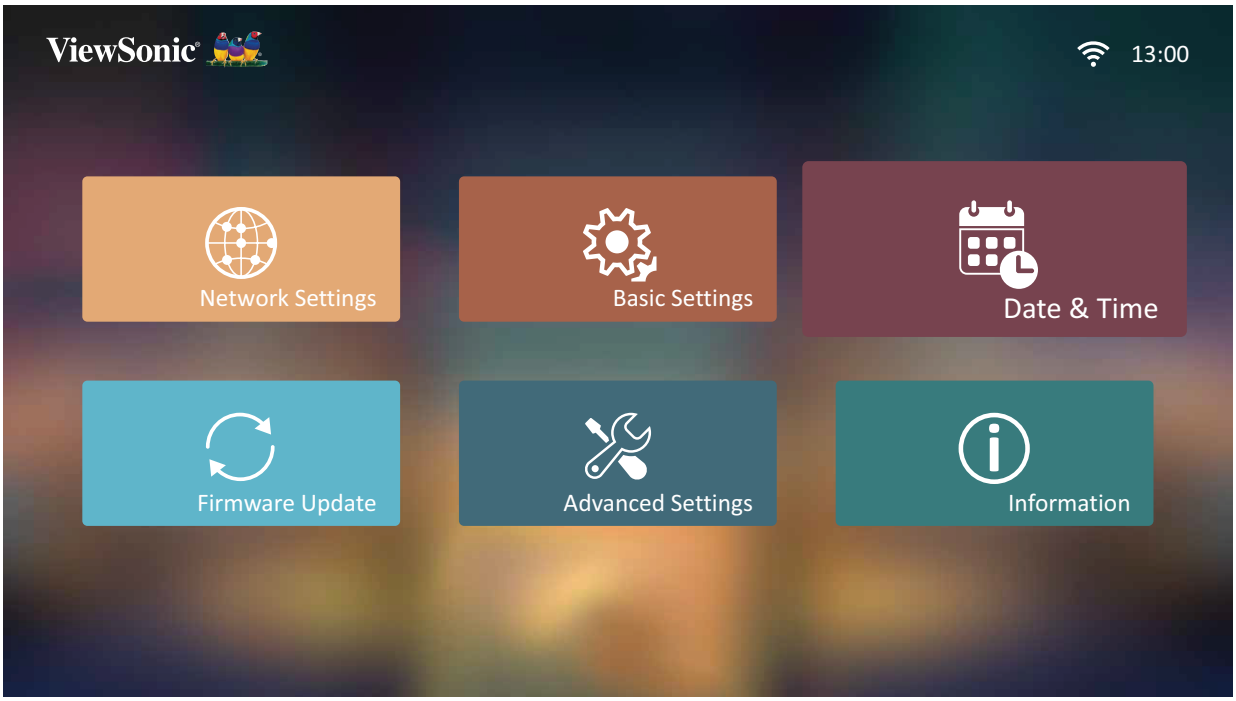

2. Sử dụng các nút **Lên** và **Xuống** để chọn tùy chọn mong muốn và nhấn **OK**. Sau đó sử dụng các nút **Trái** và **Phải** để thực hiện các điều chỉnh hoặc lựa chọn.

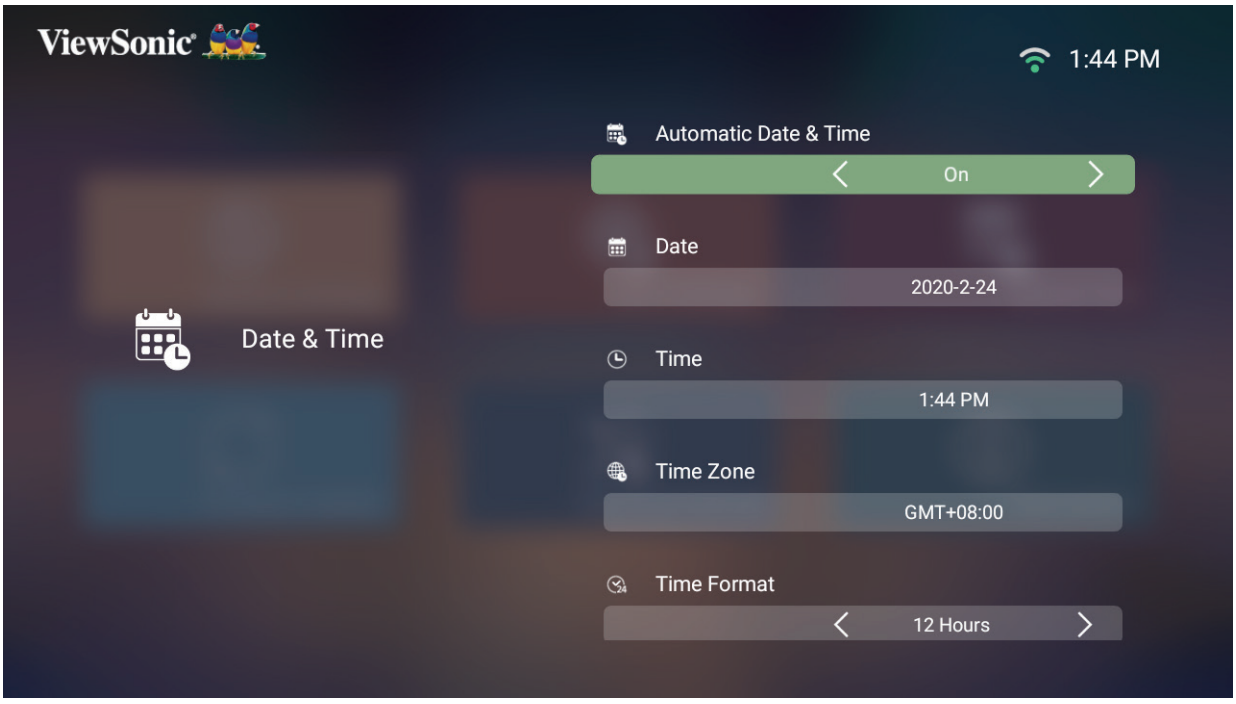

Menu	Mô tả
Automatic Date & Time (Ngày giờ tự động)	Người dùng có thể đồng bộ ngày giờ tự động sau khi kết nối internet. **On (Bật)** Bật đồng bộ hóa. **Off (Tắt)** Tắt đồng bộ hóa.
Time Zone (Múi giờ)	Chọn vị địa điểm mong muốn.
Time Format (Định dạng giờ)	Chọn định dạng giờ hiển thị khác nhau. **12 hours (12 giờ)** Đồng hồ 12 giờ. **24 hours (24 giờ)** Đồng hồ 24 giờ.

Firmware Upgrade (Nâng cấp firmware)

Người dùng có thể cập nhật firmware trực tuyến hoặc bằng USB và kiểm tra số phiên bản.

LƯU Ý: Không rút dây nguồn, USB hoặc ngắt kết nối internet trong quá trình nâng cấp.

1. Trước khi vào menu **Firmware Upgrade (Nâng cấp firmware)**, đảm bảo máy chiếu đã được kết nối internet.
2. Để vào menu, chọn: **Home (Trang chủ)** > **Setting (Cài đặt)** > **Firmware Upgrade (Nâng cấp firmware)**.

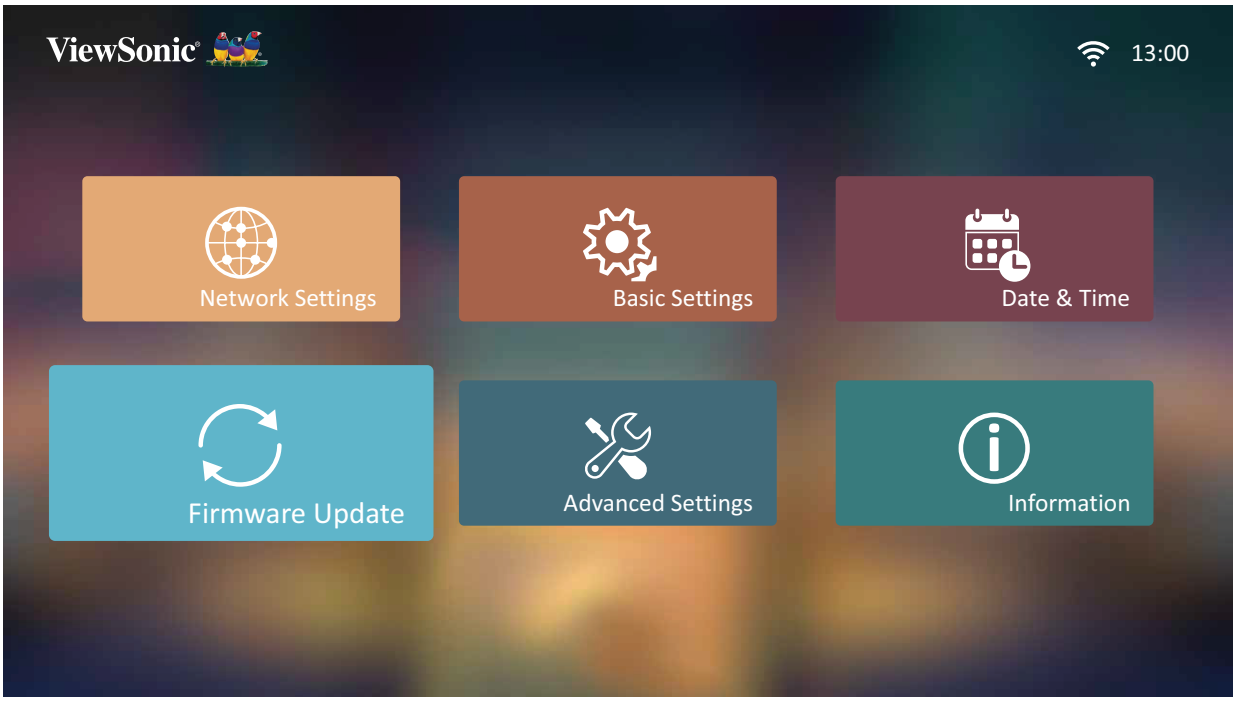

Cập nhật firmware trực tuyến

1. Vào: **Home (Trang chủ)** > **Setting (Cài đặt)** > **Firmware Upgrade (Nâng cấp firmware)** > **Software Update Online (Cập nhật phần mềm Trực tuyến)**.

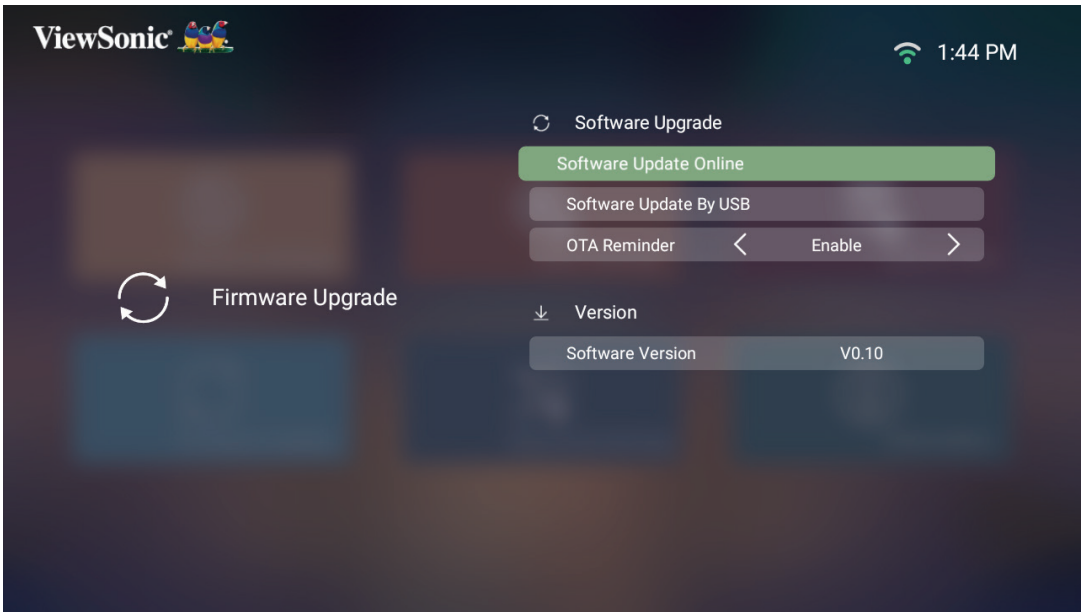

2. Chọn **Enter (Vào)** bằng cách nhấn **OK** trên điều khiển từ xa.
3. Hệ thống sẽ kiểm tra trang web ViewSonic (OTA) và hiển thị hộp thoại thông báo bên dưới nếu có firmware mới.

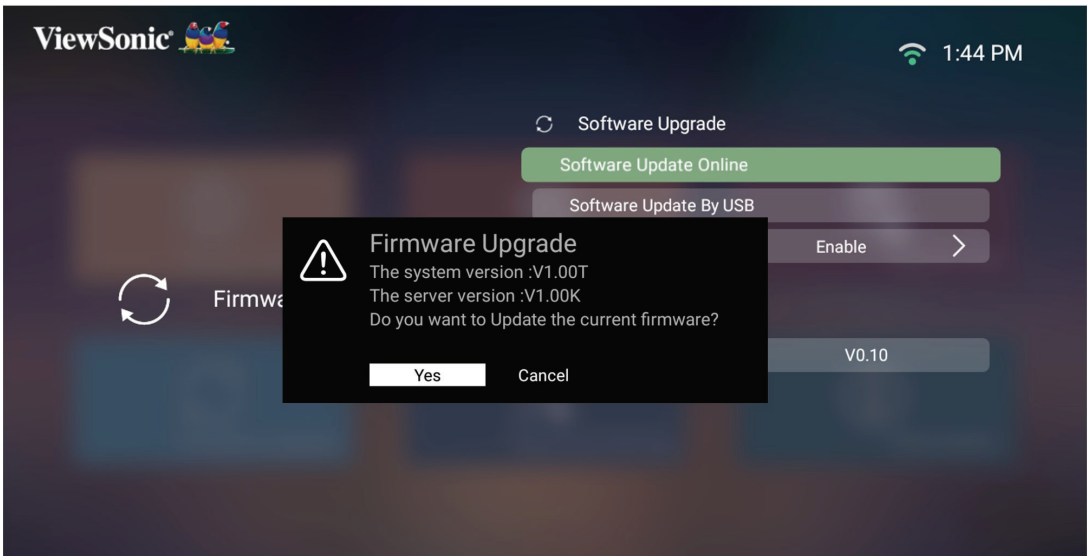

4. Bằng cách chọn **Yes (Có)**, một thanh tiến trình sẽ hiển thị khi quá trình cập nhật bắt đầu.

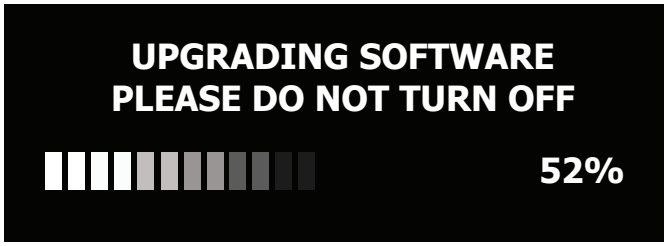

5. Sau cập nhật xong 100%, máy chiếu sẽ khởi động lại. Toàn bộ quá trình sẽ mất khoảng 10 phút.
6. Sau khi cập nhật firmware, việc khởi động lại máy chiếu sẽ mất vài phút.

Cập nhật firmware bằng USB

1. Tải xuống phiên bản mới nhất từ trang web ViewSonic và sao chép file vào thiết bị USB.
2. Cắm USB vào máy chiếu, sau đó vào: **Home (Trang chủ)** > **Setting (Cài đặt)** > **Firmware Upgrade (Nâng cấp firmware)** > **USBSoftware Update By USB (Cập nhật phần mềm Bằng)**.
3. Chọn **Enter (Vào)** bằng cách nhấn **OK** trên điều khiển từ xa.

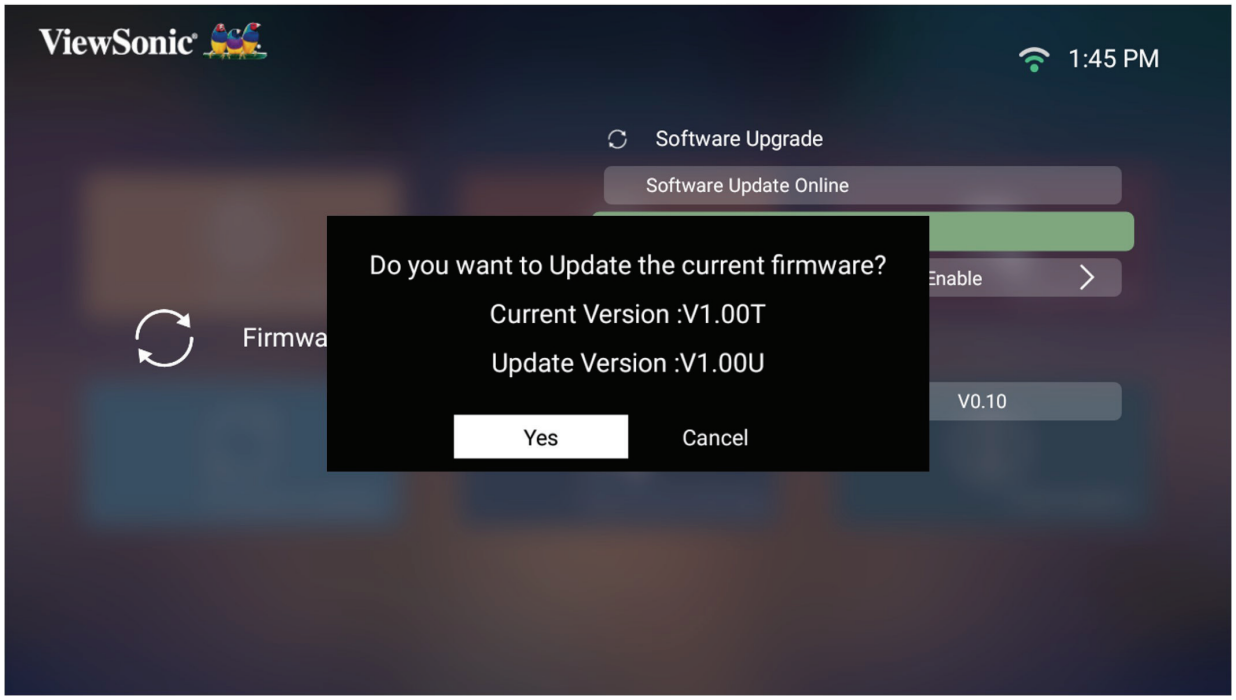

4. Hệ thống sẽ phát hiện phiên bản firmware và hiển thị hộp thoại thông báo như trên.
5. Bằng cách chọn **Yes (Có)**, một thanh tiến trình sẽ hiển thị khi quá trình cập nhật bắt đầu.
6. Sau khi cập nhật xong 100%, máy chiếu sẽ khởi động lại. Toàn bộ quá trình sẽ mất khoảng 10 phút.
7. Sau khi cập nhật firmware, việc khởi động lại máy chiếu sẽ mất vài phút.

LƯU Ý: Chỉ cổng USB A mới có thể hỗ trợ cập nhật Vi chương trình (định dạng USB: FAT32).

Advanced Settings (Cài đặt nâng cao)

1. Chọn: **Home (Trang chủ)** > **Setting (Cài đặt)** > **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao)**.

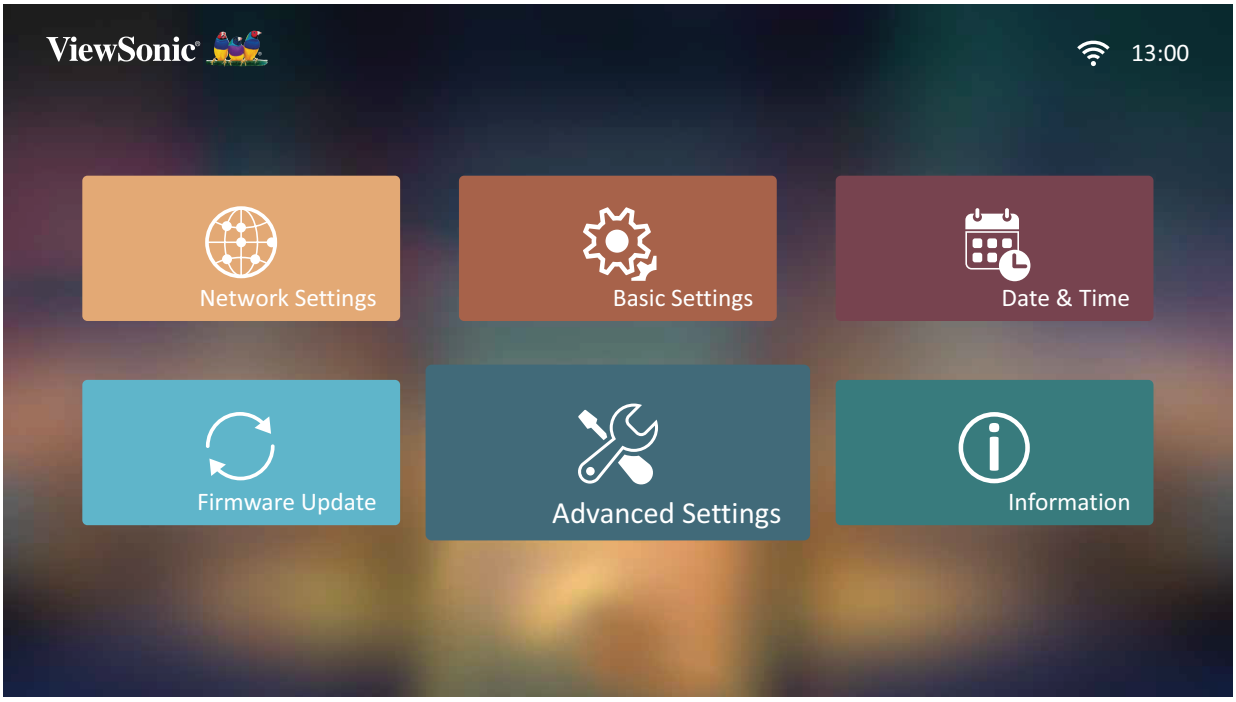

2. Sử dụng các nút **Lên** và **Xuống** để chọn tùy chọn mong muốn và nhấn **OK**. Sau đó sử dụng các nút **Trái** và **Phải** để thực hiện các điều chỉnh hoặc lựa chọn.

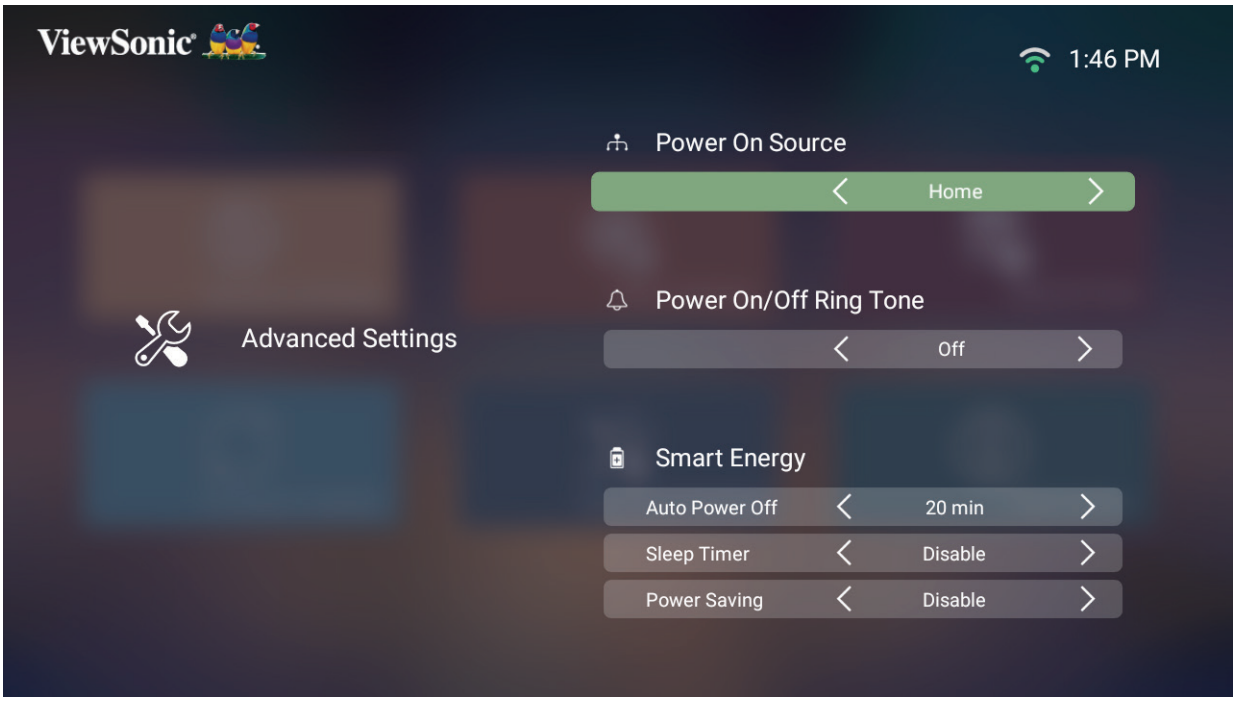

3. Để trở về menu trước, hãy nhấn nút **Return (Trở về)**.

Menu	Mô tả
Power On Source (Bật nguồn tín hiệu)	Cho phép người dùng truy cập trực tiếp nguồn tín hiệu mong muốn sau khi bật máy chiếu.
Power On/Off Ring Tone (Chuông bật/tắt nguồn)	Bật hoặc tắt chuông bật/tắt nguồn.
Auto Power On (Bật nguồn tự động)	**Direct Power On (Bật nguồn trực tiếp)** Bật máy chiếu tự động một khi đã cắm phích dây nguồn vào ổ cắm.
Smart Energy (Năng lượng th.minh)	**Auto Power Off (Tắt nguồn tự động)** Máy chiếu có thể tự động tắt sau một khoảng thời gian đã đặt khi không phát hiện thấy nguồn tín hiệu vào. **Sleep Timer (Hẹn giờ tắt máy)** Tắt tự động sau một khoảng thời gian đã đặt. **Power Saving (Tiết kiệm điện)** Mức tiêu thụ điện thấp hơn nếu không phát hiện nguồn tín hiệu vào sau năm (5) phút. **LƯU Ý:** Mức tiêu thụ điện của đèn LED sẽ được chuyển sang 30% sau khi không phát hiện tín hiệu nào trong năm (5) phút.
JBL	**Audio Volume (Âm lượng)** Điều chỉnh mức âm lượng từ 0 đến 20. **Mute (Tắt âm)** Tắt hoặc bật âm lượng.
Light Source Level (Mức đèn)	Chọn mức tiêu thụ điện phù hợp của LED. **Full (Đầy đủ)** 100% **Eco (T.kiệm)** 70%

Menu	Mô tả
High Altitude Mode (Chế độ cao trình)	Bạn nên sử dụng Chế độ cao trình khi sử dụng máy chiếu trong môi trường ở độ cao từ 1.500-3.000 mét so với mực nước biển và có nhiệt độ từ 5°C-25°C. 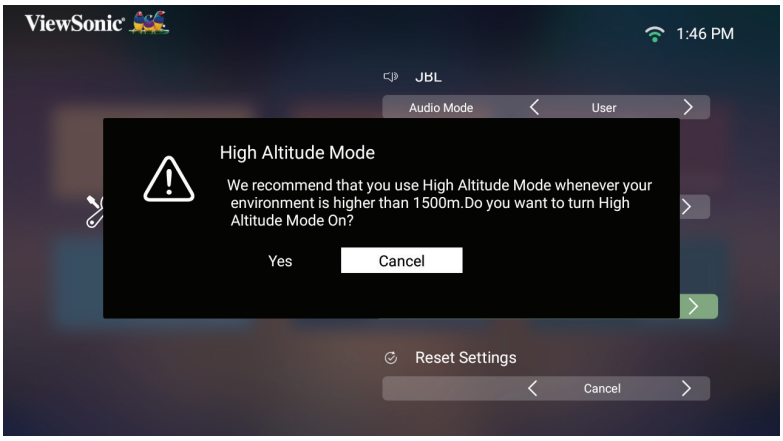 **LƯU Ý:** Nếu bạn sử dụng máy chiếu này trong các điều kiện khắc nghiệt khác, ngoại trừ các điều kiện vừa nêu, nó có thể hiển thị các sự cố tự động tắt - vốn được thiết kế để bảo vệ máy chiếu khỏi bị quá nóng. Trong các trường hợp như vậy, bạn nên chuyển sang Chế độ cao trình để khắc phục các sự cố này. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là máy chiếu này có thể hoạt động trong bất kỳ và mọi điều kiện khó khăn hoặc khắc nghiệt.
Reset Settings (Cài lại các cài đặt)	Cài lại các cài đặt về mặc định. **LƯU Ý:** Language (Ngôn ngữ), High Altitude Mode (Chế độ cao trình), Projector Position (Vị trí máy chiếu), Network Settings (Cài đặt mạng), Mọi ứng dụng đã cài đặt trong Apps Center (Trung tâm ứng dụng), Add App (Thêm ứng dụng) và Light Source Hours (Số giờ đèn) sẽ không thay đổi.
Reset to Factory Default (Cài về mặc định gốc)	Cài đặt lại thông số của nhà sản xuất. **LƯU Ý:** Số giờ đèn sẽ không thay đổi.

Information (Thông tin)

1. Chọn: **Home (Trang chủ)** > **Setting (Cài đặt)** > **Information (Thông tin)**.

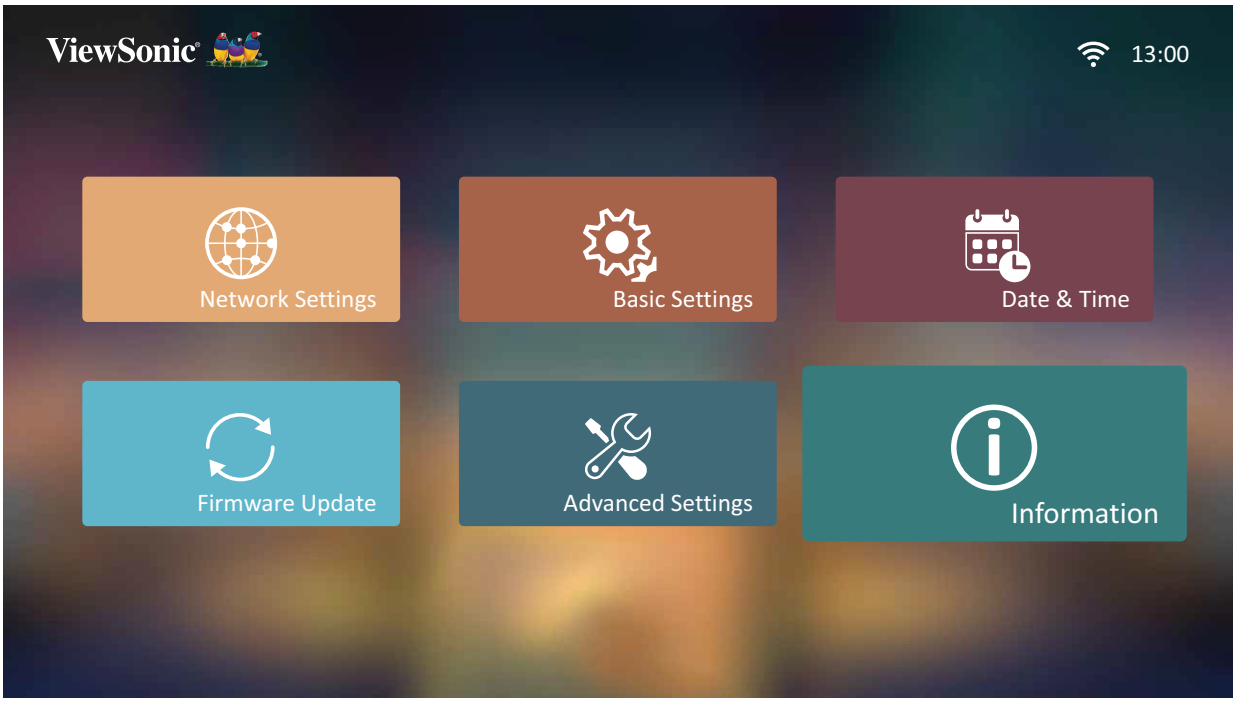

2. Xem trạng thái hệ thống và thông tin.

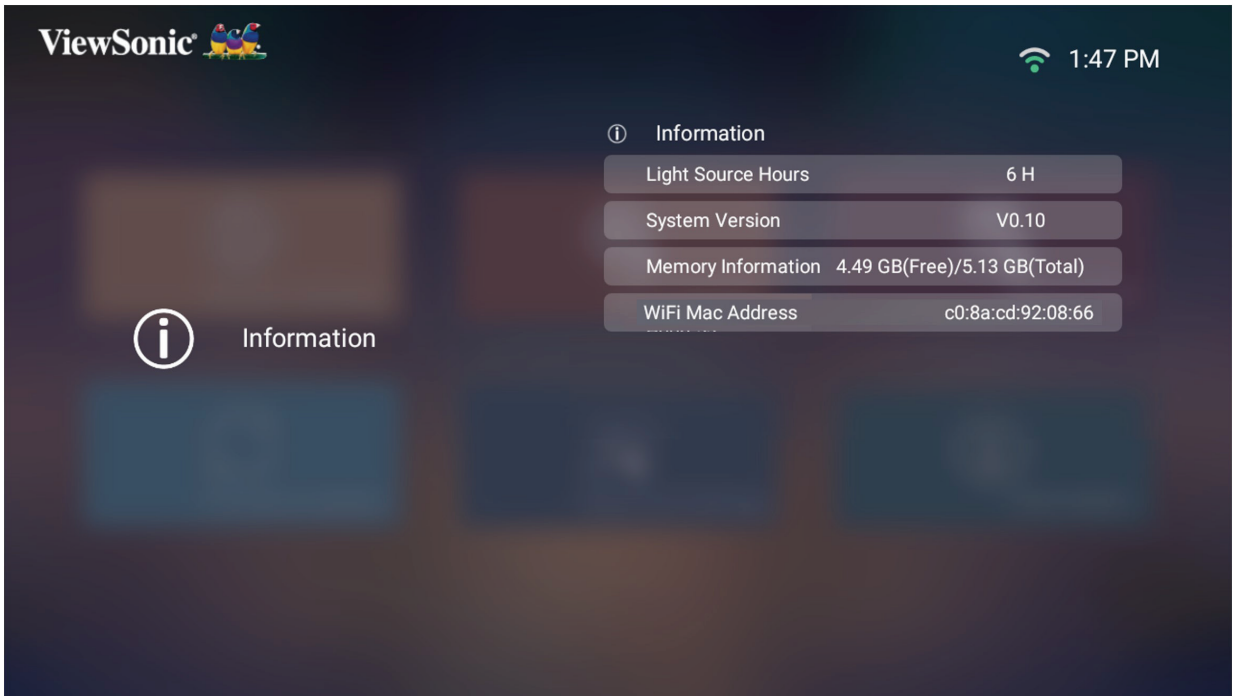

LƯU Ý: Nhấn nút **Home (Trang chủ)** trên điều khiển từ xa để trở về **Home Screen (Màn hình chính)** bất cứ lúc nào.

Screen Mirroring (Phản chiếu màn hình)

Phản chiếu màn hình thiết bị cá nhân của bạn. Để thiết lập phản chiếu màn hình không dây, hãy xem “Phản chiếu màn hình không dây” ở trang 19.

LƯU Ý: Đảm thiết bị của bạn được kết nối cùng mạng với máy chiếu

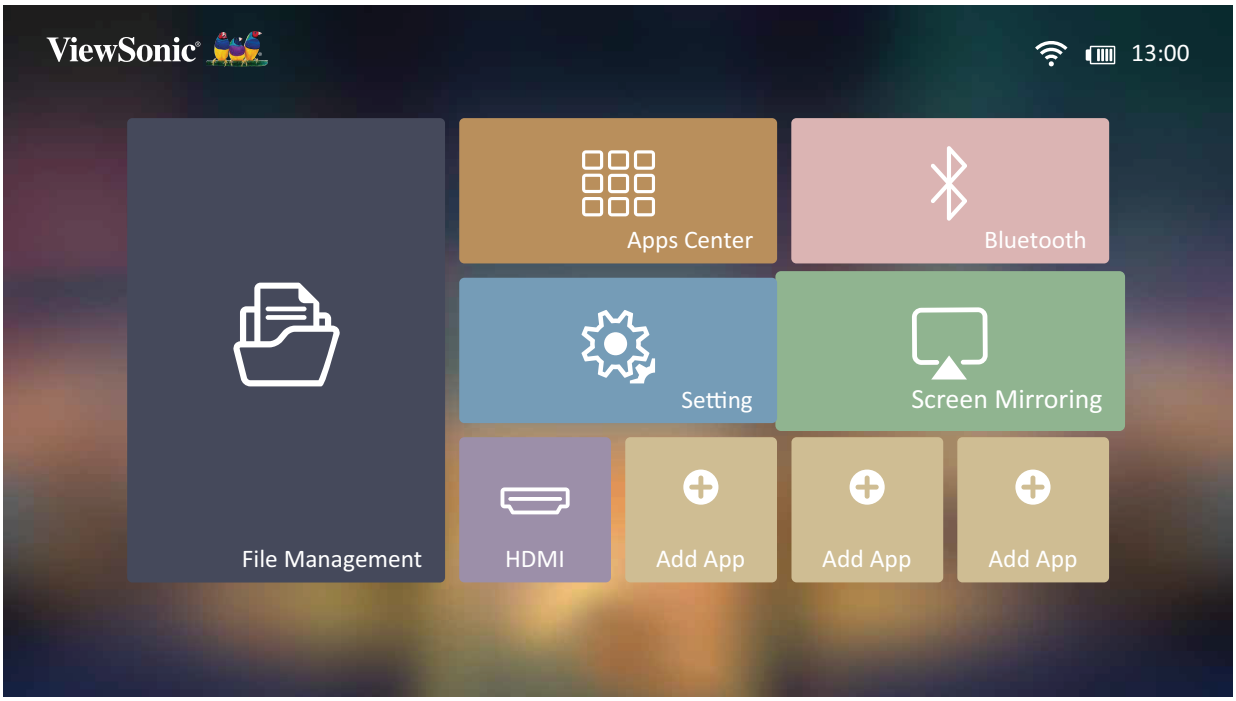

Thêm ứng dụng

Thêm ứng dụng ưa thích vào **Home Screen (Màn hình chính)**.

1. Từ **Home Screen (Màn hình chính)**, chọn **Add App (Thêm ứng dụng)** và sau đó nhấn **OK** trên điều khiển từ xa.

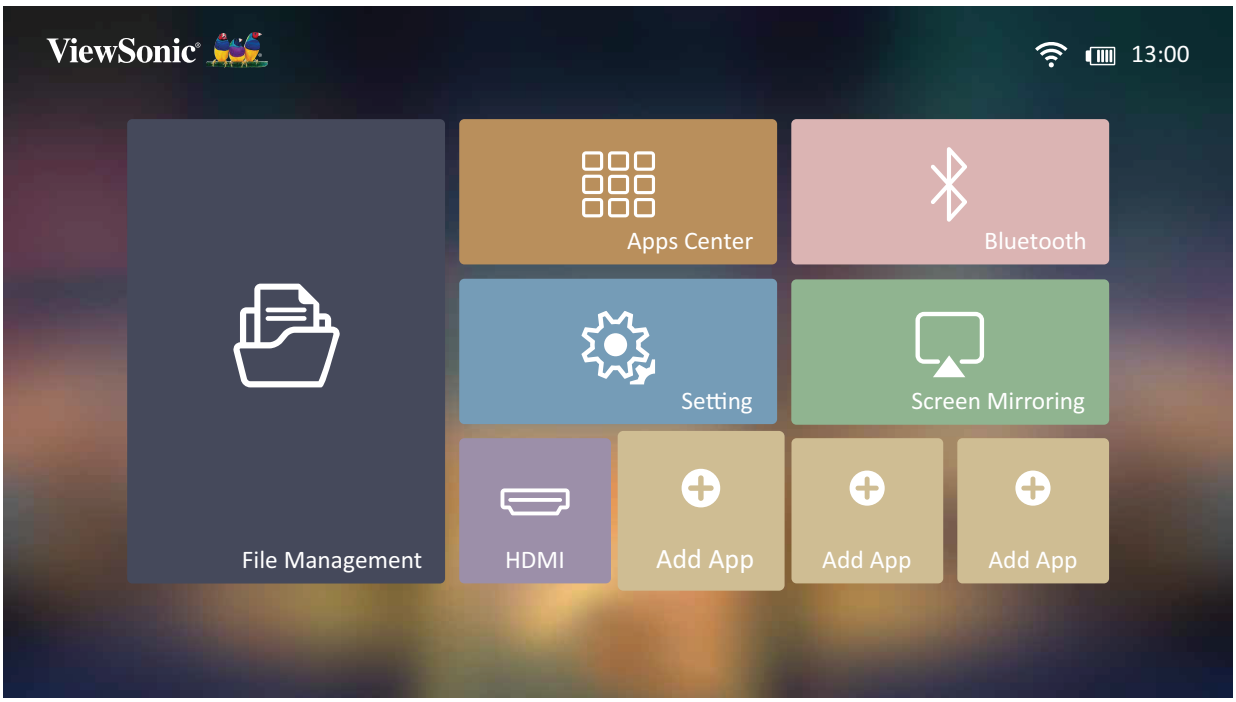

2. Sử dụng các nút chỉ hướng để chọn ứng dụng mong muốn và nhấn **OK**.

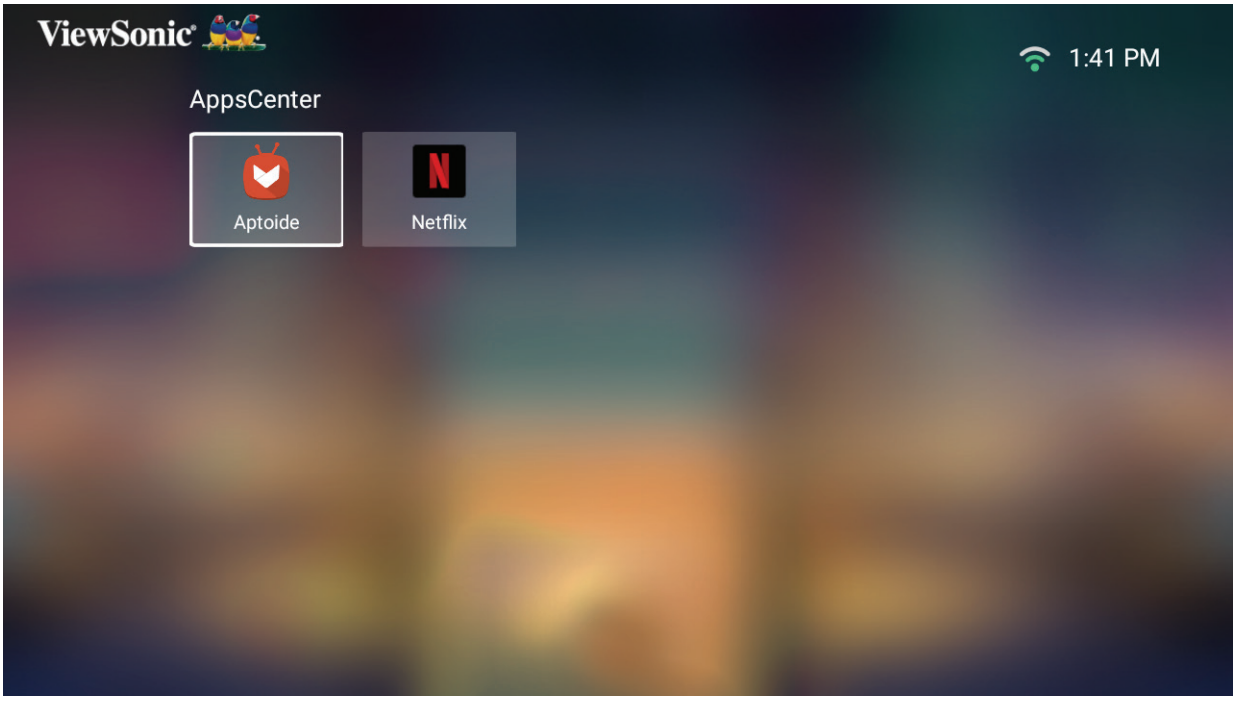

3. Bây giờ ứng dụng ưa thích của bạn sẽ xuất hiện trên **Home Screen (Màn hình chính)**.

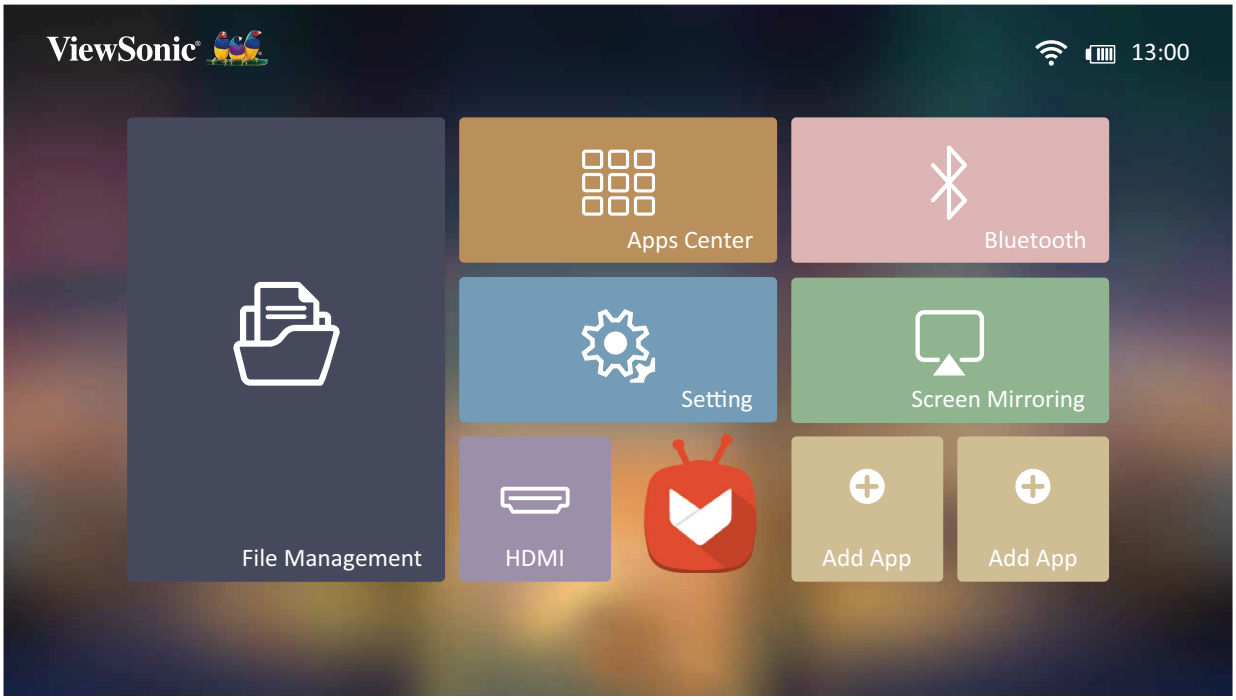

Xóa ứng dụng khỏi Home Screen (Màn hình chính)

1. Từ **Home Screen (Màn hình chính)**, chọn ứng dụng bạn muốn xóa rồi nhấn giữ **OK** trong ba (3) giây.
2. Thông báo “Do you want to Delete this application from My Favorites (Bạn có muốn xóa ứng dụng này khỏi Mục yêu ưa không)?” sẽ hiển thị.

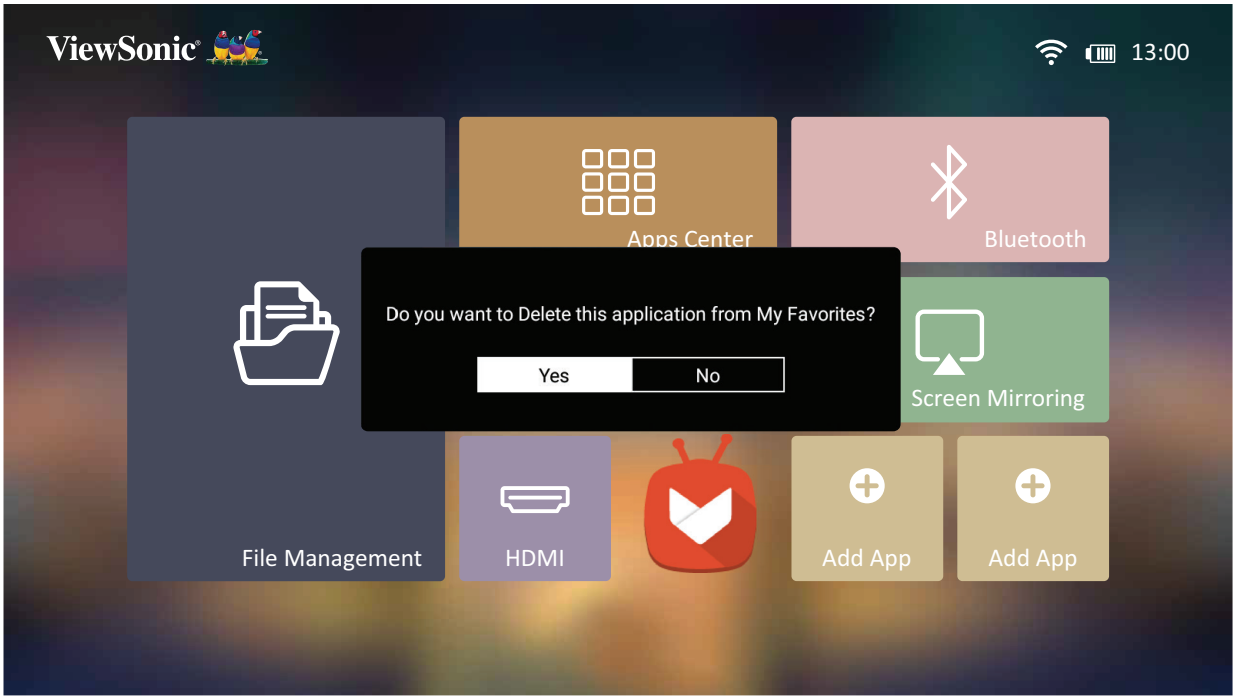

3. Chọn **Yes (Có)** và nhấn **OK** để xóa ứng dụng.

Chức năng bộ sạc dự phòng

Máy chiếu cũng có thể hoạt động như bộ sạc dự phòng cho thiết bị di động của bạn.

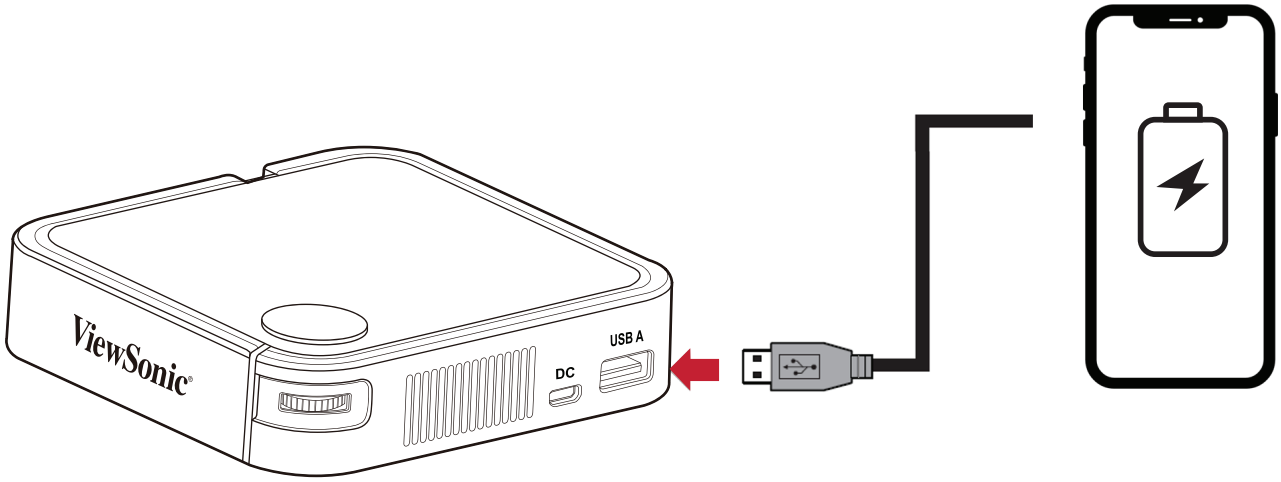

Để sạc thiết bị di động:

1. Tắt máy chiếu bằng cách gạc **Nút nguồn**.

2. Sử dụng **Cổng USB Type A** trên máy chiếu để kết nối với thiết bị di động.

3. Bộ sạc dự phòng có thể cung cấp nguồn sạc 5V/1A cho thiết bị di động.

LƯU Ý: Chức năng bộ sạc dự phòng chỉ có thể hoạt động khi tắt máy chiếu.

> Phụ lục

Thông số kỹ thuật

Mục	Hạng mục	Thông số kỹ thuật
Máy chiếu	Loại	Đèn LED WVGA 0,2”
	Kích thước màn hình	24”~100”
	Khoảng cách lệch tâm	0,64-2,66 m (39”@1 m)
	Ống kính	F = 1,7, f = 7,5 mm
	Zoom quang học	Cố định
	Loại đèn	Đèn LED RGB (Đỏ-Lục-Lam)
	Tuổi thọ đèn (Bình thường)	đến 30.000 giờ
	Màu hiển thị	1,07 tỷ màu
	Chỉnh vuông hình	-/+ 40 (Dọc)
	Dung lượng pin	5000 mAh, 3,7V
Tín hiệu vào	HDMI	f_h: 15h~102KHz, f_v:23~120Hz,
Độ phân giải	Gốc	854 x 480
	Hỗ trợ	VGA (640 x 480) đến Full HD (1920 x 1080)
Đầu vào	HDMI	1 (HDMI 1.4, HDCP 1.4)
	Âm thanh vào	Bluetooth 4.2
	USB Type-A	1 (Đầu đọc USB 2.0; dùng chung nguồn điện)
	USB Type-C	1 (Đầu vào nguồn điện - 5V/4A)
	Wi-Fi	1 (5G)
Đầu ra	Loa	1 hình khối 2W
	USB Type A (Nguồn điện)	1 (USB 2.0, 5V/1A; dùng chung đầu đọc USB)
	Đầu ra âm thanh	Bluetooth 4.2
Adapter nguồn	Điện áp đầu vào	Điện AC 100-240V, 50/60 Hz (tự chuyển đổi)
	điện áp đầu ra	5V/4A
Bộ nhớ trong	Tổng: 8 GB	Khả dụng: 4 GB
Các điều kiện hoạt động	Nhiệt độ	0°C - 40°C (32°F - 104°F)
	Độ ẩm	0% đến 90% (không ngưng tụ)
Kích thước	Thực tế (W x H x D)	110 x 104 x 27 mm (4,3” x 4,1” x 1,06”)
Trọng lượng	Thực tế	0,3 kg (0,67 pound)
Chế độ tiết kiệm điện	Bật	16W (Điển hình)
	Tắt	< 0,5W (Chế độ chờ) < 0,006W (Tắt nguồn)

Kích thước máy chiếu

110 mm (Rộng) x 104 mm (Cao) x 27 mm (Dày)

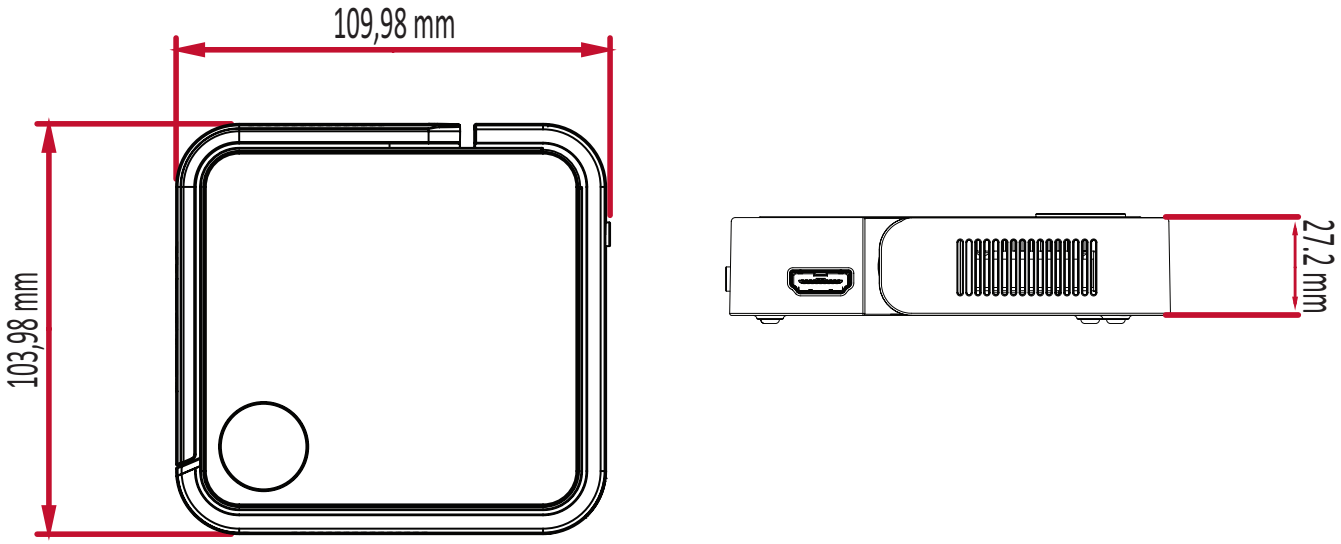

Biểu đồ định giờ

Định giờ video HDMI

Định giờ	Độ phân giải	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Tần số xung nhịp (MHz)
480i	720(1440) x 480	15,73	59,94	27
480p	720 x 480	31,47	59,94	27
576i	720(1440) x 576	15,63	50	27
576p	720 x 576	31,25	50	27
720/50p	1280 x 720	37,5	50	74,25
720/60p	1280 x 720	45	60	74,25
1080/24P	1920 x 1080	27	24	74,25
1080/25P	1920 x 1080	28,13	25	74,25
1080/30P	1920 x 1080	33,75	30	74,25
1080/50i	1920 x 1080	28,13	50	74,25
1080/60i	1920 x 1080	33,75	60	74,25
1080/50P	1920 x 1080	56,25	50	148,5
1080/60P	1920 x 1080	67,5	60	148,5

Định giờ PC hỗ trợ HDMI

Độ phân giải	Tốc độ làm mới (Hz)	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số xung nhịp (MHz)
640 x 480	59,94	31,469	25,175
	72,809	37,861	31,5
	75	37,5	31,5
720 x 400	70,087	31,469	28,3221
800 x 600	56,250	35,156	36
	60,317	37,879	40
	72,188	48,077	50
	75	46,875	49,5
1024 x 768	60,004	48,363	65
	70,069	56,476	75
	75,029	60,023	78,75
1152 x 864	75	67,5	108
1280 x 768	59,87	47,776	79,5
	74,893	60,289	102,25
1280 x 800	59,81	49,702	83,5
	74,934	62,795	106,5
1280 x 960	60	60	108
1280 x 1024	60,02	63,981	108
	75,025	79,976	135
1360 x 768	60,015	47,712	85,5
1400 x 1050	59,978	65,317	121,75
1440 x 900	59,887	55,935	106,5
	60	55,469	88,75
	74,984	70,635	136,75
1600 x 1200	60	75	162
1680 x 1050	59,883	64,674	119,000
	59,954	65,29	146,25

Định giờ hỗ trợ 3D

HDMI 3D (BlueRay 3D có khung hình thông tin)				
Tín hiệu	**Độ phân giải (chấm)**	**Tỷ lệ khung hình**	**Tốc độ làm mới (Hz)**	**Hỗ trợ**
Gói khung				
1080p	1920 x 1080	16:9	23,98/24	Có
720p	1280 x 720	16:9	50/59,94/60	Có
Liền kề				
1080i	1920 x 1080	16:9	50/59,94/60	Có
Đỉnh & Đáy				
1080p	1920 x 1080	16:9	23,98/24	Có
720p	1280 x 720	16:9	50/59,94/60	Có

HDMI				
Tín hiệu	**Độ phân giải (chấm)**	**Tỷ lệ khung hình**	**Tốc độ làm mới (Hz)**	**Hỗ trợ**
SVGA	800 x 600	4:3	60*/120**	Có
XGA	1024 x 768	4:3	60*/120**	Có
HD	1280 x 720	16:9	60*/120**	Có
WXGA	1280 x 800	16:9	60*/120**	Có
HDTV (1080p)	1920 x 1080	16:9	60	Có

LƯU Ý:

* Tín hiệu 60Hz được hỗ trợ cho khung tuần tự, liền kề và trên dưới.

** Tín hiệu 120Hz chỉ được hỗ trợ cho khung tuần tự.

Đèn báo LED

Ánh sáng	Mô tả
Lục	Bật nguồn
Đỏ	Chế độ chờ
Đỏ	Đang sạc máy chiếu
Lục	Pin đã được sạc đầy

Bảng chú giải

Phần này mô tả bảng chú giải thuật ngữ chuẩn được sử dụng trong tất cả các mẫu máy chiếu. Mọi thuật ngữ đều được liệt kê theo thứ tự bảng chữ cái.

LƯU Ý: Một số thuật ngữ có thể không áp dụng cho máy chiếu của bạn.

A

Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình)

Đề cập đến tỷ lệ từ chiều rộng đến chiều cao hình.

B

Brightest Mode (Chế độ sáng nhất)

Tối đa hóa độ sáng của hình chiếu. Chế độ này lý tưởng cho các môi trường cần độ sáng siêu cao, chẳng hạn như sử dụng máy chiếu trong các phòng đủ ánh sáng.

Brightness (Độ sáng)

Điều chỉnh mức độ sáng của hình ảnh trên màn hình

C

Color (Màu sắc)

Điều chỉnh độ bão hòa màu.

Color Temp (Nhiệt độ màu)

Cho phép người dùng chọn các cài đặt nhiệt độ màu cụ thể để tùy chỉnh thêm trải nghiệm xem của họ.

Contrast (Độ tương phản)

Điều chỉnh độ khác biệt giữa nền sau hình ảnh (mức độ đen) và nền trước (mức độ trắng).

F

Focus (Lấy nét)

Cải thiện độ rõ hình chiếu bằng thủ công.

H

HDMI

Là giao diện âm thanh/video dùng để truyền phát video và âm thanh qua một cáp đơn.

I

Information (Thông tin)

Hiển thị chế độ định giờ (đầu vào tín hiệu video), số mẫu máy chiếu, số serial và URL trang web ViewSonic®.

K **Keystone (Chỉnh vuông hình)**

Xảy ra độ biến dạng hình ảnh do chiếu hình ảnh lên bề mặt góc cạnh.

L **Light Source Level (Mức đèn)**

Sử dụng chế độ bình thường hoặc tiết kiệm để điều chỉnh mức độ sáng và mức tiêu thụ điện.

M **Movie Mode (Chế độ xem phim)**

Chế độ hình thích hợp để xem phim, đoạn video đầy màu sắc từ máy ảnh kỹ thuật số hoặc video kỹ thuật số qua đầu vào máy tính. Tối ưu cho môi trường thiếu ánh sáng.

S **Sharpness (Độ sắc nét)**

Điều chỉnh chất lượng hình ảnh.

Khắc phục sự cố

Phần này mô tả một số vấn đề phổ biến mà bạn có thể gặp phải khi sử dụng máy chiếu.

Vấn đề hoặc sự cố	Giải pháp khả thi
Máy chiếu không hoạt động	• Đảm bảo dây nguồn được cắm đúng cách vào máy chiếu và ổ cắm điện. • Nếu quá trình để nguội chưa kết thúc, hãy đợi cho đến khi kết thúc rồi thử bật lại máy chiếu. • Nếu cách trên không hiệu quả, hãy thử ổ cắm điện hoặc thiết bị điện khác có cùng ổ cắm điện. • Kiểm tra xem pin còn điện hay không[1], nếu không, hãy cắm adapter nguồn. • Khi pin yếu, máy chiếu có thể tự động tắt bật liên tục. Vui lòng tắt máy chiếu và sạc pin trong ít nhất 30 phút.
Không có hình	• Đảm bảo đã cắm cáp nguồn video đúng cách và đã bật nguồn video. • Nếu nguồn tín hiệu vào không được chọn tự động, hãy chọn đúng nguồn tín hiệu bằng phím Source (Nguồn tín hiệu) trên máy chiếu hoặc điều khiển từ xa.
Hình ảnh bị nhòe	• Điều chỉnh vòng lấy nét sẽ giúp lấy nét ống kính chiếu một cách chính xác. • Đảm bảo máy chiếu và màn hình được căn chỉnh thích hợp. Nếu cần, điều chỉnh chiều cao máy chiếu cũng như góc và hướng chiếu.
Nếu điều khiển từ xa không hoạt động	• Đảm bảo không có các vật cản giữa điều khiển từ xa và máy chiếu, và chúng phải đặt cách nhau 8 mét (26 foot). • Pin có thể hết thời hạn sử dụng , hãy kiểm tra và thay thế nếu cần thiết.
Máy chiếu/hệ thống bị treo và sẽ không phản hồi	• Vui lòng bật/tắt **Nút nguồn** để đặt lại thiết bị.

1 Nếu không sử dụng thiết bị trong thời gian dài thì trước tiên, bạn có thể cần phải sạc pin trong hai (2) thời gian dài.

Bảo dưỡng

Biện pháp phòng ngừa chung

- Đảm bảo đã tắt máy chiếu và rút cáp nguồn ra khỏi ổ cắm điện.
- Đừng bao giò tháo bất kỳ bộ phận nào khỏi máy chiếu. Liên hệ với ViewSonic® hoặc đại lý bán lẻ khi bạn cần thay thế bất kỳ bộ phận nào của máy chiếu.
- Đừng bao giờ xịt hoặc đổ bất kỳ chất lỏng nào trực tiếp lên vỏ máy.
- Hãy cầm nắm máy chiếu cẩn thận vì nó có màu tối hơn; nếu bị trầy xước, máy chiếu có thể hiện các dấu vết rõ hơn so với máy chiếu màu sáng hơn.

Vệ sinh ống kính

- Dùng bình khí nén thổi sạch bụi.
- Nếu ống kính vẫn chưa sạch, hãy dùng giấy vệ sinh ống kính hoặc thấm ướt khăn mềm bằng dung dịch vệ sinh ống kính và lau nhẹ lên bề mặt.

CHÚ Ý: Đừng bao giờ chà xát ống kính bằng chất liệu ăn mòn.

Lau vỏ máy chiếu

- Sử dụng khăn mềm khô không có xơ để loại bỏ bụi bẩn.
- Nếu vỏ máy vẫn chưa sạch, hãy bôi nhẹ một lượng nhỏ chất tẩy rửa không chứa amoniac, cồn và chất ăn mòn lên khăn mềm sạch không có xơ rồi lau sạch bề mặt.

CHÚ Ý: Đừng bao giờ sử dụng sáp, cồn, benzen, chất pha loãng hoặc chất tẩy rửa hóa học khác.

Cất giữ máy chiếu

Nếu bạn định cất giữ máy chiếu trong một thời gian dài:

- Đảm bảo nhiệt độ và độ ẩm tại khu vực cất giữ phải nằm trong phạm vi khuyến nghị.
- Rút gọn hoàn toàn chân điều chỉnh.
- Tháo pin ra khỏi điều khiển từ xa.
- Đóng gói máy chiếu bằng hộp đựng gốc hoặc hộp đựng tương đương.

Khước từ trách nhiệm

- ViewSonic® không khuyên dùng bất kỳ chất tẩy rửa có chứa amoniac hoặc cồn để lau ống kính hoặc vỏ máy chiếu. Một số chất tẩy rửa hóa học đã được báo cáo làm hỏng ống kính và/hoặc vỏ máy chiếu.
- ViewSonic® sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý về thiệt hại do sử dụng bất kỳ chất tẩy rửa nào có chứa amoniac hoặc cồn.

> Thông tin quy định và dịch vụ

Thông tin tuân thủ

Phần này giải quyết mọi yêu cầu và tuyên bố liên quan đến các quy định. Những ứng dụng tương ứng đã xác nhận sẽ đề cập đến các nhãn trên biển hiệu và nhãn hiệu liên quan trên thiết bị.

Tuyên bố tuân thủ FCC

Thiết bị này tuân thủ phần 15 của Quy định FCC. Hoạt động của thiết bị phải tuân thủ hai điều kiện sau: (1) thiết bị này có thể không gây nhiễu sóng có hại, và (2) thiết bị này phải chấp nhận mọi hiện tượng nhiễu sóng thu được, kể cả nhiễu sóng có thể gây ra hoạt động không mong muốn. Thiết bị này đã được thử nghiệm và chứng minh là tuân thủ các giới hạn về thiết bị số Loại B theo Phần 15 của Quy định FCC.

Các giới hạn này được thiết kế để giúp bảo vệ thích hợp đối với hiện tượng nhiễu sóng có hại trong hệ thống lắp đặt chung cư. Thiết bị này tạo ra, sử dụng và có thể phân tán năng lượng tần số vô tuyến và nếu không được lắp đặt và sử dụng theo các hướng dẫn có thể gây ra nhiễu sóng có hại cho các phương tiện liên lạc vô tuyến. Tuy nhiên, không có sự đảm bảo rằng việc nhiễu sóng sẽ không xảy ra trong hệ thống lắp đặt đặc biệt. Nếu thiết bị này gây nhiễu sóng có hại cho việc thu sóng vô tuyến hay truyền hình vốn có thể được xác định bằng cách bật và tắt thiết bị liên quan, người dùng nên cố gắng khắc phục hiện tượng nhiễu sóng qua một hoặc nhiều cách sau:

- Đổi hướng hoặc bố trí lại ăngten thu sóng.
- Tăng khả năng tách sóng giữa thiết bị và máy thu.
- Cắm thiết bị vào ổ cắm trên một mạch khác với ổ cắm máy thu.
- Hãy tham khảo ý kiến của đại lý phân phối hoặc kỹ thuật viên vô tuyến/truyền hình có kinh nghiệm để được trợ giúp.

Cảnh bảo: Lưu ý rằng các thay đổi hoặc sửa đổi chưa được chấp nhận hoàn toàn bởi bên chịu trách nhiệm tuân thủ có thể vô hiệu hóa quyền của bạn để dùng thiết bị này.

Tuyên bố phơi nhiễm bức xạ FCC

Thiết bị này tuân thủ theo giới hạn phơi nhiễm bức xạ FCC đặt ra cho một môi trường không kiểm soát. Thiết bị này cần phải được lắp đặt và vận hành với khoảng cách tối thiểu là 20 cm giữa vật bức xạ và cơ thể bạn.

Giá trị pháp lý của việc sử dụng chứng nhận mô đun:

Trong trường hợp không thể đáp ứng những điều kiện này (ví dụ như một số cấu hình máy tính xách tay hoặc vị trí đặt cùng với thiết bị truyền phát khác) thì sự cho phép của FCC đối với mô đun này khi kết hợp với thiết bị chủ sẽ không còn được coi là hợp lệ và không được dùng ID FCC của mô đun trên thành phẩm. Trong những trường hợp này, đơn vị hợp nhất OEM sẽ chịu trách nhiệm tái đánh giá sản phẩm cuối cùng (bao gồm cả bộ truyền phát) và xin sự cho phép riêng từ FCC.

Có thể dùng ăng-ten thiết kế tùy chỉnh, tuy nhiên, bên lắp đặt OEM phải tuân theo các yêu cầu FCC 15.21 và xác minh liệu có cần phải xin phê duyệt FCC mới hay không.

Tuân thủ nhãn CE đối các quốc gia châu Âu

CE Thiết bị tuân thủ Chỉ thị EMC 2014/30/EU và Chỉ thị điện áp thấp 2014/35/EU. và Chỉ thị về Thiết bị Vô tuyến 2014/53/EU.

Thông tin sau đây chỉ áp dụng cho các quốc gia thành viên EU:

Dấu hiệu bên phải là tuân thủ Chỉ thị về Rác thải Điện và Điện tử số 2012/19/EU (WEEE). Dấu hiệu cho biết yêu cầu KHÔNG xử lý các thiết bị là rác thải đô thị chưa phân loại, nhưng sử dụng hệ thống thu hồi và thu gom theo luật địa phương.

Tuyên bố tuân thủ RoHS2

Sản phẩm này đã được thiết kế và sản xuất theo Chỉ thị 2011/65 /EU của Nghị viện châu Âu và Hội đồng về việc hạn chế sử dụng một số chất nguy hại trong thiết bị điện và điện tử (Chỉ thị RoHS2) và được xem là tuân thủ các giá trị về nồng độ tối đa do Ủy ban Điều chỉnh Kỹ thuật châu Âu (TAC) ban hành như sau:

Chất liệu	Nồng độ tối đa đề xuất	Nông độ thực tế
Chì (Pb)	0,1%	< 0,1%
Thủy ngân (Hg)	0,1%	< 0,1%
Catmi (Cd)	0,01%	< 0,01%
Crom hóa trị sáu ($Cr6^{+}$)	0,1%	< 0,1%
Polybrominated biphenyl (PBB)	0,1%	< 0,1%
Ête diphenyl polybrominated (PBDE)	0,1%	< 0,1%
Bis (2-Ethylhexyl) phthalate (DEHP)	0,1%	< 0,1%
Benzyl butyl phthalate (BBP)	0,1%	< 0,1%
Dibutyl phthalate (DBP)	0,1%	< 0,1%
Diisobutyl phthalate (DIBP)	0,1%	< 0,1%

Một số thành phần của những sản phẩm nêu trên được miễn tuân thủ Phụ lục III của các Chỉ thị RoHS2 như ghi chú dưới đây. Ví dụ về các thành phần được miễn trừ gồm:

- Thủy ngân trong đèn huỳnh quang catôt lạnh và đèn huỳnh quang điện cực ngoài (CCFL và EEFL) cho các mục đích đặc biệt không vượt quá (trên mỗi đèn):
  - » Chiều dài thuộc loại ngắn (500 mm): tối đa 3,5 mg mỗi đèn.
  - » Chiều dài thuộc loại trung bình (> 500 mm và 1.500 mm): tối đa 5 mg mỗi đèn.
  - » Chiều dài thuộc loại dài (>1.500 mm): tối đa 13 mg mỗi đèn.
- Chì trong thủy tinh của đèn tia catôt.
- Chì trong kính của đèn huỳnh quang không quá 0,2% trọng lượng.
- Chì như một thành phần hợp kim trong nhôm chứa đến 0,4% trọng lượng chì.
- Hợp kim đồng có chứa đến 4% trọng lượng chì.
- Chì trong chất bán dẫn loại nhiệt độ nóng chảy cao (ví dụ như các hợp kim chì chứa từ 85% trọng lượng chì trở lên).
- Các thành phần điện và điện tử chứa chì trong kính hoặc gốm sứ khác so với gốm sứ cách điện trong các tụ điện, ví dụ như các thiết bị điện áp, hoặc trong hợp chất ma trận thủy tinh hoặc gốm sứ.

Hạn chế các chất nguy hại của Ấn Độ

Tuyên bố hạn chế chất thải nguy hại (Ấn Độ). Sản phẩm này tuân thủ "Quy định về rác thải điện tử Ấn Độ năm 2011" và cấm sử dụng chì, thủy ngân, crôm hóa trị sáu, polybromhenat biphenyl hoặc ête diphenyl polybromin với nồng độ vượt quá 0,1% trọng lượng và 0,01% trọng lượng catmi, ngoại trừ các khoản miễn trừ được quy định trong Phụ lục 2 của Quy định.

Điều khiển từ xa:

Các yếu tố bảo vệ theo hướng dẫn sẽ bao gồm như sau:

- yếu tố 1a: không có sẵn
- yếu tố 2: “Không nuốt pin, nguy cơ bị bỏng hóa chất” hoặc từ ngữ tương đương
- yếu tố 3:
  - » nội dung sau đây hoặc tương đương
  - » [Điều khiển từ xa kèm theo] Sản phẩm này chứa pin dạng đồng xu/nút.
  - » Nếu nuốt phải pin dạng đồng xu/nút, nó có thể gây bỏng nghiêm trọng bên trong cơ thể chỉ trong 2 giờ và có thể dẫn đến tử vong.
- yếu tố 4:
  - » nội dung sau đây hoặc tương đương
  - » Giữ pin mới và pin đã qua sử dụng xa tầm tay trẻ em.
  - » Nếu ngăn chứa pin không được đậy chặt, hãy ngưng sử dụng sản phẩm và đạt nó xa tầm tay trẻ em.
  - » Nếu bạn cho rằng pin có thể đã bị nuốt hoặc đặt vào bên trong bất kỳ bộ phận nào trong cơ thể, hãy đến ngay cơ sở y tế.

Pin:

- nhiệt độ cực cao hoặc cực thấp mà pin có thể phải trải qua trong quá trình sử dụng, bảo quản hoặc vận chuyển; và áp suất khí thấp ở độ cao lớn.
- thay thế pin bằng loại không đúng có thể vô hiệu hóa khả năng bảo vệ (chẳng hạn như trong trường hợp một số loại pin lithi);
- vứt pin vào lửa hoặc lò nóng, hoặc nghiền hay cắt pin bằng máy có thể dẫn đến nổ;
- đặt pin trong môi trường xung quanh có nhiệt độ cực cao có thể gây nổ hoặc rò rỉ chất lỏng hoặc khí dễ cháy;
- pin chịu áp suất khí cực thấp có thể gây nổ hoặc rò rỉ chất lỏng hoặc khí dễ cháy.

Thải bỏ sản phẩm khi kết thúc vòng đời sử dụng

ViewSonic® tôn trọng môi trường và cam kết làm việc và sống trong không gian xanh. Cảm ơn bạn đã trở thành hội viên của Sáng kiến Máy tính Thông minh hơn, Xanh hơn. Hãy truy cập trang web ViewSonic® để tìm hiểu thêm.

Mỹ & Canada:

https://www.viewsonic.com/us/go-green-with-viewsonic

Châu Âu:

https://www.viewsonic.com/eu/go-green-with-viewsonic

Đài Loan:

https://recycle.epa.gov.tw/

Thông tin bản quyền

Bản quyền© Công ty ViewSonic®, 2023. Bảo lưu mọi bản quyền.

Macintosh và Power Macintosh là thương hiệu đã đăng ký của Công ty Apple.

Microsoft, Windows và logo Windows là thương hiệu đã đăng ký của Công ty Microsoft tại Mỹ và các quốc gia khác.

ViewSonic®, logo ba con chim, OnView, ViewMatch và ViewMeter là thương hiệu đã đăng ký của Công ty ViewSonic®.

VESA là thương hiệu đã đăng ký của Video Electronics Standards Association. DPMS, DisplayPort và DDC là thương hiệu của VESA.

ENERGY STAR® là thương hiệu đã đăng ký của Cơ quan Bảo vệ Môi trường Mỹ (EPA).

Với tư cách là đối tác của ENERGY STAR®, Công ty ViewSonic® đã xác định rằng sản phẩm này đáp ứng các nguyên tắc của ENERGY STAR® về hiệu quả năng lượng.

Miễn trừ trách nhiệm: Công ty ViewSonic® sẽ không chịu trách nhiệm về các lỗi kỹ thuật hoặc biên tập hoặc những thiếu sót có trong sổ hướng dẫn sử dụng này; Công ty cũng sẽ không chịu trách nhiệm về những thiệt hại ngẫu nhiên hoặc do hậu quả từ việc cung cấp vật liệu này, hoặc việc sử dụng hoặc hiệu suất của sản phẩm này.

Với mong muốn tiếp tục cải tiến sản phẩm, Công ty ViewSonic® có quyền thay đổi các thông số kỹ thuật của sản phẩm mà không cần thông báo. Thông tin trong tài liệu này có thể được thay đổi mà không cần thông báo.

Không được phép sao chép, tái bản hoặc truyền tải bất cứ phần nào của tài liệu này dưới mọi hình thức, vì bất kỳ mục đích nào mà không có văn bản cho phép trước của Công ty ViewSonic®.

M1_Mini_Plus_UG_VNM_1c_20230911

Dịch vụ khách hàng

Để được hỗ trợ kỹ thuật hoặc dịch vụ sản phẩm, bạn có thể xem bảng dưới đây hoặc liên hệ với đại lý bán máy chiếu.

LƯU Ý: Bạn cần phải có số serial của sản phẩm.

Quốc gia/Khu vực	Website	Quốc gia/Khu vực	Website
Châu Á - Thái Bình Dương & Châu Phi			
Australia	www.viewsonic.com/au/	Bangladesh	www.viewsonic.com/bd/
中国 (China)	www.viewsonic.com.cn	香港 (繁體中文)	www.viewsonic.com/hk/
Hong Kong (English)	www.viewsonic.com/hk-en/	India	www.viewsonic.com/in/
Indonesia	www.viewsonic.com/id/	Israel	www.viewsonic.com/il/
日本 (Japan)	www.viewsonic.com/jp/	Korea	www.viewsonic.com/kr/
Malaysia	www.viewsonic.com/my/	Middle East	www.viewsonic.com/me/
Myanmar	www.viewsonic.com/mm/	Nepal	www.viewsonic.com/np/
New Zealand	www.viewsonic.com/nz/	Pakistan	www.viewsonic.com/pk/
Philippines	www.viewsonic.com/ph/	Singapore	www.viewsonic.com/sg/
臺灣 (Taiwan)	www.viewsonic.com/tw/	ประเทศไทย	www.viewsonic.com/th/
Việt Nam	www.viewsonic.com/vn/	South Africa & Mauritius	www.viewsonic.com/za/
Châu Mỹ			
United States	www.viewsonic.com/us	Canada	www.viewsonic.com/us
Latin America	www.viewsonic.com/la		
Châu Âu			
Europe	www.viewsonic.com/eu/	France	www.viewsonic.com/fr/
Deutschland	www.viewsonic.com/de/	Қазақстан	www.viewsonic.com/kz/
Россия	www.viewsonic.com/ru/	España	www.viewsonic.com/es/
Türkiye	www.viewsonic.com/tr/	Україна	www.viewsonic.com/ua/
United Kingdom	www.viewsonic.com/uk/		

Bảo hành hạn chế

Máy chiếu ViewSonic®

Nội dung bảo hành:

ViewSonic® bảo hành cho các sản phẩm của mình để không có các lỗi về vật liệu và kỹ thuật dưới điều kiện sử dụng bình thường trong thời hạn bảo hành. Nếu sản phẩm cho thấy có lỗi về vật liệu hay kỹ thuật trong thời hạn bảo hành, ViewSonic® sẽ tự sửa chữa hoặc thay thế bằng một sản phẩm tương tự. Sản phẩm hay phụ kiện thay thế có thể bao gồm các bộ phận hay linh kiện đã được tái sản xuất hoặc tân trang.

Bảo hành chung giới hạn ba (3) năm:

Theo chế độ bảo hành giới hạn hơn là một (1) năm được nêu dưới đây; cho khu vực Bắc và Nam Mỹ: Bảo hành ba (3) năm cho tất cả các bộ phận không bao gồm đèn, ba (3) năm cho nhân lực và một (1) năm cho đèn gốc kể từ ngày mua hàng đầu tiên của người tiêu dùng.

Các khu vực hoặc quốc gia khác: Vui lòng kiểm tra với đại lý hoặc văn phòng ViewSonic® tại địa phương để biết thông tin về bảo hành.

Bảo hành sử dụng nhiều giới hạn một (1) năm:

Trong cài đặt sử dụng nhiều, trong đó việc sử dụng máy chiếu bao gồm hơn mười bốn (14) giờ sử dụng trung bình mỗi ngày; khu vực Bắc và Nam Mỹ: Bảo hành một (1) năm cho tất cả các bộ phận không bao gồm đèn, một (1) năm cho nhân lực và chín mươi (90) ngày cho đèn gốc kể từ ngày mua hàng đầu tiên của người tiêu dùng; Châu Âu: Bảo hành một (1) năm cho tất cả các bộ phận không bao gồm đèn, một (1) năm cho nhân lực và chín mươi (90) ngày cho đèn gốc kể từ ngày mua hàng đầu tiên của người tiêu dùng. Các khu vực hoặc quốc gia khác: Vui lòng kiểm tra với đại lý hoặc văn phòng ViewSonic® tại địa phương để biết thông tin về bảo hành. Đèn được bảo hành theo các điều khoản và điều kiện, quy trình xác minh và phê duyệt. Chỉ áp dụng cho đèn được lắp đặt bởi nhà sản xuất. Tất cả các đèn phụ mua riêng từ nhà sản xuất sẽ được bảo hành trong 90 ngày.

Đối tượng hưởng chính sách bảo hành:

Chính sách bảo hành này chỉ có hiệu lực đối với người mua tiêu dùng đầu tiên.

Nội dung không được bảo hành gồm:

1. Bất kỳ sản phẩm nào có số serial đã bị xóa, sửa đổi hoặc gỡ bỏ.

2. Thiệt hại, hỏng hóc hoặc trục trặc do:

- » Tai nạn, sử dụng sai, lơ đễnh, hỏa hoạn, nước, sấm chớp hoặc các hiện tượng tự nhiên khác, sửa đổi sản phẩm trái phép hoặc không thực hiện theo các hướng dẫn kèm theo sản phẩm.
- » Hoạt động không tuân thủ các thông số kỹ thuật sản phẩm.
- » Hoạt động của sản phẩm khác với mục đích sử dụng thông thường hoặc không tuân thủ các điều kiện bình thường.
- » Sửa chữa hoặc cố sửa chữa bởi những người không được ViewSonic® ủy quyền.
- » Mọi hư hỏng đối với sản phẩm do vận chuyển.
- » Tháo hoặc lắp đặt sản phẩm.
- » Các nguyên nhân bên ngoài sản phẩm, chẳng hạn như dao động điện hoặc sự cố nguồn điện.
- » Sử dụng các phụ kiện cung cấp hoặc bộ phận không đáp ứng các thông số kỹ thuật của ViewSonic®.
- » Hao hòn thông thường.
- » Bất cứ nguyên nhân nào khác không liên quan đến lỗi sản phẩm.

3. Phí dịch vụ tháo rời, lắp đặt và thiết lập.

Cách nhận dịch vụ bảo hành:

1. Để biết thông tin về cách nhận dịch vụ thuộc chính sách bảo hành, hãy liên hệ với Trung tâm hỗ trợ khách hàng của ViewSonic® (Vui lòng tham khảo trang “Hỗ trợ khách hàng”). Bạn cần phải cung cấp số serial của sản phẩm đã mua.

2. Để nhận được dịch vụ bảo hành, bạn sẽ được yêu cầu cung cấp: (a) biên nhận gốc ghi ngày mua hàng, (b) tên bạn, (c) địa chỉ nhà, (d) bản mô tả về sự cố và (e) số serial của sản phẩm.

3. Mang hoặc vận chuyển hàng hóa trả cước trước theo thùng chứa gốc tới Trung tâm bảo hành ủy quyền của ViewSonic® hoặc tới ViewSonic®.

4. Để biết thêm thông tin về tên của Trung tâm bảo hành ViewSonic® gần nhất, hãy liên hệ ViewSonic®.

Giới hạn dịch vụ bảo hành gián tiếp:

Không có các dịch vụ bảo hành, dù trực tiếp hay gián tiếp, nằm ngoài phạm vi bản mô tả sản phẩm gồm dịch vụ bảo hành gián tiếp về khả năng được sản phẩm và sự phù hợp của sản phẩm vào một mục đích đặc biệt.

Loại trừ các thiệt hại:

Trách nhiệm pháp lý của ViewSonic® được giới hạn ở chí phí sửa chữa hoặc thay thế sản phẩm. ViewSonic® sẽ không chịu trách nhiệm về:

1. Thiệt hại đối với tài sản khác do bất kỳ lỗi nào về sản phẩm, những thiệt hại do sự bất tiện gây ra, thiệt hại từ việc sử dụng sản phẩm, mất thời gian, thất thu, mất cơ hội kinh doanh, mất tín nhiệm đối với khách hàng, gián đoạn các mối quan hệ kinh doanh hoặc thất thu thương mại khác, dù đã được thông báo về khả năng xảy ra những thiệt hại này.
2. Mọi thiệt hại khác, dù là ngẫu nhiên, do hậu quả hay các nguyên nhân khác.
3. Mọi khiếu kiện chống lại khách hàng từ bất kỳ bên nào khác.

Hiệu lực của luật tiểu bang:

Chính sách bảo hành này cung cấp cho bạn các quyền hợp pháp cụ thể, và bạn cũng có thể hưởng các quyền khác tùy theo từng nhà chức trách địa phương. Một số chính quyền địa phương không cho phép hạn chế về các chính sách bảo hành ngụ ý và/hoặc không cho phép loại trừ các thiệt hại ngẫu nhiên hoặc do hậu quả, vì vậy những hạn chế và loại trừ ở trên có thể không áp dụng cho bạn.

Bán hàng bên ngoài Mỹ và Canada:

Về thông tin và dịch vụ bảo hành đối với các sản phẩm ViewSonic® được bán ngoài nước Mỹ và Canada, hãy liên hệ ViewSonic® hoặc đại lý ViewSonic® tại địa phương của bạn.

Thời hạn bảo hành cho sản phẩm này ở Trung Hoa Đại lục (trừ Hồng Kông, Ma Cao và Đài Loan) phải tuân theo các điều khoản và điều kiện của Thẻ bảo hành.

Đối với người dùng ở châu Âu và Nga, bạn có thể tìm thấy đầy đủ các chi tiết về chính sách bảo hành tại:http://www.viewsonic.com/eu/ trong “Thông tin hỗ trợ/ bảo hành”.

Mẫu thời hạn bảo hành máy chiếu trong sổ hưởng dẫn sử dụng
VSC_TEMP_2005

ViewSonic®
See the difference®